

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI
PCI GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: **0887** /CBTT-PCI
No: **0887** /CBTT-PCI

Hà Nội, ngày **04** tháng **04** năm **2025**
Hanoi, April **04** 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI/ PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/*Stock code*: **PC1**

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: **Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ 18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam**

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: **Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ 583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam**

- Điện thoại/*Tel.*: **024 3734 3060**

- Fax: **024 3823 1997**

- Email: **cbtt@pcigroup.vn**

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI/ Documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of PCI Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày **04** /04/2025 tại đường dẫn: **<http://pcigroup.vn>** /*This information was published on the company's website on 04/04/2025, as in the link <http://pcigroup.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. */We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền CBTT

Person authorised to disclose information



Hoàng Văn Sáng

Số: 03/NQ-PC1-HĐQT

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1);
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 30/BB-PC1-HĐQT (NK 2020 -2025) ngày 3/4/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025, cụ thể:

- Thời gian: 8h00 phút, Thứ 6 ngày 25/04/2025
- Địa chỉ: Hội trường PC1, Tầng 2 - Tòa nhà CT2, Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương, số 583 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điều 2: Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, cụ thể:

- Chương trình họp, Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về kết quả năm 2024 và Kế hoạch năm 2025;
- Báo cáo của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
- Tờ trình của HĐQT về nội dung thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
- Tài liệu bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030: Thông báo ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030, Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các biểu mẫu đính kèm.
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Điều 3: Giao Tổng giám đốc Công ty triển khai các công tác tổ chức ĐHĐCB thường niên năm 2025 và thực hiện Công bố thông tin theo quy định.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Ban, phòng chuyên môn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 4.
- Ban kiểm soát (b/c).
- Ban NS, TC, KTNB (t/h)
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trịnh Văn Tuấn

**PC1****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1 (PC1 GROUP JSC)**

At: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Liên hệ tin cậy

W: www.pc1group.vn

E: info@pc1group.vn

F: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329

**DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

STT	NỘI DUNG	TÀI LIỆU
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	
3	Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2024 và mục tiêu năm 2025	
4	Báo cáo HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030	
5	Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025	
6	Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán) - Báo cáo tài chính Hợp nhất - Báo cáo tài chính Riêng	
7	Tờ trình 01 của HĐQT Công ty về nội dung thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	Số 01/TTr-PC1-HĐQT
8	Tờ trình số 02 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2025 của Công ty	Số 02/TTr- BKS -PC1
9	Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030	
10	Quy chế đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025	
11	Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	01/NQ-PC1-ĐHĐCĐ

**PCI****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI (PCI GROUP JSC)**

A: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Luôn luôn tin cậy

W: www.pcigroup.vn

E: info@pcigroup.vn

P: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025.

THÔNG BÁO

MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn PCI ("PCI") trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 8 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2025 (thứ 6).
- 2. Địa điểm:** Hội trường tầng 2 - Công ty cổ phần Tập đoàn PCI.
Tòa nhà CT2, Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Năng Hương, số 583 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- 3. Thành phần tham dự:** Tất cả Cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của PCI tại ngày 20/03/2025 (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).
- 4. Nội dung, chương trình và tài liệu Đại hội:** được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của Công ty: <https://pcigroup.vn>.

5. Đăng ký tham dự:

- Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo mẫu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thảo luận (nếu có) gửi về PCI trước ngày 24/04/2025 thông qua một trong các hình thức gửi chuyển phát, gửi trực tiếp, gửi email hoặc fax tới địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI (MSDN: 0100100745)

Địa chỉ: Tòa CT2 - 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội


Điện thoại: 024 3734 3060 (gặp Bà Ngô Thị Diệu Linh - Bộ phận Quan hệ cổ đông)

Fax: 024 3823 1997 Email: ir@pcigroup.vn

- Trường hợp Quý cổ đông không thể đến dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác theo mẫu ủy quyền của PCI. Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu theo thông tin cổ đông đã đăng ký và bản gốc Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ (nếu được ủy quyền) để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

- Quý cổ đông sẽ chịu mọi chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian diễn ra Đại hội.

Rất hân hạnh được đón tiếp quý vị cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Trân trọng 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHU TỊCH




Trịnh Văn Tuấn

**THƯ XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Tập đoàn PC1

1. Tên cổ đông:
2. Số CMND/CCCD/HC/GCNĐKKD:.....
Ngày cấp:.....nơi cấp:.....
3. Địa chỉ:
4. Tổng số cổ phần nắm giữ tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (20/03/2025) là: cổ phần.

Căn cứ vào giấy mời họp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 được tổ chức vào ngày 25/04/2025, tôi/chúng tôi xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội như sau:

Trực tiếp tham dự

Ủy quyền cho người khác tham dự (*Người được ủy quyền sẽ cầm theo giấy ủy quyền khi tham dự Đại hội*)

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức pháp nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng 04 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

Họ tên cổ đông:.....**(Bên ủy quyền).**

Số CMND/CCCD/ĐKDN:..... cấp ngày..... tại.....

Người đại diện (tổ chức):..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....

Tổng số cổ phần nắm giữ tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (20/03/2025) là: cổ phần.

(*Bằng chữ:*).

Tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*):

(*Bằng chữ:*.....).

Tôi/Chúng tôi làm giấy này để ủy quyền cho:

Ông **Trịnh Văn Tuấn** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông **Vũ Ánh Dương** – Tổng Giám đốc.

Ông/Bà:..... **(Bên nhận ủy quyền).**

CMND/CCCD/HC số: ngày cấp

Nơi cấp:

Số cổ phần được ủy quyền:..... cổ phần.

Bên nhận ủy quyền được thay mặt tôi/chúng tôi đến tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 vào ngày 25/04/2025 để thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông với số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PC1****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1 (PC1 GROUP JSC)**

A: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: 024 38456329

W: www.pc1group.vn

E: info@pc1group.vn

F: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329

**CHƯƠNG TRÌNH****Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025***Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025**Thời gian: Từ 7h45 đến 12h15*

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Người chủ trì
1	Đón tiếp	7h45-8h15	Ban tổ chức
2	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	8h15-8h30	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
3	Khai mạc đại hội, giới thiệu chủ tọa Đại hội	8h30-8h40	Ban tổ chức
4	Thông qua chương trình Đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Quy chế tổ chức Đại hội.	8h40-9h00	Chủ tọa Đại hội
5	Trình bày các nội dung nghị sự tại đại hội: 1. Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2024 và mục tiêu năm 2025; 2. Báo cáo HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030; 3. Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán); 4. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025; 5. Các Tờ trình của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty thông qua tại Đại hội.	9h00-10h50	Chủ tọa Đại hội
6	Thảo luận và biểu quyết các báo cáo và nội dung trình ĐHĐCĐ.		
7	Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030	10h50-11h30	Chủ tọa Đại hội, Ban kiểm phiếu
8	Giải lao	11h30-11h45	
9	Công bố kết quả biểu quyết và kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030.	11h45-11h55	Ban kiểm phiếu
10	HĐQT và BKS họp phiên thứ nhất và công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát.	11h55-12h10	HĐQT, BKS
11	Thông qua biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2025	12h10-12h15	Ban Thư ký
12	Bế mạc đại hội	12h15	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025.

**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng.

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (sau đây gọi chung là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (sau đây gọi chung là Công ty);
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.

- 2.1 Điều kiện tham dự Đại hội.
Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.
- 2.2 Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội.
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp Đại hội;
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản quy phạm khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

- c. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc và có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
- 2.3 Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
- a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham gia Đại hội phải mang theo Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền họp lệ (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
 - b. Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay lộn xộn trong cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - c. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Đại hội;
 - d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
 - e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội;
 - f. Cung cấp thông tin về người có liên quan hay người có lợi ích liên quan đến cổ đông theo yêu cầu của Công ty.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- 3.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:
- a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền họp lệ (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội và kết quả kiểm phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
- 3.2 Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- 4.1 Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
- 4.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết, thể thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu không thể xác định chính xác (các) cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (do thiếu thông tin hay do quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng), thì phiếu của cổ đông đó vẫn được tính, nhưng Ban kiểm phiếu phải lập biên bản ghi nhận sự việc này. Việc (các) cổ đông sau khi bỏ phiếu được xác định cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của nghị quyết mà cổ đông đó đã tham gia bỏ phiếu, nếu như

ng nghị quyết đó vẫn có đủ số phiếu cần thiết sau khi loại bỏ số cổ phiếu của cổ đông liên quan đó.

- 4.3 Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;
- 4.4 Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
- 4.5 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký.

- 5.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số Thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ;
Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng điều khiển cuộc họp hoặc vì lý do bất khả kháng thì các thành viên HĐQT còn lại bầu ra một trong số họ làm Chủ tọa Đại hội. Trường hợp HĐQT không bầu được Chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất có mặt sẽ điều khiển Đại hội để bầu ra một trong số các thành viên HĐQT hoặc cổ đông khác tham dự Đại hội làm Chủ tọa Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố;
- 5.2 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- 5.3 Chủ tọa tiến hành các công việc cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- 5.4 Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một địa điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp lý.
- 5.5 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của các cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 5.6 Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội ra khỏi Đại hội.
- 5.7 Đoàn Chủ tịch bao gồm một số thành viên HĐQT và cán bộ quản lý của Công ty do Chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
- 5.8 Thư ký cuộc họp có chức năng lập Biên bản Đại hội, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch. Thư ký cuộc họp có thể có một hoặc một số người giúp việc.

CHƯƠNG III THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI



Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại hội

- 6.1 Đại hội được tiến hành khi có cổ đông tham dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành;
- 6.2 Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện để tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 7: Tiến hành Đại hội

- 7.1 Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- 7.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 quy chế này;
- 7.3 Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8: Thông qua Quyết định của Đại hội

- 8.1 Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- 8.2 Riêng đối với các vấn đề liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phần chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành

Điều 9: Thẻ biểu quyết

- 9.1 Thẻ biểu quyết phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp có ghi mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết. Thẻ biểu quyết phải được đóng dấu treo của Công ty;
- 9.2 Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Điều 10: Thẻ thức biểu quyết

- 10.1 Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp công khai tại cuộc họp. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết có ghi "Số cổ phần" sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

- 10.2 Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu đồng ý, số phiếu không đồng ý, số phiếu không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 11: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng kí phát biểu. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình họp để bố trí sắp xếp việc phát biểu của các cổ đông. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho cổ đông đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào biên bản cuộc họp.

**CHƯƠNG IV
KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Điều 12: Biên bản Đại hội

- 12.1 Nội dung của Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
- 12.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 12.3 Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 12.4 Biên bản họp ĐHCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp kết thúc.
- 12.5 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 13: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 13.1 Căn cứ vào kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra nghị quyết của ĐHCĐ về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
- 13.2 Cổ đông, nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHCĐ phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 14: Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm 04 chương, 14 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PCI
TRỊNH VĂN TUẤN

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ MỤC TIÊU NĂM 2025**

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn PCI năm 2025

Phần 1: Kết quả thực hiện năm 2024;

Phần 2: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024;

Phần 3: Mục tiêu năm 2025;

**Phần 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024**

I. Đánh giá chung

Tình hình kinh tế - xã hội thế giới năm 2024 với một số điểm chính:

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng trưởng khoảng 3,2%, tương đương năm trước; Mức độ ổn định không đồng đều giữa các khu vực và quốc gia.
- Lạm phát toàn cầu giảm nhưng vẫn ở mức cao, từ 6% năm 2023 xuống còn 4,5% năm 2024. Dù vậy, mức này vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều quốc gia, ảnh hưởng đến chi tiêu tiêu dùng và đầu tư.
- Chính sách tiền tệ nới lỏng tại nhiều nền kinh tế lớn, nhiều ngân hàng trung ương đã cắt giảm lãi suất, nới lỏng các điều kiện tài chính để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- Thị trường lao động cải thiện nhưng vẫn đối mặt thách thức: tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu giảm dần, thậm chí thiếu lao động tại một số khu vực. Tuy nhiên, nhiều khu vực lại đối mặt với thách thức về chất lượng việc làm và mức lương.
- Căng thẳng thương mại và địa chính trị giữa các cường quốc và tại một số khu vực tiếp tục tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đòi hỏi các chính phủ có biện pháp ứng phó theo cách riêng của mỗi quốc gia.

Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2024

- Năm 2024, GDP Việt Nam tăng 7,09% so với năm trước, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, tuy nhiên đầu tư nguồn điện NLTT và lĩnh vực BĐS vẫn khó khăn lớn và đình trệ.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng mạnh và đạt 15,4% so với năm trước, duy trì cán cân thương mại xuất siêu 24,77 tỷ USD.

- Thu ngân sách Nhà nước vượt dự toán và đạt 2.037,5 nghìn tỷ đồng, bằng 119,8% dự toán năm và tăng 16,2% so với năm trước.
- Lạm phát được kiểm soát, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, phản ánh sự ổn định kinh tế vĩ mô.
- Năm 2024 ngành du lịch đã phục hồi mạnh mẽ trở lại; Thị trường thương mại điện tử Việt Nam có mức tăng trưởng dẫn đầu thế giới.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024

Năm 2024, HĐQT kiên định với mục tiêu phát triển bền vững trên các trụ cột kinh doanh được hoạch định theo Chiến lược có điều chỉnh thích ứng.

Các mục tiêu tập trung 2024 về đầu tư:

- Vận hành tin cậy, tối ưu các nguồn lực đối với: Các nhà máy điện, Công ty khoáng sản Tấn phát; Khu công nghiệp NHIZ.
- Tập trung phát triển KCN mới, Dự án BĐS mới. Xây dựng kế hoạch hoàn thiện thủ tục pháp các Dự án BĐS đang tồn đọng.
- Tiếp tục cập nhật chính sách và phát triển các Dự án năng lượng tái tạo theo tổng sơ đồ điện VIII điều chỉnh.

Các mục tiêu tập trung 2024 về EPC, xây lắp, sản xuất và kinh doanh:

- Xác định cụ thể sản phẩm mục tiêu, thị trường mục tiêu có ưu tiên chọn lọc theo lợi thế cạnh tranh của PCI;
- Tập trung các Dự án trọng điểm, các Dự án, các Hợp đồng thế mạnh trong nước mà PCI quan tâm.
- Phát triển một số thị trường quốc tế có chọn lọc, thành lập công ty con tại nước ngoài thực hiện vai trò nhà thầu, EPC các dự án điện, xuất khẩu cột điện, nghiên cứu đầu tư NLTT.
- Các hoạt động hỗ trợ tạo giải pháp đồng bộ đáp ứng khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, giải pháp vận hành thông minh, thiết kế chế tạo máy thiết bị chuyên dùng, kinh doanh thương mại ...

1. Một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2024:

HĐQT đã cùng với Ban Tổng giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, chuyên nghiệp. Đánh giá sát các tình hình, lập kế hoạch và kiểm soát các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Cải tiến quy trình, điều chỉnh các quy chế, quy định thông thoáng và quản trị rủi ro, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và sáng tạo cho CBNV.

Năng động, thích ứng với các cơ hội thuận lợi, xử lý các vướng mắc phát sinh kịp thời, hiệu quả.

Một số chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất Tập đoàn 2024 đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Kết quả % (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.822	10.089	93%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	525	710	135%
3	Cổ tức	%	15%	15%	100%

Các giải thưởng vinh danh trong năm 2024 PCI đã nhận được:

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Lần thứ 10 liên tiếp).
- Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Lần thứ 8 liên tiếp)
- Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính

**Một số nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến kế hoạch năm 2024:*

- i- Chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng hạch toán khoản vay USD của PCI;
- ii- Việc giải ngân đầu tư công chậm đối với các dự án hạ tầng điện ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hợp đồng của PCI.
- iii- Giá kim loại màu thế giới giảm sâu làm giảm kết quả kinh doanh hợp nhất của PCI.
- iv- Những vướng mắc về luật định, cấp phép cho các Dự án BĐS tiếp tục chậm trễ kế hoạch đầu tư của PCI.
- vi- Những bất cập trong Quy hoạch điện VIII, về đơn giá xây dựng ngành điện ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, đến kế hoạch và hiệu quả kinh doanh xây lắp.

2. Kết quả thực hiện trong công tác quản lý:

HDQT, Ban TGD Tập đoàn đủ năng lực, năng động, nhiệt huyết, tư duy đổi mới, sáng tạo, đoàn kết và luôn bám sát các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025, phân tích trúng các diễn biến thực tế, các yếu tố vĩ mô, ngành và thị trường đưa ra những quyết định, kế hoạch hiệu quả cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Đội ngũ CBNV, các Khối, các Ban thuộc Tập đoàn, các Công ty thành viên đã nỗ lực trước những khó khăn, phát huy thế mạnh và năng lực cạnh tranh, vượt qua những khó khăn lớn để khẳng định uy tín thương hiệu và đạt được chỉ tiêu kinh doanh.

Một số các hoạt động quản trị chung nổi bật:

- Duy trì sơ đồ tổ chức cùng bộ các quy chế, quy trình vận hành hợp lý. Các chính sách động viên động lực làm việc của đội ngũ, đặc biệt cơ chế phân cấp mạnh và phát huy vai trò chủ động sáng tạo của Lãnh đạo các Khối các đơn vị trong các hoạt động kinh doanh truyền thống cũng như các lĩnh vực kinh doanh mới, hoạt động kinh doanh tại nước ngoài.

- Công tác đào tạo phát triển năm 2024 đạt bước tiến và kết quả rất tích cực, nâng cao năng lực quản trị và duy trì đội ngũ ưu tú dài hạn.
- Hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ phần mềm tiên tiến, chuyển đổi số đạt nhiều kết quả thiết thực, hình thành nét văn hóa, phong trào thi đua trong PCI. Nhiều sáng kiến có giá trị cao đã được vinh danh và ứng dụng hiệu quả.
- Tăng cường các hoạt động quản trị rủi ro trong tất cả các hoạt động đầu tư Dự án, SXKD, vận hành của các công ty thành viên, rủi ro kinh doanh quốc tế.
- Các chuyên đề vận hành tinh gọn -LEAN được Trung tâm PTBV PCI triển khai giai đoạn 1 đã thúc đẩy cải tiến, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế rõ rệt.
- Thực hiện tốt chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc, sức khỏe và đời sống cho CBNV. Các hoạt động hội thao, hội diễn, giải chạy PCI Running mang lại kết quả và hấp dẫn với CBNV.

III. Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ và Phát triển hợp tác quốc tế

- Đội ngũ kỹ sư và công nghệ PCI tiếp tục nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cấu hình và lắp đặt các mô hình công nghệ, thiết bị chuyên dùng thông minh như: Trung tâm vận hành thông minh IOC cho KCN NHIZ Hải phòng; Nâng cấp Robot thi công cáp ngầm cao áp dưới biển cùng Hệ thiết bị đồng bộ thi công cáp ngầm biển; Đề tài vận hành thông minh lưới điện, nguồn điện tích hợp, tích trữ năng lượng; Nhiều nghiên cứu cải tiến ứng dụng trong quản lý và vận hành các nhà máy Sản xuất thành công, hiệu quả.
- Chiến lược phát triển hợp tác đối tác chiến lược với các Tập đoàn, các Công ty hay các tổ chức uy tín trong và ngoài nước về công nghệ, về các chuyên ngành kinh doanh, về tín dụng ngân hàng trong năm 2024 đạt được nhiều kết quả tích cực.

IV. Tăng vốn điều lệ

Trong năm đã hoàn thành tăng vốn điều lệ của PCI năm 2024 từ 3.109.955.580.000 đồng lên 3.576.421.210.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

IV. Trách nhiệm xã hội (CSR) và phát triển bền vững ESG

Thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững được PCI xác định là định hướng chiến lược phát triển dài hạn, đây không chỉ là lựa chọn mà từng bước sẽ trở thành chuẩn mực, văn hóa của PCI, trong đó:

1- Xây dựng chiến lược kinh doanh được tích hợp với phát triển bền vững:

- Đặt mục tiêu tăng trưởng, tài chính cân song hành với các yếu tố phát triển bền vững.
- Gắn kết chuỗi giá trị cốt lõi của Tập đoàn: sản phẩm, vận hành, nhân sự, khách hàng... với các hoạt động CSR.

2- Hoạt động quản trị hướng đến tiêu chuẩn ESG:

- Về môi trường: PC1 xuyên suốt các hoạt động kinh doanh đều gắn với trách nhiệm: giảm phát thải CO₂, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu xanh, xử lý chất thải theo quy chuẩn.
- Về xã hội: Chăm lo nâng cao đời sống người lao động, an toàn lao động, bình đẳng giới và phát triển cộng đồng.
- Về quản trị: Vận hành HDQT, Ban điều hành trách nhiệm, tuân thủ, hiệu quả và minh bạch.

3- Tương tác với các bên liên quan và báo cáo minh bạch:

- Đối thoại cởi mở với người lao động, khách hàng, chính quyền, cộng đồng và các cơ quan quản lý.
- Cập nhật và truyền thông thường xuyên đến cổ đông, đối tác, công chúng.
- Công bố báo cáo PTBV định kỳ, minh bạch.

4- Đổi mới sáng tạo hướng tới bền vững:

- Trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình kinh doanh và trong Đổi mới sáng tạo đầu tư công nghệ - PC1 luôn ưu tiên chọn mô hình và công nghệ xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng và giải pháp bảo vệ môi trường tiên tiến.

5- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững:

- Hiện nay PC1 đang ưu tiên phát triển văn hóa cấp tiến PC1, truyền cảm hứng cho nhân viên sống có trách nhiệm xã hội và cộng đồng.
- Các hoạt động đào tạo nội bộ, triển khai chiến lược, phát triển kinh doanh, sản phẩm mới, thị trường mới đều tính toán, lồng ghép giá trị phát triển bền vững trong từng hoạt động.

6- Một số hoạt động tiêu biểu về trách nhiệm cộng đồng và An sinh xã hội trong năm 2024:

- Trách nhiệm cộng đồng: PC1 đã ký kết Hợp tác chiến lược với các Bệnh viện tuyến TW. Năm 2024, Trung tâm Phát triển bền vững - PC1 đã triển khai thành công các Dự án tài trợ: i- Nâng cao năng lực quản trị chiến lược và tư duy quản trị tinh gọn tại Bệnh viện Bạch Mai; ii- Bổ sung trang thiết bị y tế và Tư vấn chuẩn hóa, tinh gọn hệ thống quy trình, an toàn phẫu thuật tại Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, Bệnh viện phụ sản Trung ương.

Các dự án trên đây đã mang lại ý nghĩa và giá trị thiết thực góp phần giảm quá tải, nâng cao chất lượng quản lý, vận hành khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân tại các Bệnh viện tuyến đầu, được ban Lãnh đạo và đội ngũ Y bác sỹ đánh giá rất cao.

- Nhiều các hoạt động an sinh xã hội tại các vùng miền dễ chia sẻ khó khăn với các địa phương, đồng bào như:

- + Chương trình Đông ấm vùng cao, hỗ trợ trang bị cho các em học sinh và gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Cao Bằng;
- + Hỗ trợ kinh phí, vật chất, nhân lực, chuyên gia để khắc phục ảnh hưởng sau bão lịch sử - Yagi tại các tỉnh Cao Bằng, Hải Phòng, Quảng Trị, Hà Nội.
- + Tặng nhà cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trao tặng gói Hỗ trợ máy tính - nâng cao chất lượng công việc cho CBNV UBMT Tổ quốc Việt Nam.
- + Huy động phương tiện, máy móc, trang thiết bị và nhân lực để khắc phục sạt lở đất, ngập lụt do thiên tai, chia sẻ khó khăn tại một số địa phương.

Lãnh đạo Tập đoàn nhận thức cần làm tốt CSR và phát triển bền vững không chỉ là xu thế, là trách nhiệm mà còn vai trò nâng cao Năng lực cạnh tranh của PC1, tạo sự tin tưởng của cộng đồng, nhà đầu tư, sự trung thành của khách hàng và sự gắn bó của người lao động, thúc đẩy PC1 phát triển bền vững.

Phần 2

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các hoạt động chung

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc chức năng và nhiệm vụ theo quy định Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ của Tập đoàn: Hoạch định các mục tiêu, kế hoạch lớn, quyết định và phê duyệt các nội dung theo quyền hạn, giám sát và thúc đẩy các hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai mục tiêu, kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2024.

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp và 22 lần lấy ý kiến bằng văn bản, đã ban hành 55 nghị quyết, quyết định để thông qua nhiều nội dung quan trọng:

- Thông qua kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024 toàn Tập đoàn, trình ĐHĐCĐ;
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
- Điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty và bổ nhiệm nhân sự theo Sơ đồ tổ chức; Thay đổi Người đại diện vốn tại các công ty con.
- Tái cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động của các Công ty thành viên trong lĩnh vực xây lắp điện (Đợt 2 và Đợt 3) và ban hành Quy chế kiểm soát các công ty trong lĩnh vực này.
- Công tác đầu tư: Góp vốn điều lệ bổ sung vào Công ty dự án, công ty liên kết; Chuyển nhượng Dự án thủy điện Thượng Hà về Công ty con; Tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện đầu tư kinh doanh dự án bất động sản dân dụng .v.v...
- Thành lập công ty con ở nước ngoài (Philippines).

2. Hoạt động giám sát của HĐQT

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát cụ thể:

- Chủ trì và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện các Dự án do PCI là Chủ đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh của các công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo định kỳ và không định kỳ khi cần thiết.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Báo cáo tài chính năm 2024, Báo cáo tài chính các quý năm 2024, Báo cáo tài chính bán niên.
- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

Hội đồng Quản trị ghi nhận và đánh giá cao về năng lực lãnh đạo, điều hành,

tinh thần trách nhiệm, sự quyết liệt và linh hoạt trong thực hiện mục tiêu của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các chiến lược kinh doanh, duy trì sự ổn định và tăng trưởng và kết quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, biến động. Tổ chức hiệu quả các hoạt động nâng cao năng lực quản lý hệ thống như: Đào tạo phát triển, Phát triển văn hóa PCI, Các chính sách chăm sóc đời sống, phong trào, tinh thần, sức khỏe cho CBNV.

3. Giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan

Giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan được thực hiện tuân thủ theo các quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn. Danh sách các giao dịch với các bên liên quan được thống kê và trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 và Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024.

4. Thù lao của HĐQT

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đã thông qua nghị quyết về Thù lao của Hội đồng quản trị: Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định. Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2024, Tổng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2024 là 6.000.000.000 đồng. Trong đó:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT	3.975.000.000	
2	Ông Nguyễn Minh Đệ - Ủy viên HĐQT	540.000.000	
3	Ông Võ Hồng Quang - Ủy viên HĐQT	540.000.000	
4	Ông Vũ Ánh Dương - Ủy viên HĐQT	540.000.000	
5	Ông Mai Lương Việt - Ủy viên HĐQT	45.000.000	Đơn từ nhiệm từ ngày 01/02/2024
6	Ông Phan Ngọc Hiếu	360.000.000	Bầu vào HĐQT từ ngày 26/04/2024
	Tổng cộng	6.000.000.000	

Phần 3

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2025

L.Nhận định chung về kinh tế xã hội 2025

Thế giới năm 2025 bước vào giai đoạn "bình thường mới" với kỳ vọng tăng trưởng ổn định hơn, nhưng vẫn còn nhiều rủi ro, biến động phức tạp. Việt Nam có nhiều cơ hội bứt phá từ xu thế chuyển dịch chuỗi cung ứng, chuyển đổi xanh và số hóa. Đặc biệt xu thế Phát triển bền vững đã bao trùm và sẽ là trục chính trong hoạch định chính sách và chiến lược của cộng đồng doanh nghiệp.

1. Dự báo xu thế Kinh tế - xã hội toàn cầu năm 2025

i- Tăng trưởng toàn cầu dự báo phục hồi nhẹ, nhưng còn nhiều thách thức do lãi suất vẫn cao, nợ công nhiều nền kinh tế lớn ở mức cao. Dự báo GDP toàn cầu tăng khoảng 3.0-3.2%, chủ yếu nhờ cải thiện trong các nền kinh tế phát triển như Mỹ, EU và sự phục hồi tại châu Á.

ii- Dự báo đã phục hồi kinh tế chưa vững chắc, Chính sách tiền tệ chuyển sang nới lỏng: Nhiều ngân hàng trung ương như Fed, ECB ... dự báo bắt đầu giảm lãi suất vào giữa năm 2025, sau khi lạm phát hạ nhiệt - Điều này sẽ hỗ trợ đầu tư và tiêu dùng, tác động tích cực tăng trưởng toàn cầu.

iii- Căng thẳng địa chính trị tiếp tục là rủi ro lớn: Căng thẳng Mỹ - Trung, xung đột Nga - Ukraine, Trung Đông, chính sách thuế và chiến tranh thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và tâm lý thị trường.

iv- Thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững là vấn đề ưu tiên: Các quốc gia đẩy mạnh đầu tư sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, và nền kinh tế tuần hoàn để ứng phó biến đổi khí hậu. ESG trở thành tiêu chuẩn đánh giá doanh nghiệp toàn cầu.

v- Chuyển đổi số - AI phát triển tốc độ nhanh: Trí tuệ nhân tạo AI, tự động hóa và công nghệ số tiếp tục bùng nổ, làm thay đổi mô hình kinh doanh, quản lý xã hội. Điều này đang tạo ra thách thức về việc làm và kỹ năng.

2. Dự báo kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2025

Năm 2025 Việt Nam khởi đầu Kỷ nguyên vươn mình, Đổi mới, bứt phá và tiến bộ xã hội.

i- Mục tiêu tăng trưởng GDP 2025 là 8% và từ 2026-2030 là trên 10%: Kinh tế Việt Nam hướng tới phục hồi và tăng tốc, tận dụng cơ hội từ chuỗi cung ứng dịch chuyển và lợi thế từ các Hiệp định thương mại; từ chiến lược tập trung đầu tư công nhiều Dự án hạ tầng trọng điểm, thiết yếu quy mô lớn; Từ hiệu ứng phát huy tối ưu các nguồn lực xã hội và tạo ra nguồn lực mới thông qua cải cách về thể chế và môi trường kinh doanh.

ii- Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô: Duy trì CPI ở mức kiểm soát từ 4-4,5%, điều hành tỷ giá, lãi suất linh hoạt. Thu ngân sách, đầu tư công, và dòng vốn FDI được kỳ vọng đều tăng trưởng.

iii- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh và số hóa toàn diện: Xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước; Phát triển kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới.

Xu thế tăng trưởng xanh, sản xuất tiêu dùng xanh, bảo vệ môi trường.

iv- Chính sách an sinh xã hội, giáo dục - y tế được ưu tiên: Cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tăng chi cho giáo dục nghề, y tế cơ sở và phúc lợi xã hội.

v- Cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đồng thời với tinh thần mới xây dựng pháp luật vừa để khuyến khích sáng tạo, giải phóng, khơi thông mọi nguồn lực - là những nhân tố căn bản để tạo động lực phát triển.

II. Kế hoạch Đầu tư kinh doanh năm 2025

Căn cứ dự báo tình hình chung quốc tế và trong nước, của ngành, xuất phát thực tế của PCI, kế hoạch 2025 cần được xác định rõ các trụ cột kinh doanh ưu tiên, tối ưu hóa danh mục đầu tư, phân bổ ưu tiên hiệu quả các nguồn lực, giải pháp tạo nguồn lực mới, nâng cao năng lực tổng thầu và chuyển đổi số đồng thời xây dựng chiến lược tích hợp ESG, quản trị rủi ro sẽ là chìa khóa để kế hoạch 2025 PCI đạt kết quả và kết nối phát triển dài hạn.

1. Nhận định cơ hội và thách thức

1.1 Cơ hội đối với PCI trong năm 2025

- Chính sách chuyển dịch năng lượng và chính sách tăng trưởng xanh;
- Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công và phát triển hạ tầng năng lượng;
- Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng về Việt Nam;
- Tín dụng xanh và vốn quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp năng lượng sạch;
- Chuyển đổi số ứng dụng AI trong công nghiệp và quản lý dự án.

1.2 Thách thức lớn PCI phải đối mặt:

- Biến động địa chính trị và chi phí đầu vào;
- Tiếp cận vốn và dòng tiền đầu tư khó khăn;
- Thủ tục pháp lý vẫn chậm, đặc biệt với năng lượng và BĐS;
- Cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực tổng thầu và đầu tư năng lượng;
- Áp lực chuyển đổi ESG và minh bạch trong hoạt động

2. Các định hướng nhiệm vụ về SXKD:

- Tập đoàn phê duyệt kế hoạch kinh doanh với mỗi Khối, các Công ty thành viên, chỉ tiêu thách thức nhưng khả thi và hiệu quả.
- Tiếp tục cải tiến Cơ chế, quy chế, quy trình nội bộ đảm bảo quản lý mọi hoạt động và thông thoáng, tinh gọn - tạo động lực phát triển.

- Kiến tạo nguồn lực nền tảng chung của hệ thống về: Tầm nhìn lãnh đạo, chiến lược, văn hóa tổ chức, quan hệ chiến lược, đội ngũ ưu tú, công nghệ - bằng sáng chế - bản quyền, tài chính - tài sản.
- Luôn đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, năng lực cạnh tranh.
- Cải thiện môi trường làm việc hấp dẫn, văn minh tạo động lực.
- Khả năng thích ứng, linh hoạt, đi trước các xu thế, các biến động đảm bảo hiệu quả, an toàn.
- Quản trị rủi ro và phát triển bền vững.

3. Chỉ tiêu chính về kinh doanh 2025

Năm 2025, được xác định là năm tăng tốc hoàn thành chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 và tạo tiền đề cho xây dựng chiến lược giai đoạn 2026 - 2030, PCI đặt các chỉ tiêu kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Tỷ lệ với TH 2024 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	13.395	133%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	836	118%
3	Cổ tức	%	15%	100%

III. Định hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2025

HĐQT trách nhiệm Quản trị hiệu quả, dẫn dắt Tập đoàn phát triển bền vững, minh bạch và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

HĐQT hoạch định chiến lược, định hướng tầm nhìn, kiểm soát rủi ro, tạo dựng niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng, hỗ trợ và thúc đẩy Ban điều hành chủ động, sáng tạo, minh bạch và hiệu quả.

1. Chiến lược phát triển Tập đoàn:

- Chủ trì xây dựng và phê duyệt Chiến lược PCI giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn 2045;
- Xác định tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược kinh doanh, đầu tư, tái cấu trúc..., xu thế phát triển bền vững -ESG, chuyển đổi số, phát triển xanh.
- Thúc đẩy các mục tiêu kinh doanh 2025 bám sát và kết nối chiến lược dài hạn.

2. Giám sát hoạt động điều hành và hiệu quả kinh doanh:

- Giám sát Ban điều hành việc thực hiện các mục tiêu đã phê duyệt.
- Đánh giá định kỳ về tăng trưởng, lợi nhuận, dòng tiền, rủi ro...
- Xem xét và điều chỉnh kế hoạch, mục tiêu quan trọng, giải pháp quản trị.

3. Kiểm soát tài chính và đầu tư:

- Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tài chính, các khoản đầu tư lớn, mua bán - sáp nhập v.v.. theo định kỳ và theo dự án.
- Kiểm soát các chỉ tiêu về tài chính, tài sản, nguồn vốn, đảm bảo sử dụng hiệu quả và an toàn.

4. Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ:

- Phê duyệt và giám sát hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ.
- Kiểm soát và xử lý các rủi ro lớn về tài chính, pháp lý, thị trường, uy tín...
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

5. Đảm bảo quản trị doanh nghiệp minh bạch - chuyên nghiệp:

- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT, đánh giá kết quả thực hiện.
- Đầy đủ các trách nhiệm quản trị, bảo đảm công khai, minh bạch thông tin.

6. Phát triển nguồn nhân lực cấp cao có chất lượng, đoàn kết, liêm chính:

- Phát triển và bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo quản lý các cấp theo quy chế;
- Xây dựng chính sách, chế độ lương thưởng, ESOP, KPIs ... tạo động lực dài hạn đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

7. Lồng ghép yếu tố ESG và phát triển bền vững:

- Định hướng doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ESG, công bố báo cáo bền vững.
- Phê duyệt các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR), chuyển đổi xanh, quản trị đạo đức, văn hóa.

Trên đây là toàn bộ báo cáo đánh giá thực hiện năm 2024 và các mục tiêu năm 2025 Hội đồng quản trị kính trình Đại hội.

Kính mong nhận được các ý kiến đóng góp tích cực và trách nhiệm của Đại hội, của Quý cổ đông nhằm giúp HĐQT, Ban lãnh đạo Tập đoàn tiếp tục phát huy trách nhiệm và năng lực để triển khai thành công các mục tiêu 2025, lộ trình chiến lược giai đoạn tiếp theo. PCI thành công, thịnh vượng, phát triển nhanh và bền vững.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP THỂ
BOARDS
PCI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP THỂ
ĐÀ NẴNG



Trịnh Văn Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025-2030**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI năm 2025

- Phần 1: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Phần 2: Định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030;

**Phần 1
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025**

I-Đánh giá chung về diễn biến kinh tế xã hội:

1- Yếu tố quốc tế:

- Kinh tế thế giới sau COVID 19 phục hồi chậm do lạm phát và lãi suất cao.
- Về địa chính trị, bất ổn gia tăng tại nhiều khu vực Nga- Ucraina; Mỹ -Trung; Dải Gaza.v.v..
- Về chính sách và cơ hội: Toàn cầu ưu tiên chính sách sản xuất tiêu dùng xanh, chuyển đổi số và xu thế tự chủ chuỗi cung ứng.
- Các rủi ro lớn toàn cầu là lạm phát, xung đột và biến đổi khí hậu.

2- Yếu tố Việt Nam:

- Kinh tế phục hồi sau COVID 19 với GDP 2021: 2,6%, 2022: 8%, nhưng khó khăn và chậm lại năm 2023: 5,1% do cầu thị trường quốc tế yếu; lạm phát, tỷ giá và lãi suất tăng cao, nguồn lực tài chính hạn hẹp, năm 2024: 7,09%.
- Về ảnh hưởng địa chính trị Việt Nam tương đối ổn định và có được lợi thế do xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Về chính sách và cơ hội của Việt Nam ưu tiên chuyển đổi số, sản xuất tiêu dùng xanh, hỗ trợ FDI và công nghiệp chế biến, đầu tư công phát triển hạ tầng, năng lượng, logistic, khu công nghiệp sinh thái.
- Các rủi ro lớn của Việt Nam về áp lực tài khóa; trái phiếu doanh nghiệp; tài chính doanh nghiệp; không theo kịp thế giới về chuyển đổi số và AI; bất cập về thể chế, chính sách, quy định pháp luật đầu tư trong lĩnh vực đầu tư bất động sản; khó khăn lớn đến ngành xây dựng và xây lắp.

II. Hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025:

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị PCI nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 5 thành viên, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm các chức danh điều hành từ ngày 01/12/2021, cơ cấu thành viên HĐQT

đảm bảo 2/3 thành viên HĐQT không điều hành. Năm 2024, thay đổi 01 thành viên HĐQT - Ông Mai Lương Việt do có đơn từ nhiệm, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên HĐQT	
3	Ông Võ Hồng Quang	Thành viên HĐQT	
4	Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên HĐQT	
5	Ông Mai Lương Việt	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành. Đơn từ nhiệm từ ngày 01/02/2024
6	Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành. Bầu vào HĐQT từ ngày 26/04/2024

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT đã nêu cao trách nhiệm triển khai nhiệm vụ quản trị Công ty bám sát Chiến lược phát triển PCI 2020-2025 tầm nhìn 2035, linh hoạt, thích ứng và điều chỉnh Chiến lược phù hợp bối cảnh kinh tế xã hội biến động phức tạp và khó khăn. Các hoạt động đều tuân thủ quy định luật pháp và Điều lệ công ty.

Tóm tắt hoạt động trọng yếu của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025:

- HĐQT đã thực hiện phân công nhiệm vụ đến các thành viên, thực hiện bài bản, chuyên nghiệp về Hoạch định chiến lược, dẫn dắt chiến lược phát triển toàn Tập đoàn, điều chỉnh cải tiến và phê duyệt các Quy chế quản lý đáp ứng thực tế yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phê duyệt chiến lược PCI giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kịp thời, thích ứng diễn biến mới về mục tiêu đầu tư dài hạn của Tập đoàn.

- Định hướng đầu tư, phê duyệt đầu tư dự án, phát triển dự án mới theo thẩm quyền. Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát Ban Tổng giám đốc, các Khối kinh doanh, các Công ty con thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư và kinh doanh. Đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông theo các chỉ tiêu của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Tổ chức ĐHĐCĐ hàng năm; các cuộc họp thường kỳ nghiêm túc và chất lượng; thực hiện báo cáo và đệ trình những nội dung theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; báo cáo, giải trình thỏa đáng những nội dung cổ đông quan tâm.

- HĐQT giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời đến cổ đông, nhà đầu tư.

3. Tổng hợp các cuộc họp, lấy ý kiến và NQ, QĐ của HĐQT các năm:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Họp và lấy ý kiến bằng văn bản	30	26	27	18	32	06
Nghị quyết và Quyết định	59	58	51	31	55	8

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
1. Hoạch định và triển khai Chiến lược PCI

- Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2025 tầm nhìn 2030 do PCI cùng tư vấn chiến lược KPMG xây dựng.

- Chiến lược được tập trung bởi: Sự cân bằng giữa tầm nhìn dài hạn, Lợi thế cạnh tranh bền vững và Khả năng thực thi hiệu quả. Trong đó Tập đoàn và các Khối đều xác định rõ khung chiến lược, mục tiêu chỉ tiêu, cách thức và công cụ phục vụ để triển khai.

- Quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2021-2024 đã gặp nhiều những biến động nhanh, khó khăn lớn từ kinh tế vĩ mô; ngành Điện, lĩnh vực BĐS do phát sinh những bất cập, vướng mắc từ chính sách, pháp lý đầu tư và những rào cản của tổng sơ đồ điện VIII. Các ngành Kinh doanh trọng yếu mà PCI tập trung giai đoạn này đã bị đình trệ.

- Đứng trước tình hình khó khăn lớn, HĐQT, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã sáng tạo và kịp thời điều chỉnh các hoạt động chiến lược lớn, gồm:

i- Giảm đầu tư năng lượng tái tạo, xoay trục đầu tư nguồn lực để phát triển các Khu công nghiệp. Các Dự án năng lượng đang chuẩn bị đầu tư sẽ giãn lại, chờ cơ hội đầu tư thích hợp.

ii- Phát triển thị trường quốc tế đối với Khối EPC và Khối sản xuất công nghiệp;

iii- Tập trung tháo gỡ các thủ tục pháp lý cho Dự án BĐS nhà ở đang bị chậm, đồng thời phát triển Dự án mới.

2. Phát triển nguồn vốn:

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024 là 3.576 tỷ đồng, tăng 1,87 lần so với 31/12/2020.

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2024 là 20.988 tỷ đồng, tăng 1,96 lần so với 31/12/2020.

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Vốn điều lệ	1.912	2.352	2.704	3.110	3.576
Vốn chủ sở hữu	4.770	6.281	7.173	7.148	7.716
Tổng tài sản	10.722	18.687	21.754	20.175	20.988

3. Kết quả kinh doanh hàng năm:

Giai đoạn 2021 - 2024, doanh thu tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 10,83%, Mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế trung bình hàng năm: 6,66%.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu	Tỷ đồng	6.679	9.828	8.358	7.694	10.089
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	Tỷ đồng	544	764	537	182	710
Cổ tức	%	20%	15%	15%	15%	15%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	290	657	478	608	1.446

4. Hoạt động đầu tư Dự án:

Đầu tư dài hạn là hoạt động trọng yếu và trực tiếp đến nguồn vốn, tài sản, hiệu quả kinh doanh trung và dài hạn của PCI. HĐQT đã căn cứ chiến lược PCI giai đoạn 2021-2025, quyết định điều chỉnh linh hoạt danh mục đầu tư phù hợp chính sách nhà nước và thị trường, kết quả đã đạt được mức tích cực như:

4.1. Đầu tư năng lượng

a. Đầu tư Điện gió: Tháng 10/2021 - PCI đã hoàn thành và phát điện thành công 03 nhà máy điện gió tại Quảng Trị.

- Công suất: 144 MW
- Tổng mức đầu tư: 6.079.411.708.000 đồng
- Vận hành tin cậy và đạt hiệu quả đầu tư.

b. Khởi công đầu tư 02 Nhà máy thủy điện tại Cao Bằng vào quý 4 năm 2024:

- Nhà máy Thủy điện Bảo Lạc A: 30 MW
- Nhà máy Thủy điện Thượng Hà: 13 MW
- Kế hoạch phát điện 02 NM: Q4/2026

c. Tiếp tục phát triển các Dự án điện gió, điện mặt trời chờ thời điểm đầu tư phù hợp.

4.2. Đầu tư hạ tầng KCN

- Năm 2021, Tập đoàn phát triển đầu tư lĩnh vực hạ tầng KCN thông qua việc đầu tư mua 30% vốn góp tại Công ty cổ phần Western Pacific Group - Công ty chuyên đầu tư các KCN, logistic và kho hàng hóa thông minh.

- Năm 2022, PCI thành công M&A mua lại 70% vốn góp tại Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng (nay là Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng), thông qua việc nhận chuyển nhượng 70% vốn Công ty từ Nomura Holding- Nhật Bản.

- Ngày 31/12/2024, Chính phủ đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nomura - 2 (# 200 ha) cho Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng - Công ty con của

PC1. Hiện dự án đang triển khai GPMB và dự kiến khởi công xây dựng vào quý III/2025.

4.3. Đầu tư Bất động sản nhà ở

- Giai đoạn 2021-nay do vướng mắc chung về chính sách, quy định pháp luật cấp thủ tục đầu tư dự án, Ban Đầu tư bất động sản tập trung: i- Hoàn tất các hồ sơ pháp lý đất đai các Dự án; ii- Quy hoạch các Dự án, các khu đất của PC1 đang quản lý; iii- Thuê tư vấn đào tạo, đánh giá tình hình thị trường; iv- Chuẩn bị các hồ sơ thủ tục cần thiết để sẵn sàng xin cấp phép; v- Tìm kiếm cơ hội phát triển Dự án mới; vi- Dịch chuyển lực lượng CBNV quản lý của Ban sang thực hiện Phát triển và quản lý các Dự án đầu tư KCN.

- Tháng 10/2024 khởi công Dự án Tháp Vàng - Gia Lâm (1,5 ha), dự kiến bán hàng và bàn giao toàn bộ vào năm 2025.

4.4. Khoáng sản và vật liệu mới

Năm 2023, Công ty cổ phần khoáng sản Tấn Phát- Công ty con của PC1 đã hoàn thành đưa vào sản xuất Nhà máy số 1: Tuyển Nickel - Đồng tại Cao Bằng. Trong năm 2023, 2024 Công ty Tấn Phát hoạt động ổn định, an toàn, tin cậy. Các hoạt động khai thác, tuyển khoáng và xuất khẩu đều chấp hành tuân thủ tốt các quy định luật pháp. Kết quả kinh doanh đạt hiệu quả đầu tư.

5. Hoạt động của các Khối Sản xuất Kinh doanh:

- Trong điều kiện kinh doanh trong nhiệm kỳ này gặp nhiều khó khăn về thị trường, về đơn giá và chi phí, về việc làm - các Khối tổng thầu EPC, Khối điện và Công nghiệp, Khối sản xuất, Ban KDTM, các Công ty thành viên đã nỗ lực không ngừng vượt lên những khó khăn;
- Luôn cập nhật, đánh giá và xác định, lựa chọn đúng sân chơi, cùng với đổi mới sáng tạo, đầu tư Thiết bị công nghệ mới, phần mềm quản lý tiên tiến, mở rộng thị trường mới, phối hợp sức mạnh hệ sinh thái để duy trì và phát triển KD;
- Tiếp tục khẳng định năng lực, thương hiệu và uy tín PC1 vững vàng - tin cậy.
- Phát triển thị trường quốc tế thành công và tiềm năng;
- Qua mỗi năm, sức mạnh, năng lực, quy mô và tính chuyên nghiệp tiếp tục được phát triển.

6. Về quản trị điều hành

- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã định hướng và phê duyệt, trình phê duyệt tái cấu trúc về sơ đồ tổ chức Công ty mẹ con PC1 theo **mô hình Tập đoàn**; Sắp xếp lại các công ty xây lắp thành viên, đáp ứng mục tiêu phát triển; Quản lý tin cậy các hoạt động kinh doanh, tăng cường công tác quản trị, kiểm toán nội bộ tại các đơn vị.
- Tổ chức thiết kế, công bố và vận hành **Bộ nhận diện thương hiệu mới PC1**: Khẳng định vị thế, uy tín PC1 trên con đường phát triển và hội nhập; Thông điệp tầm nhìn Quốc tế, khát vọng chinh phục đỉnh cao mới và tự tin vươn ra Thế giới; Cải thiện tích cực về thẩm mỹ, ấn tượng, trải nghiệm của đối tác, khách hàng và cộng đồng về thương hiệu PC1 hiện đại, quốc tế, thân thiện và vượt thời gian.
- Tiếp tục phát triển và **khẳng định uy tín, vị thế PC1** trên các lĩnh vực kinh doanh trụ cột;
- **Hợp tác quốc tế**: Kiên định phát triển hợp tác quốc tế với các đối tác truyền thống,

mở rộng đối tác mới về công nghệ, về thiết bị về kinh doanh tại các nước Úc, Philippines, Trung Quốc

- Đầu tư **phát triển công nghệ**, thúc đẩy hoạt động **Đổi mới sáng tạo**, chuyển đổi số mạnh mẽ trên toàn Tập đoàn.

+ **Văn hóa đổi mới sáng tạo** toàn Tập đoàn với hàng trăm sáng kiến, cải tiến có giá trị đã được vinh danh, khen thưởng và đưa vào ứng dụng. Điển hình thành công do Cán bộ kỹ sư PCI thực hiện là: i- Thiết kế chế tạo và vận hành hiệu quả Robot đào dài cáp điện ngầm trên biển; ii- Thiết kế chế tạo Hệ thống thiết bị đồng bộ thi công cáp ngầm cao áp trên biển; iii- Cấu hình và lắp đặt Trung tâm vận hành thông minh OCC tại văn phòng Tập đoàn; Trung tâm vận hành thông minh khu công nghiệp IOC tại NHIZ - Hải Phòng.

+ Ban chuyển đổi số PCI cùng Công ty thành viên ITS đã và đang triển khai nhiều **nguyên cứu, ứng dụng công nghệ, các phần mềm tiên tiến** phục vụ quản trị chung; Ứng dụng giải pháp tích hợp thông minh trong điều khiển vận hành lưới và các loại nguồn điện NLTT.

- Xây dựng các **chính sách phúc lợi**, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc, sức khỏe đời sống cho CBNV có ý nghĩa rất tích cực đối với cán bộ nhân viên và người lao động. 02 năm gần đây PCI đã nhận được danh hiệu “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á” do do Tạp chí HR Asia Magazine -Tạp chí uy tín hàng đầu châu Á trong lĩnh vực nhân sự bình chọn và công bố.

- Thúc đẩy các hoạt động truyền thông **giá trị văn hóa** công ty thông qua các chương trình giao lưu, gắn kết người lao động; các chính sách và phong trào thi đua khen thưởng nhằm tạo thêm động lực làm việc cho CBNV, gắn thu nhập với kết quả kinh doanh và năng suất lao động. Kịp thời khen thưởng, động viên khuyến khích CBNV nhiệt huyết sáng tạo vì các mục tiêu phát triển Tập đoàn.

- Chú trọng nâng cao **chất lượng nguồn nhân lực**, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự đáp ứng mục tiêu chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn.

- Nâng cao **chất lượng truyền thông** với các kênh truyền thông chuyên nghiệp, chính thống, truyền thông tin tích cực đến đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Thực nghiêm túc và trách nhiệm công tác quan hệ nhà đầu tư.

7. Đóng góp cho Nhà nước và Trách nhiệm xã hội

Trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững đã xuyên suốt trong hoạch định chiến lược, đang triển khai đồng bộ, nghiêm túc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn, trở thành văn hóa của mỗi con người PCI.

7.1 Đóng góp Ngân sách Nhà nước:

Tổng giá trị đóng góp NSNN năm 2024 là 1.476 tỷ gấp 5 lần năm 2020.

7.2 Trách nhiệm xã hội:

Tập đoàn PCI luôn coi trách nhiệm xã hội là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững vì vậy PCI không ngừng thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội nhằm đóng góp tích cực cho cộng đồng. Tập đoàn đã hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, tài trợ trang thiết bị y tế, và tham gia các chương trình an sinh xã hội.v.v.. Thông qua kế hoạch phát triển kinh doanh và cam kết vì cộng đồng, PCI hướng đến sự phát triển bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và bảo vệ môi trường.

a. Trách nhiệm với cộng đồng

Trong các năm gần đây, PCI cùng tấm lòng của CBNV Tập đoàn đã hỗ trợ nhiều tỷ đồng cho các hoạt động có ý nghĩa như:

- Tham gia xây dựng các điểm trường và trạm xá tại những địa phương còn nhiều khó khăn, góp phần nâng cao điều kiện giáo dục và y tế cho cộng đồng tại tỉnh Cao Bằng (năm 2020).
- Chương trình Đông Âm Vùng Cao tại tỉnh Cao Bằng (năm 2020).
- Ủng hộ công tác phòng chống dịch bệnh covid 19 thông qua Ủy Ban MTTQ TP Hà Nội, UB MTTQ các huyện của tỉnh Cao Bằng, Quảng Trị (năm 2020).
- Quyên góp ủng hộ cho cộng đồng bị ảnh hưởng và góp phần giảm nhẹ thiên tai tại huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị và huy động máy móc, thiết bị, nhân lực tham gia cứu hộ thiên tai cùng địa phương (năm 2020).
- Ủng hộ Quỹ vaccine phòng dịch covid 19 của UBND TP Hà Nội và Quỹ phòng chống covid 19 tỉnh Tiền Giang (năm 2021).
- Trao tặng nhà tình thương tại tỉnh Long An (năm 2021).
- Tổ chức chương trình vui Tết trung thu và trao tặng các suất học bổng động viên các cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có thành tích cao trong học tập cho các em học sinh miền núi tại tỉnh Quảng Trị (năm 2021).
- Cải tạo đường dân sinh tại huyện Hướng Hóa - Quảng Trị, huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng (năm 2022)
- Xây mới điểm trường xã Ba Cô, huyện Bảo Lạc và trao tặng 50 căn nhà tình nghĩa tỉnh Cao Bằng (năm 2022).
- Ủng hộ Quỹ vì người nghèo Thành phố Hà Nội (năm 2022).
- Ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” tỉnh Cao Bằng để xây dựng 100 căn nhà cho các hộ nghèo (năm 2023).
- Tặng máy tính để bàn và máy tính xách tay cho Mặt trận tổ quốc Việt Nam (năm 2024).
- Tham gia ủng hộ khắc phục các thiệt hại cho các hộ dân bị ảnh hưởng nặng nề do cơn bão Yagi tại tỉnh Cao Bằng và các tỉnh phía Bắc (năm 2024).
- Chương trình Đông âm vùng cao tại tỉnh Cao Bằng (năm 2024).
- Trao tặng nhà cho hộ nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi (năm 2024).
- Đặc biệt trong năm 2024, Tập đoàn đã ký Hợp tác chiến lược với Bệnh viện Bạch mai, Bệnh viện Phụ sản TW, theo đó **Trung tâm Phát triển bền vững PCI** đã triển khai thành công, hiệu quả, thiết thực 02 dự án tài trợ:
 - + Dự án **Nâng cao năng lực quản trị chiến lược và tư duy quản trị tinh gọn tại Bệnh viện Bạch Mai**. Đào tạo đối với 3.700 CBNV Y bác sỹ.
 - + Dự án **Tư vấn chuẩn hóa, tinh gọn hệ thống quy trình, an toàn phẫu thuật** tại Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, **Bệnh viện phụ sản Trung ương**.
 - + 02 dự án đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành giảm áp lực, quá tải cho đội ngũ Y bác sỹ, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân, được Ban lãnh đạo Bệnh viện đánh giá cao.

b. Trách nhiệm với môi trường

Trong tất cả các hoạt động đầu tư và kinh doanh của PCI đều xuyên suốt trách nhiệm

tiên phong các giải pháp bảo vệ môi trường cùng với công nghệ tiên tiến, vận hành thông minh.

c. Một số giải thưởng, thi đua trong kỳ:

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2024 (10 năm liên tiếp).
- Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2024 (8 năm liên tiếp).
- Top 20 Báo cáo tốt nhất nhóm ngành phi tài chính (năm 2024).
- Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2023 (05 năm liên tiếp).
- TOP 50 doanh nghiệp niềm yết tốt nhất Việt Nam (2017,2019, 2020, 2022) do Forbes bình chọn.
- FAST 500 (năm 2021).
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam (năm 2021).
- Cờ thi đua của UBND TP Hà Nội, Cờ thi đua hạng Nhất của UBND Tỉnh Quảng Trị, Bằng khen Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bằng khen UBND TP Hà Nội trong việc đóng góp hỗ trợ công tác phòng chống dịch COVID-19.
- Giải thưởng Dự án năng lượng tái tạo tiêu biểu của năm do Tạp chí IJGlobal (Singapore) trao tặng (năm 2022).
- Giải thưởng Nhà phát triển Bất động sản công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh năm 2024.

8. Hoạt động giám sát Ban điều hành

HĐQT giám sát Ban điều hành thực hiện, triển khai chiến lược của Tập đoàn; Giám sát, đánh giá kết quả kinh doanh hàng kỳ; Giám sát quá trình quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ; Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn. Trong nhiệm kì vừa qua, Ban điều hành dưới chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, năng lực kinh doanh và quản trị điều hành được nâng cao.

Phần 2

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2030

I. Dự báo về tình hình kinh tế thế giới và trong nước giai đoạn 2025-2030

1. Bối cảnh quốc tế

- Căng thẳng địa chính trị và xung đột tại một số khu vực vẫn diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng gián đoạn và tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu.
- Chính sách bảo hộ của nước Mỹ, các nước lớn, Châu Âu dẫn đến chiến tranh thương mại làm thêm căng thẳng, tác động kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn.
- Tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo rộng khắp và nhanh hơn bao giờ hết đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của xã hội.
- Biến đổi khí hậu, phát triển xanh, sản xuất tiêu dùng xanh là xu thế và cũng là trách nhiệm toàn cầu.
- Tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo tăng nhẹ trên 3%/hàng năm.
- Lạm phát có xu hướng giảm, thúc đẩy chính sách tiền tệ nới lỏng và kéo theo việc giảm lãi suất đồng USD.

2. Bối cảnh kinh tế xã hội Việt Nam

Việt Nam kiên định phát triển nền Kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế sâu rộng và có những điều chỉnh mới đặc thù.

- Năm 2025 Việt Nam thực hiện "cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị", Cải cách thể chế và pháp luật, trong đó:
 - + Xét 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực trong đó thể chế là "điểm nghẽn của điểm nghẽn" sẽ phải tập trung giải quyết.
 - + Xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển.
- Chuyển đổi số và AI quốc gia
 - + Xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước.
 - + Phát triển kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới.
- Kim chỉ nam Quốc gia Năm 2025: **KHỞI ĐẦU KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH.**

"Đổi mới, Bứt phá, Phát triển và tiến bộ xã hội"

- Mục tiêu tăng GDP năm 2025: 8%; từ 2026-2030 sẽ tăng trưởng 2 con số.
- + Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn về thu hút FDI trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
- + Nhu cầu tăng trưởng và đầu tư cho hạ tầng điện quốc gia sẽ tăng ở mức cao với nhiều Chính sách và Công nghệ mới trong giai đoạn tới.
- + Đầu tư công tiếp tục tăng cao, thu nhập dân cư tăng, cơ hội Room tăng trưởng tốt cho thị trường BĐS nhà ở và nhu cầu và hạ tầng KCN.

II. Mục tiêu chiến lược PCI giai đoạn 2025 - 2030

1. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi



Tập đoàn quốc tế, uy tín,
Chuyên nghiệp trong lĩnh vực
năng lượng, Công nghiệp
xanh & thông minh.



PC1 kiến tạo hệ sinh thái kinh
tế xanh, số hóa và phát triển
bền vững; đồng hành cùng
đất nước trong kỷ nguyên
mới.



Sáng tạo - Tốc độ -
Tin cậy

2. Các trụ cột kinh doanh của PCI

2.1 Khái quát các lĩnh vực Kinh doanh của PCI:

PCI với mô hình Công ty Mẹ - Con hoạt động trong lĩnh vực Năng lượng, Công nghiệp và đầu tư Kinh doanh Bất động sản:

- Lĩnh vực Năng lượng:
 - + Đầu tư Nhà máy điện NLTT;
 - + EPC và xây lắp các dự án NLTT và Lưới điện;
 - + Giải pháp công nghệ về tích trữ, tiết kiệm năng lượng;
 - + Giải pháp thông minh và Điều khiển tự động Nhà máy điện, lưới điện.
- Lĩnh vực Công nghiệp:
 - + Đầu tư hạ tầng KCN sinh thái;
 - + Các nhà máy thiết kế và sản xuất cột điện, cầu kiện cơ khí;
 - + Các Nhà máy chế biến khoáng sản công nghệ cao;
- Về Đầu tư Kinh doanh bất động sản nhà ở uy tín và chuyên nghiệp với các Dự án và sản phẩm có tiện ích đồng bộ, hiện đại thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng khác biệt.

2.2 Trụ cột kinh doanh cốt lõi:

Là trụ cột xây dựng nền tảng có tính bền vững, ổn định; Tạo giá trị gia tăng cao và sức mạnh dài hạn cho Tập đoàn, gồm:

- Đầu tư Năng lượng;
- Đầu tư Hạ tầng KCN;
- Đầu tư lĩnh vực chế biến khoáng sản;
- Giải pháp công nghệ riêng, chuyên ngành.

2.3 Trụ cột kinh doanh chiến lược:

Là trụ cột thực hiện các mục tiêu kinh doanh cụ thể trong trung - dài hạn; Dễ linh hoạt, dễ thay đổi theo bối cảnh thị trường; Đáp ứng mục tiêu mở rộng thị trường; Đổi mới sản phẩm và vận hành tinh gọn, gồm:

- Đầu tư kinh doanh Bất động sản nhà ở;
- Tổng thầu EPC;
- Xây lắp điện và Công nghiệp;
- Sản xuất công nghiệp;
- Kinh doanh thương mại.

3. Định hướng mục tiêu của PCI giai đoạn 2026-2030

3.1 Mục tiêu tổng quát:

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VƯỢT TRỘI

Phát triển PCI Thương hiệu, Thịnh vượng và Trách nhiệm xã hội

Tăng trưởng	Doanh thu tăng bình quân 15-18%/năm, tỷ suất lợi nhuận duy trì >10%. Mốc năm 2028 giá trị công ty đạt 1 tỷ USD; năm 2030 giá trị công ty đạt 1,5 tỷ USD.
Năng lượng	Sở hữu > 800 MW, phát triển dịch vụ và giải pháp thông minh, tiết kiệm năng lượng.
Công nghiệp	Xuất khẩu + doanh thu kinh doanh thị trường quốc tế bình quân đạt >200 triệu USD/năm, đạt chuẩn xanh & công nghệ cao.
Bất động sản	Phát triển Bất động sản sinh thái, tích hợp năng lượng, thông minh, tăng trưởng bền vững.
Quản trị	Chuẩn hóa ESG, chuyển đổi số toàn diện, tổ chức tinh gọn - hiệu quả.

3.2- Khung quản trị Tập đoàn

Tập đoàn hoạch định và dẫn dắt chiến lược phát triển tổng thể Hệ sinh thái:

- Quản trị theo mục tiêu: Đổi mới, Sáng tạo, Công nghệ; Bứt phá và Hiệu quả
- Phân cấp mạnh, kèm theo các Cơ chế Quản lý hỗ trợ và Các cơ chế kiểm soát tin cậy.
- Cơ chế kiểm soát về Kết quả và rủi ro hoạt động kinh doanh thông qua cơ chế Tự kiểm soát và Kiểm soát bắt buộc.

4. Đánh giá các yếu tố tác động

4.1- Bối cảnh PCI giai đoạn 2025 - 2030

Triển khai kế hoạch gđ 2025 -2030, Tập đoàn PCI lan tỏa tinh thần tích cực, hướng đến các mục tiêu thách thức hơn, tạo nên thành công to lớn và thật nhiều ý nghĩa của giai đoạn chiến lược nhiều cơ hội đặc biệt này, các yếu tố đánh giá:

i- Đào tạo Phát triển

- Ban lãnh đạo có Tầm nhìn, năng lực lãnh đạo, Khát vọng cùng với hệ giá trị "Trí tuệ - Nghị lực - Đạo đức";
- Đội ngũ ưu tú: Chuyên nghiệp, sáng tạo, trách nhiệm, sẵn sàng và tin cậy;
- Công nghệ, thông tin, AI không ngừng nâng cấp;

ii - Quy trình nội bộ:

- Đáp ứng quản lý các hoạt động, khuyến khích sáng tạo và phát huy hiệu quả các nguồn lực.

iii- Khách hàng:

- Khẳng định uy tín và thương hiệu PCI;
- Luôn sáng tạo sản phẩm mới đặc tính cạnh tranh mới, giá trị mới.
- Quan hệ khách hàng ngày một nâng cao uy tín, hình ảnh và sự tin cậy.

iv- Tài chính

- Năng lực tài chính được kiểm soát và không ngừng tăng trưởng;
- Phân bổ sử dụng và kiểm soát vốn đầu tư;

- Tăng hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả tài sản.

4.2- Cơ hội từ vĩ mô - ngành:

- Xu hướng phát triển năng lượng tái tạo, đầu tư hạ tầng điện, công nghiệp sạch.
- Dịch chuyển chuỗi cung ứng: cơ hội cho sản xuất công nghiệp & BĐS công nghiệp.
- Chính sách xanh hóa - số hóa - đô thị hóa tạo dư địa cho bất động sản đô thị, hạ tầng.

4.3- Thách thức chính yếu:

- Áp lực lớn về vốn với các dự án hạ tầng năng lượng & bất động sản.
- Cạnh tranh ngày càng gay gắt với thị trường trong nước và quốc tế.
- Yêu cầu cao về ESG, minh bạch tài chính, chuẩn quản trị hiện đại.
- Rủi ro về môi trường và biến đổi khí hậu.
- Biến động về chính sách và pháp lý và chi phí nguyên vật liệu.

5. Các giải pháp cơ bản giai đoạn 2025-2030

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược 2025 - 2030 đề ra, Tập đoàn cần triển khai một hệ thống giải pháp căn cơ, đồng bộ, chiến lược, xuyên suốt và đột phá trên 5 nhóm giải pháp lớn: Đầu tư, Công nghệ, Tổ chức, Tài chính và Quản trị dưới đây:

5.1 Nhóm giải pháp đầu tư và định hướng ngành:

i- Tái cấu trúc danh mục đầu tư có trọng tâm - hiệu quả - bền vững:

- Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có biên lợi nhuận hấp dẫn, xu hướng dài hạn: năng lượng sạch; Khu công nghiệp sinh thái; Bất động sản tích hợp tiện ích và tiết kiệm năng lượng; Khoáng sản chế biến sâu - Sản xuất xanh; EPC tích hợp giải pháp đồng bộ;
- Thoái vốn, chuyển nhượng, giảm tỷ trọng ở các lĩnh vực, dự án manh mún, hiệu quả thấp, không gắn với chuỗi giá trị lõi.
- Ưu tiên mô hình hợp tác đầu tư với đối tác chiến lược để chia sẻ vốn, bổ sung năng lực và giảm rủi ro.

ii- Phát triển hệ sinh thái tích hợp liên ngành:

- Giải pháp tích hợp chuỗi: Đầu tư năng lượng → phát triển bất động sản, KCN sử dụng năng lượng sạch → sản xuất công nghiệp → tổng thầu EPC.
- Xây dựng mô hình: Khu công nghiệp - năng lượng - Thông minh, tối ưu hiệu suất sử dụng tài sản - Hợp tác đầu tư từ nước ngoài cùng nhóm ngành.

5.2 Nhóm giải pháp về công nghệ - đổi mới - chuyển đổi số:

i - Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện

- Thúc đẩy đầu tư và hoàn thiện nền tảng: Data Lake; AI; KPIs; OKR; ERP ... để quản trị dữ liệu xuyên suốt toàn Tập đoàn.
- Phát triển các nền tảng phục vụ khách hàng và đối tác: BIM, Customer Portal, Digital EPC...
- Tích hợp công nghệ vào chuỗi sản xuất - đầu tư - vận hành: BIM, AI, SCADA.v.v..

ii- Ứng dụng công nghệ trong vận hành năng lượng, KCN và sản xuất

- Thông minh hóa và số hóa các Nhà máy phát điện, KCN và sản xuất công nghiệp.
- Phát triển và ứng dụng các giải pháp thông minh trong tích trữ, tiết kiệm và vận hành các dạng năng lượng tái tạo theo mô hình Microgrids, Smart Grid ...

5.3 Nhóm giải pháp về tổ chức - nhân sự - văn hoá:

i- Tiếp tục tái cấu trúc mô hình tổ chức theo hướng Tập đoàn linh hoạt - đổi mới:

- Xem xét đổi mới mô hình hiện tại, hoặc Holding ... phù hợp với thực tiễn, tạo động lực mới để phát triển, phát huy tối đa các nguồn lực.
- Thiết lập hệ thống quản trị theo chiến lược OGSM, KPI, OKR...tiên tiến và minh bạch.

ii- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Phát triển “Văn hóa PCI Học tập - phát triển” với chiến lược đào tạo bài bản, hiệu quả về Quản trị cấp cao, cấp trung, năng lực công nghệ, quản lý tài chính, chuyên môn, tích hợp ESG.

- Thu hút nhân sự trẻ, ưu tú bằng môi trường hiện đại - đổi mới - minh bạch.

iii- Phát triển văn hóa cấp tiến PCI

- Văn hóa "One PCI" gắn kết, cộng hưởng giữa các ngành trong hệ sinh thái, thúc đẩy: Đổi mới sáng tạo, dám nghĩ - dám làm - dám chịu trách nhiệm.

- Đặc điểm con người văn hóa PCOner mang triết lý **Nhân - Tin - Khách - Sáng - Hiệu** và tuân thủ các chuẩn mực hành vi **Chuyên - Chính - Hợp - Mời - Bền** đến toàn hệ thống.

5.4. Nhóm giải pháp về tài chính - vốn - hợp tác chiến lược

i- Đa dạng hóa nguồn vốn theo hướng dài hạn - xanh - hiệu quả

- Huy động vốn từ quỹ đầu tư, quỹ hạ tầng, tín dụng xanh, trái phiếu bền vững. Tham gia các dự án quốc tế cùng đối tác phát triển như ADB, IFC, JICA...

- Hợp tác đầu tư, kêu gọi NĐT mới cùng góp vốn đầu tư vào các dự án có quy mô lớn.

ii- Tăng cường hợp tác chiến lược trong & ngoài nước

- Hợp tác đối tác có công nghệ, thị trường, tài chính để phát triển nhanh và bền vững.
- Mở rộng hợp tác EPC/IPP với các công ty nước ngoài tại Việt Nam và tại thị trường quốc tế.

5.5 Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp - ESG - pháp lý

Mục tiêu quản trị hiện đại toàn hệ thống PCI trên các yếu tố: Minh bạch - Trách nhiệm - Công bằng - Bền vững. Vận hành trên nền tảng công nghệ và tuân thủ chuẩn mực quốc tế thông qua:

- Thiết lập hệ thống quản trị chuyên nghiệp;
- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo theo ESG, tăng cường quản trị rủi ro cùng với phát triển Văn hóa doanh nghiệp.

Quản trị chuẩn ESG giúp PCI nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững và tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

Như vậy, Chiến lược PCI giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ dừng ở mục tiêu tài chính, mà sẽ tích hợp:

- Tăng trưởng cao, đảm bảo bền vững;
- Khả năng thích ứng linh hoạt, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo;
- Tạo giá trị dài hạn cho cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm xã hội;
- Đáp ứng theo chuẩn ESG, chuyển đổi số, AI và sản xuất tiêu dùng xanh.

Hội đồng quản trị rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, ủng hộ và các ý kiến đóng góp trách nhiệm khả thi của Quý cổ đông, nhà đầu tư cùng với sự cống hiến, chuyên nghiệp, tận tâm của CBNV, các kỹ sư ưu tú trong đội ngũ để làm nên PCI Thương hiệu và Thịnh vượng - Trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PCI

WVN

Trịnh Văn Tuấn



**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI NHIỆM KỲ NĂM 2020 -2025**

Kính thưa: - Các Quý vị cổ đông
- Đoàn Chủ tịch ĐHĐCĐ

Căn cứ pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính : Hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ kết quả SX kinh doanh và Báo cáo tài chính đã lập các năm 2020-2024.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 do PCI lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam ngày 31/03/2025;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD, tuân thủ các quy định của Nhà nước, thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính và đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, BGD như sau :

I. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2020-2025:

1. Nhân sự Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 03/06/2020, nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2020-2025 là 03 người cụ thể như sau :

- Bà Nguyễn Thị Hải Hà : Trưởng ban;
- Ông Hoàng Văn Sáng : Thành viên;
- Ông Hoàng Văn Cường : Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.1 Giám sát Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty :

- Thực hiện hoạch định và triển khai chiến lược của Công ty;
- Việc Quản lý điều hành, các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty;
- Tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước của HĐQT và Ban giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

2.2 Thẩm định báo cáo tài chính :

- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.

3. Đánh giá năng lực, hiệu quả của Ban kiểm soát

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh :

1. Thực hiện mục tiêu chiến lược Công ty :

- Hoàn thành việc xây dựng và công bố chiến lược giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035: Trở thành công ty hàng đầu Việt Nam, lọt vào Top 5 khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực thực hiện tổng thầu EPC các công trình điện và xây dựng công nghiệp. Đến năm 2025 phấn đấu đạt tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 8%.

- Kết quả thực hiện chiến lược :

+ Công ty thực hiện Tổng thầu EPC nhiều công trình lưới điện cao áp, các dự án có yêu cầu kỹ thuật cao, tiến độ thi công cấp bách; Vị thế số 1 Việt Nam về thiết kế và sản xuất nhiều loại cột điện cao áp, siêu cao áp.

+ Tham gia góp vốn với các đối tác nước ngoài để thực hiện thành công các dự án điện gió trong nước, để mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Mở rộng đầu tư kinh doanh tại nước ngoài cụ thể : triển khai thi công dự án EPC Nhà máy điện gió tại Philipines; thị trường Lào, thị trường Úc.

+ Đầu tư các thiết bị, công nghệ tiên tiến trong thi công các công trình xây lắp đảm bảo rút ngắn thời gian thi công, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Hoàn thành mua lại 100% vốn của Công ty Nomura Asia Investment (Viet Nam) Pte. Ltd tại Công ty phát triển khu CN Nomura - Hải phòng, đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Western Pacific Group là đơn vị chuyên đầu tư các KCN, logistics và kho hàng hóa thông minh, chuẩn bị triển khai thi công dự án khu công nghiệp sinh thái tại Hải phòng...

+ Hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến Niken, sản phẩm đầu ra xuất khẩu đạt sản lượng và chất lượng tốt.

+ Tập trung đầu tư triển khai chuyển đổi số, quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD...

2. Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 -2025:

Trong các kỳ đại hội thường niên, nghị quyết của các ĐHĐCĐ đã được Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty triển khai đạt được kết quả như sau :

a. Kế hoạch tăng vốn điều lệ :

- Tăng vốn điều lệ lần 11 từ 1.593,243 tỷ đồng lên đến 1.911,882 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Tăng vốn điều lệ lần 12 từ 1.911,882 tỷ đồng lên đến 2.351,596 tỷ đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 bằng hình thức :

+ Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu : 382,375 tỷ đồng.

+ Phát hành cổ phiếu mới cho CBNV theo chương trình ESOP : 57,339 tỷ đồng tạo động lực rất tích cực cho CBNV.

- Tăng vốn điều lệ lần 13 từ 2.351,596 tỷ đồng lên đến 2.704,33 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu : 352,734 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Tăng vốn điều lệ lần 14 từ 2.704,33 tỷ đồng lên đến 3.109,96 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu : 405,63 tỷ đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

- Tăng vốn điều lệ lần 15 từ 3.109,96 tỷ đồng lên đến 3.576,42 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu : 466,46 tỷ đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

b. Sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động Công ty :

Đã hoàn thiện sửa đổi một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty do Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên thông qua.

c. Tái cấu trúc sơ đồ tổ chức Công ty :

- Bổ nhiệm Ông Vũ Ánh Dương chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/12/2021.
- Tái cấu trúc sơ đồ tổ chức theo chiến lược phát triển Tập đoàn giai đoạn mới.
- Hoàn thành việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức theo mô hình Tập đoàn, tái cấu trúc các Công ty thành viên.

- Thay đổi tên và bộ nhận diện Công ty thành Công ty cổ phần Tập đoàn PCI kể từ ngày 02/03/2022.

d. Đầu tư năng lượng, bất động sản và khoáng sản :

- Đầu tư Năng lượng :

+ Hoàn thành phát điện 03 nhà máy điện gió theo đúng tiến độ ngày 31/10/2021 với công suất 144MW.

+ Quý 4/2024 : Khởi công 02 dự án thủy điện tại Cao Bằng với công suất 46 MW (trong đó : Nhà máy Thủy điện Bảo Lạc A: 30 MW; Nhà máy Thủy điện Thượng Hà : 13MW) dự kiến phát điện Q4/2026.

- Đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực BĐS công nghiệp :

+ Góp 30% vốn vào Công ty cổ phần Western Pacific Group là đơn vị có quỹ đất và đang thực hiện các dự án BĐS công nghiệp và có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistic.

+ Mua lại 100% vốn của Công ty Nomura Asia Investment (Viet Nam) Pte. Ltd tại Công ty phát triển khu CN Nomura Hải phòng là đơn vị đầu tiên triển khai đầu tư khu công nghiệp tại thành phố Hải phòng.

+ Hoàn thành phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nomura - 2 (# 200 ha) cho Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng - Công ty con của PC1 tại ngày 31/12/2024, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư và dự kiến khởi công Q3/2025.

+ Tiếp tục tìm kiếm phát triển quỹ đất có quy mô từ 500 ha trở lên để triển khai các khu công nghiệp sinh thái.

- Đầu tư kinh doanh lĩnh vực BĐS dân dụng :

+ Hoàn thành công tác bàn giao nhà DA PC1 Thanh xuân.

+ Đấu giá và triển khai thi công dự án nhà ở thấp tầng Tháp vàng.

+ Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án PC1 Gia lâm, PC1 Định Công, PC1 Bắc Từ Liêm, PC1 Vĩnh Hưng và tiếp tục tìm kiếm phát triển các quỹ đất có quy mô từ 1 ha trở lên để triển khai các dự án nhà ở hỗn hợp phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

-Hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến Niken, sản phẩm đầu ra xuất khẩu đạt sản lượng và chất lượng tốt.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát HĐSXKD, tuân thủ các quy định của Nhà nước :

a. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2020 -2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hoạt động SXKD qua các năm				
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
A	B	C	1	2	3	4	5
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	1.912	2.352	2.704	3.110	3.576
2	Doanh thu HĐSXKD	tỷ đồng	6.679	9.828	8.358	7.694	10.089
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đồng	544	764	537	182	710

Giai đoạn từ năm 2020 - 2025 là giai đoạn cả thế giới phải trải qua khó khăn rất lớn trong lịch sử nhân loại đó là dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh Nga - Ucraina đã xảy ra ảnh hưởng rất lớn đến con người và nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động kinh tế toàn cầu đang trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng, lạm phát tăng cao, tốc độ tăng trưởng GDP thấp kỷ lục, xung đột chính trị phức tạp và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Giá cả, lạm phát, lãi suất toàn cầu giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, rủi ro tài chính, tiền tệ tăng khiến tiến độ phục hồi kinh tế toàn cầu còn chậm ảnh hưởng đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính Việt Nam.

Với những kết quả đã đạt được từ những giai đoạn trước, uy tín và thương hiệu đã được khẳng định, sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành và sự cố gắng của CBCNV Tập đoàn đã có giải pháp ứng phó kịp thời, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của PC1 trong giai đoạn này vẫn có bước tăng trưởng thể hiện :

Vốn điều lệ : Năm 2020 là : 1.912 tỷ đồng; năm 2024 là : 3.576 tỷ đồng tăng 1,87 lần so với năm 2020.

Doanh thu : Năm 2020 là : 6.679 tỷ đồng; năm 2024 là : 10.089 tỷ đồng tăng 1,51 lần so với năm 2020.

Lợi nhuận sau thuế TNDN : Năm 2020 là : 544 tỷ đồng; năm 2024 đạt : 710 tỷ đồng tăng 1,31 lần so với năm 2020.

Tổng tài sản : năm 2020 là : 10.722 tỷ đồng; năm 2024 : 20.988 tỷ đồng tăng 1,96 lần so với năm 2020.

b. Tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước :

b.1. Kiểm soát tính tuân thủ thực hiện theo quy định của Nhà nước :

- Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động SXKD của PC1 phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100745;

- Chấp hành luật quản lý thuế :

+ Công ty đã thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các thông tư hướng dẫn về thuế, thực hiện chế độ sổ sách kế toán, tài khoản kế toán, báo cáo tài chính theo quy định của Bộ tài chính ban hành và các chuẩn mực kế toán theo quy định hiện hành. Chấp hành nghiêm túc việc thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định.

+ Cơ quan thuế đã thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế và thanh tra sau hoàn thuế GTGT tại PC1 từ năm 2018 đến năm 2022.

- Tính tuân thủ trong lĩnh vực đầu tư :

Lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp là ngành then chốt xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty rất chú trọng trong công tác tìm kiếm thị trường, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, nâng cao năng lực quản lý để tham gia làm tổng thầu EPC của các công trình lớn của ngành điện cũng như ngoài ngành điện ở trong nước và nước ngoài.

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty đã rất thành công trong lĩnh vực đầu tư năng lượng, PC1 đã vận hành thành công 07 nhà máy thủy điện và 03 nhà máy điện gió mang lại dòng tiền ổn định cho Tập đoàn, doanh thu và lợi nhuận sau thuế chiếm tỷ

trọng khá lớn trong cơ cấu lợi nhuận của Tập đoàn. Cùng với các nhà máy thủy điện, điện gió đã đầu tư, đến nay PCI tiếp tục phát triển các dự án năng lượng mà nhà nước khuyến khích đầu tư tại các khu vực có lợi thế đảm bảo mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động SXKD.

Đối với đầu tư lĩnh vực bất động sản trong nhiệm kỳ 2020-2025, Công ty đã hoàn thành bàn giao 01 dự án bất động sản nhà ở, đấu giá thành công và triển khai thi công dự án nhà ở thấp tầng Tháp vàng - Gia Lâm- Hà Nội và chuẩn bị khởi công dự án BĐS khu CN Nomura 2, đồng thời tiếp tục tham gia đấu giá, đấu thầu, M&A các dự án có quy mô lớn để đạt được mục tiêu chiến lược đề ra. Lĩnh vực đầu tư bất động sản cũng mang lại lợi nhuận tích cực cho Công ty.

Ngoài ra các lĩnh vực tư vấn thiết kế, dịch vụ vận hành, đều là các ngành nghề hỗ trợ cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty.

b.2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước :

Nội dung	Thuế và các khoản phải nộp qua các năm (tỷ đồng)				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I. Thuế GTGT	176,261	407,310	236,605	146,588	202,540
II. Thuế xuất, nhập khẩu	0,42	0,762	0,705	169,092	316,986
III. Thuế TNDN	121,452	66,688	133,948	89,086	124,871
IV. Thuế TN cá nhân	11,896	12,542	16,979	14,27	23,353
V. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	5,285	5,541	7,368	5,858	578,835
VI. Thuế tài nguyên	55,2	47,787	62,331	98,364	188,880
VII. Các loại thuế khác	22,271	24,908	62,748	96,69	97,325
Tổng cộng	392,785	565,538	520,684	619,948	1.532,790

Ngoài việc tìm kiếm công việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghĩa vụ với nhà nước nộp đúng, nộp đủ theo quy định hiện hành. Mức thu nộp tăng đồng nghĩa với việc kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty rất hiệu quả, mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban lãnh đạo Công ty

Trong giai đoạn vừa qua, là những năm có rất nhiều khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng, đầu tư ngành điện gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản âm ảm, thị trường chứng khoán tính thanh khoản không cao vì vậy ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và lãnh đạo Công ty đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn thử thách, ban hành các Nghị quyết và các quyết định về quản lý, tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, nâng cao năng lực quản lý hệ thống, sáng tạo trong chỉ đạo

và điều hành do vậy đã đạt được các kết quả mà nghị quyết đại hội đồng cổ đông đưa ra trong suốt 05 năm qua. Cụ thể :

4.1 Đối với các thành viên Hội đồng quản trị :

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên (trong đó từ nhiệm : 01 và bầu bổ sung : 01)

Hội đồng quản trị của Tập đoàn với tinh thần trách nhiệm cao đã nghiêm túc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên giai đoạn 2020-2025, đồng thời đảm bảo kịp thời đưa ra chủ trương chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty để ứng phó với những diễn biến thay đổi của thị trường. Nhìn chung, công tác quản trị của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2020-2025 đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, các quy định đối với hoạt động của Công ty niêm yết, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Trong nhiệm kỳ năm 2020 - 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 26 phiên họp định kỳ, ban hành 254 Nghị quyết/Quyết định theo thẩm quyền phục vụ các hoạt động của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị nghiêm túc thực hiện phân công nhiệm vụ theo các lĩnh vực cá nhân thành viên được phụ trách.

- Thực hiện các nội dung theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên giai đoạn năm 2020 – 2025.

- Phê duyệt các nội dung thuộc quyền của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành Tập đoàn.

- Định hướng chiến lược kinh doanh Tập đoàn, quyết định tái cấu trúc sơ đồ tổ chức Tập đoàn, các đơn vị thành viên, mở rộng thị trường, ngành nghề đầu tư trong nước và nước ngoài...

4.2 Đối với Ban lãnh đạo Công ty :

Tổng giám đốc cùng với các thành viên Ban lãnh đạo điều hành đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đạt được mục tiêu hàng năm của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban lãnh đạo đã nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của thị trường, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm quản lý chi phí, quản lý công tác nghiệp vụ, chăm sóc khách hàng, thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao nghiệp vụ, nhận thức cho cán bộ nhân viên xây dựng giá trị cốt lõi và văn hóa công ty nhằm hướng tới sự thỏa mãn của khách hàng. Cụ thể :

- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, các cuộc họp tổng kết hàng năm để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, việc triển khai các dự án để xem xét các mặt tồn tại và hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn và khắc phục.

- Bám sát và thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh doanh Công ty.

- Đánh giá chung : Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực, chủ động điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kịp thời đề xuất, xin ý kiến với Hội đồng quản trị các biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 :

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : (Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán).

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Số tiền
1	Doanh thu	10.089 tỷ đồng
2	Lợi nhuận sau thuế	710 tỷ đồng
3	Đã nộp ngân sách NN	1.446 tỷ đồng
4	Lãi cơ bản/CP	1.177 đồng/CP

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính :

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm tài chính 2024, kết thúc 31/12/2024 và thống nhất xác nhận nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tập đoàn, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2024.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở GDCK Hồ Chí Minh theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024:

Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp	ĐVT	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán.		
- Khả năng thanh toán hiện hành(TTS/TNPT)	lần	1,58
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	1,59
- Khả năng thanh toán nhanh(TTS- hàng tồn kho/NNH)	lần	3,82
2. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	3,45
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	7,04
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp của chủ sở hữu (ROE)	%	9,55
3. Mức độ bảo toàn vốn (TTS-NPT)/Vốn góp chủ sở hữu	lần	2,16

Trên cơ sở các Bảng chỉ tiêu tài chính, Ban kiểm soát nhận thấy rằng :

Khả năng thanh toán >1 , Tập đoàn luôn có đủ khả năng chi trả các khoản nợ phải trả, hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn hợp lý.

Tỷ suất sinh lời của Tập đoàn đạt hiệu quả thể hiện 01 đồng tài sản bỏ ra, tạo ra hơn 0,345 đồng lợi nhuận, 01 đồng doanh thu tạo ra khoảng 0,07 đồng lợi nhuận hoặc 01 đồng vốn góp chủ sở hữu tạo ra 0,096 đồng lợi nhuận.

IV. Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty :

Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TBKS và phụ cấp của các thành viên đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

V. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 do PCI lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của PCI.

2. Kiến nghị:

Bên cạnh những kết quả, thành tích mà Tập đoàn đã đạt được trong năm qua. Để tiếp tục phát triển thương hiệu PCI trong các lĩnh vực kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, tăng lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị Tập đoàn các nội dung sau:

- Hoàn thành báo cáo mục tiêu chiến lược Công ty năm 2025-2030, tầm nhìn 2035.

- Lãnh đạo các khối kinh doanh phải xây dựng tầm nhìn, chiến lược cho khối của mình để tạo cho đội ngũ cán bộ CNV động lực phấn đấu, động lực học tập và phát triển, đổi mới, sáng tạo.

- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo tư duy chiến lược giúp cho hệ thống lãnh đạo đồng bộ tư duy là hoạt động truyền thông quản trị chiến lược hiệu quả.

- Tiếp tục khai thác nguồn vốn giá rẻ và kiểm soát hiệu quả hơn nữa về sử dụng dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn. Xây dựng kế hoạch tài chính hiệu quả để đảm bảo vốn đáp ứng kịp thời cho các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo đảm bảo đáp ứng tốt tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh của Tập đoàn để nâng cao hơn nữa uy tín, hình ảnh của Tập đoàn trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

- Ứng dụng quản trị công nghệ số, tiến tới quản trị điều hành trên cơ sở dữ liệu tập trung và được hỗ trợ bởi Trí tuệ nhân tạo.

- Tiếp tục đầu tư công nghệ quản lý và thiết bị, công nghệ thi công tiên tiến phục vụ mục tiêu phát triển.

- Tăng cường Quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, góp phần nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp; Đẩy mạnh văn hóa, nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong công tác quản trị rủi ro tại Công ty một cách thường xuyên và chuyên nghiệp, tích hợp quản trị theo ESG và CSR.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách với người lao động, cơ chế thi đua khen thưởng tạo động lực thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nội bộ gắn với phát triển văn hóa PC1.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý cổ đông, quý đại biểu đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó.

Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua.

Thay mặt BKS, chúng tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban lãnh đạo, các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cán bộ CNV Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Hải Hà



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 4 tháng 12 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên (từ ngày 26/4/2024)
Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Tương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/7/2024)
Ông Trịnh Quang Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/10/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Handwritten signature and stamp on the right margin, including the letters 'IG' and 'T.P'.



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

100%
ĐIỀU HÀNH
100%



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00204-25-1



Đoàn Thanh Toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

151
:07
:PH
:CP
/11E

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.654.356.118.909	3.189.024.415.102
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	702.443.382.839	1.028.714.838.590
Tiền	111		46.443.382.839	63.214.838.590
Các khoản tương đương tiền	112		656.000.000.000	965.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.006.000.000	103.601.176.833
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	60.006.000.000	103.601.176.833
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.010.616.885.209	1.699.908.243.725
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.246.277.940.072	1.173.050.006.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	488.453.454.061	186.723.471.407
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	9.187.149.775	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	75.625.280.244	106.051.103.451
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	270.917.926.563	239.267.535.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(79.844.865.506)	(5.183.873.781)
Hàng tồn kho	140	12	845.868.494.107	311.768.058.448
Hàng tồn kho	141		845.868.494.107	311.768.058.448
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.421.356.754	45.032.097.506
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.667.243.907	3.226.020.397
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.754.112.847	41.806.077.109
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.947.449.045.666	7.562.961.437.568
Tài sản cố định	220		1.894.492.933.357	2.030.219.276.770
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.893.255.142.807	2.028.766.131.425
Nguyên giá	222		2.757.587.791.568	2.754.805.467.253
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(864.332.648.761)	(726.039.335.828)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.237.790.550	1.453.145.345
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.468.679.450)	(1.253.324.655)
Bất động sản đầu tư	230	15	52.822.306.812	71.353.081.680
Nguyên giá	231		101.554.352.049	122.374.213.687
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.732.045.237)	(51.021.132.007)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.391.362.725	11.236.636.566
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	17.391.362.725	11.236.636.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	5.923.595.947.724	5.394.292.289.878
Đầu tư vào công ty con	251		4.266.709.540.989	3.789.927.776.619
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.693.392.656.168	1.603.148.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(41.328.019.433)	(3.606.012.909)
Tài sản dài hạn khác	260		59.146.495.048	55.860.152.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	59.146.495.048	55.860.152.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.601.805.164.575	10.751.985.852.670
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.413.470.170.654	5.816.145.114.858
Nợ ngắn hạn	310		3.154.150.209.882	2.796.978.332.971
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	910.240.249.537	806.198.113.402
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	395.088.528.394	101.802.829.495
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	20	7.789.753.157	5.968.392.864
Phải trả người lao động	314		13.989.354.083	6.624.695.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	41.899.701.161	48.628.917.361
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		850.614.873	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		667.443.654	853.018.181
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	87.443.222.182	20.020.281.837
Vay ngắn hạn	320	23(a)	1.565.953.753.898	1.661.054.422.237
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	130.227.588.943	145.827.662.533
Nợ dài hạn	330		3.259.319.960.772	3.019.166.781.887
Phải trả dài hạn khác	337		1.393.778.640	1.521.414.720
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	23(b)	3.257.926.182.132	3.017.645.367.167

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.188.334.993.921	4.935.840.737.812
Vốn chủ sở hữu	410	25	5.188.334.993.921	4.935.840.737.812
Vốn cổ phần	411	26	3.576.421.210.000	3.109.955.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.576.421.210.000	3.109.955.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		246.973.837.431	246.973.837.431
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		589.170.945.162	803.142.319.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		325.406.623.263	693.331.661.162
- LNST năm nay	421b		263.764.321.899	109.810.657.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.601.805.164.575	10.751.985.852.670

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng
Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	4.283.815.178.825	3.790.979.619.231
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	3.855.901.023.609	3.460.991.018.935
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		427.914.155.216	329.988.600.296
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	394.725.868.886	323.834.150.750
Chi phí tài chính	22	32	348.567.068.754	405.693.467.939
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23		<i>308.510.772.568</i>	<i>403.426.097.784</i>
Chi phí bán hàng	25	33	8.160.264.128	11.814.435.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	195.169.891.608	111.524.903.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		270.742.799.612	124.789.944.747
Thu nhập khác	31		548.349.215	6.876.836.031
Chi phí khác	32		33.798.955	5.134.936.255
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		514.550.260	1.741.899.776
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		271.257.349.872	126.531.844.523
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.493.027.973	13.831.186.632
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		269.764.321.899	112.700.657.891

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	271.257.349.872	126.531.844.523
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	142.784.792.647	145.652.200.321
Các khoản dự phòng	03	112.801.553.939	(4.499.761.444)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	76.068.518	(720.218.410)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(401.357.475.476)	(331.990.579.492)
Chi phí đi vay	06	308.510.772.568	403.426.097.784
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	434.073.062.068	338.399.583.282
Biến động các khoản phải thu	09	(356.340.185.279)	757.277.635.862
Biến động hàng tồn kho	10	(534.100.435.659)	(33.176.142.484)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	464.753.822.306	(506.117.344.370)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.727.565.884)	12.776.894.961
		5.658.697.552	569.160.627.251
Tiền lãi vay đã trả	14	(297.507.174.189)	(405.663.106.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.681.782.076)	(67.914.836.273)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.128.139.380)	(30.238.308.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(323.658.398.093)	65.344.376.533
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(17.394.956.103)	(42.570.543.550)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	32.413.056.120	94.415.954.168
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(284.357.336.299)	(274.431.176.833)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	351.094.910.392	510.485.029.848
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(564.969.231.507)	(83.318.723.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18.400.000.000	28.472.376.468
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	304.050.121.205	229.271.672.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(160.763.436.192)	462.324.589.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.211.389.611.763	3.575.161.737.136
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.053.163.164.711)	(4.756.026.808.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	158.226.447.052	(1.180.865.071.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(326.195.387.233)	(653.196.104.811)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(76.068.518)	(23.463.498)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	702.443.382.839	1.028.714.838.590

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Phương
 Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 25 ngày 4 tháng 12 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 27 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2024: 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 252 nhân viên.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ và các hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đối với các chi phí đã phát sinh nhưng chưa được khách hàng xác nhận tại thời điểm lập báo cáo.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Trái phiếu thương

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thương được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức của giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con, công ty liên kết và các công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	648.388.380	376.221.504
Tiền gửi ngân hàng	45.794.994.459	62.838.617.086
Các khoản tương đương tiền (*)	656.000.000.000	965.500.000.000
	702.443.382.839	1.028.714.838.590

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,65% – 4,75%/năm (1/1/2024: 2,3% – 4,2%/năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	60.006.000.000	103.601.176.833

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,0%– 2,0%/năm (1/1/2024: 1,4%–3,0%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2024		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
* Công ty con					
1. Công ty Cổ phần PCI Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PCI Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	20.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	(1.317.518.206)	(*)
4. Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình) (ii)	Hà Nội	80,00%	24.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PCI Năng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PCI Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) (iii)	Ninh Bình	66,00%	6.781.764.370	-	(*)
9. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (vii)	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc (vii)	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiền Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gám (iv)	Cao Bằng	60,00%	93.600.000.000	-	(*)
23. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
24. Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (viii)	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
25. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (v)	Hải Phòng	99,96%	424.800.000.000	-	(*)
26. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (viii)	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
27. PCI Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			4.266.709.540.989	(1.317.518.206)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		31/12/2024				
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
▪ Công ty liên kết						
1.	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	(36.010.501.227)	(*)
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
3.	Công ty Cổ phần Western Pacific (vi)	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.200.243.900.000	-	(*)
4.	Công ty Cổ phần Kho hải Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.693.392.656.168	(36.010.501.227)		
▪ Đơn vị khác						
1.	Công ty Cổ phần Hệ thống Ly tâm Vinacore	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(*)
2.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.989.918.750
			4.821.770.000	(4.000.000.000)		
			5.964.923.967.157	(41.328.019.433)		

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2024		
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
1. Công ty Cổ phần PCI Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PCI Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
4. Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình)	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PCI Năng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PCI Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
9. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	60,00%	27.600.000.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
23. Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
24. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	Hải Phòng	99,00%	9.800.000.000	-	(*)
25. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
26. PCI Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			3.789.927.776.619	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		1/1/2024				
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
• Công ty liên kết						
1.	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
3.	Công ty Cổ phần Western Pacific	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
4.	Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.603.148.756.168	-		
• Đơn vị khác						
1.	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinnincon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
2.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
			4.821.770.000	(3.606.012.909)		
			5.397.898.302.787	(3.606.012.909)		

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam cho các cá nhân.
- (ii) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình cho các cá nhân.
- (iii) Trong Quý 1 năm 2024, Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình) trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của Công ty này từ Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình.
- Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 34% vốn góp của Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình cho các cá nhân.
- (iv) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 66.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm.
- (v) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 415.000.000.000 VND vào Công ty Cổ Phần KCN Quốc tế Hải Phòng.
- (vi) Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 90.243.900.000 VND vào Công ty Cổ phần Western Pacific
- (vii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản trái phiếu mà Công ty phát hành (Thuyết minh 23(b)(i)).
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Asia Dragon Trading Pte. Ltd. và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	20.641.051.788	9.333.451.788
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gấm	7.537.837.600	5.484.987.785
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	6.763.715.807	6.760.812.315
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	570.541.400	2.823.371.338
Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	521.400.000	660.000.000
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	432.241.755	1.288.102.959
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	354.027.654	385.239.654
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	48.960.000	39.158.249.697
Các công ty con cấp 1 khác	32.416.000	17.527.083.019
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	22.514.545.634	42.514.545.634
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	866.995.535	866.995.535
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	28.457.138.160	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)	47.680.992	-
Bên khác		
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	203.778.019.276	152.899.801.367
Ban Quản lý Dự án lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	118.049.317.475	1.194.969.466
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	79.023.533.034	87.194.855.067
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	75.589.377.861	79.296.269.106
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	61.900.913.732	76.016.197.514
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	41.930.797.451	62.530.160.977
Ban Quản lý Dự án Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.480.528.945	46.983.635.351
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	20.454.366.566	50.000.000.000
Các khách hàng khác	523.282.533.407	490.131.278.286
	1.246.277.940.072	1.173.050.006.858

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	51.340.407.220	-
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	27.098.034.266	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	18.111.054.653	18.460.974.653
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	9.563.972.123	3.291.288.384
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	6.006.907.822	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Báo Lâm	2.596.792.759	1.450.662.595
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	1.938.852.778	-
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	1.361.733.939	-
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	342.850.487	-
Công ty con cấp 2		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	3.988.813.480	4.736.092.878
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	7.463.270.654	7.463.270.654
Bên khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	105.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	59.974.554.174	-
Dongfang Electric International Corporation	40.926.457.094	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	-	17.877.622.227
Các nhà cung cấp khác	151.750.912.130	37.454.719.534
	488.453.454.061	186.723.471.407

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	165.278.407.869	-
Lợi nhuận ước tính	23.546.075.329	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	188.824.483.198	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(179.637.333.423)	-
	9.187.149.775	-

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Địa ốc Mỹ Đình	27.234.176.793	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	24.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Báo Lâm	5.500.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	5.160.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	-	50.000.000.000
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn cầu	2.588.410.051	2.588.410.051
	75.625.280.244	106.051.103.451

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 6,0%/năm (1/1/2024: từ 4,0% đến 9,0%/năm). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, gốc và lãi vay của các khoản cho vay này đã được gia hạn tới Quý 2 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	152.605.436.256	102.912.151.561
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (**)	94.286.957.077	94.595.296.236
Tạm ứng cho nhân viên	12.328.941.565	23.681.808.392
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay (*)	7.472.789.540	9.168.117.522
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Ký cược, ký quỹ	283.380.000	5.570.850.000
Phải thu khác	1.788.789.925	1.187.679.879
	270.917.926.563	239.267.535.790

(*) Bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
<i>Công ty con cấp 1</i>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	62.962.638.000	-
Công ty Cổ phần PCI Miền Nam	16.970.431.356	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	9.939.000.000	-
Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình	9.684.600.043	-
Công ty Cổ phần PCI - Ninh Bình	7.457.025.264	4.763.941.605
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.094.900.000	5.094.900.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	4.751.908.000	17.819.655.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	1.660.708.651	1.660.708.651
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	-	918.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	23.567.885.989
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	-	1.377.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	17.326.005.843
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	14.626.338.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	-	14.702.758.871
<i>Công ty con cấp 2</i>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam	1.054.956.942	1.054.956.942
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Western Pacific	33.029.268.000	-
	152.605.436.256	102.912.151.561

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi cho vay		
<i>Công ty con cấp 1</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	930.410.959	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	549.160.386	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	197.835.616	151.232.877
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	6.575.342	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	1.050.345.205
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	-	89.424.658
<i>Công ty con cấp 2</i>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	4.932.251.636	6.451.778.458
	<hr/>	<hr/>
	6.616.233.939	7.742.781.198
	<hr/>	<hr/>
	159.221.670.195	110.654.932.759

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

- (**) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản của Công ty.

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2024			Thời gian quá hạn	1/1/2024		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Khách hàng nhóm 1	Từ 1 đến 2 năm	38.275.992.822	(38.275.992.822)	-	Từ 1 đến 2 năm	-	-	-
Khách hàng nhóm 2	Từ 2 đến 3 năm	36.830.154.593	(36.830.154.593)	-	Từ 2 đến 3 năm	-	-	-
Khách hàng nhóm 3	Trên 3 năm	4.738.718.091	(4.738.718.091)	-	Trên 3 năm	5.183.873.781	(5.183.873.781)	-
		<u>79.844.865.506</u>	<u>(79.844.865.506)</u>	-		<u>5.183.873.781</u>	<u>(5.183.873.781)</u>	-
<i>Trung đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(79.844.865.506)</u>			<u>(5.183.873.781)</u>		

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.429.527.341	-	672.055.967	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	840.922.321.447	-	239.876.318.816	-
Hàng hóa	3.516.645.319	-	71.219.683.665	-
	845.868.494.107	-	311.768.058.448	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp</i>		
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 + Ngăn lộ mở rộng 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	42.014.157.613	34.710.041.195
Gói tổng thầu thi công hạ tầng kỹ thuật – KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	40.737.850.000	26.799.806.529
Các công trình, dự án khác	139.677.207.072	167.882.687.812
<i>Dự án kinh doanh bất động sản</i>		
Dự án khu nhà ở Tháp Vàng (*)	607.095.061.671	-
Dự án PCI Bắc Từ Liêm (khu nhà ở để bán G5 – CT2 và G8 – CT3)	7.499.726.417	7.494.996.417
Dự án khu nhà ở PCI Gia Lâm	2.596.202.784	2.596.191.784
Dự án khác	1.302.115.890	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	-	392.595.079
	840.922.321.447	239.876.318.816

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là Quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.328.941.421.410	1.241.384.683.987	163.321.470.499	20.009.516.147	1.148.375.210	2.754.805.467.253
Tăng trong năm	840.000.000	642.578.081	-	939.434.234	360.312.000	2.782.324.315
Số dư cuối năm	1.329.781.421.410	1.242.027.262.068	163.321.470.499	20.948.950.381	1.508.687.210	2.757.587.791.568
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	279.875.302.236	346.827.741.478	88.943.442.681	9.405.586.550	987.262.883	726.039.335.828
Khấu hao trong năm	47.762.939.590	70.893.485.880	16.716.671.006	2.782.191.914	138.024.543	138.293.312.933
Số dư cuối năm	327.638.241.826	417.721.227.358	105.660.113.687	12.187.778.464	1.125.287.426	864.332.648.761
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.049.066.119.174	894.556.942.509	74.378.027.818	10.603.929.597	161.112.327	2.028.766.131.425
Số dư cuối năm	1.002.143.179.584	824.306.034.710	57.661.356.812	8.761.171.917	383.399.784	1.893.255.142.807

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản cố nguyên giá 33 tỷ VND (1/1/2024: 29 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.813 tỷ VND (1/1/2024: 1.922 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu và cuối năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.253.324.655	1.253.324.655
Khấu hao trong năm	-	215.354.795	215.354.795
Số dư cuối năm	-	1.468.679.450	1.468.679.450
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	345.075.345	1.453.145.345
Số dư cuối năm	1.108.070.000	129.720.550	1.237.790.550

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCCI Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	20.819.861.638	122.374.213.687
Nhượng bán	-	-	(20.819.861.638)	(20.819.861.638)
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	-	101.554.352.049
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.298.050.918	39.436.638.410	6.286.442.679	51.021.132.007
Khấu hao trong năm	399.871.729	3.597.484.180	278.769.010	4.276.124.919
Nhượng bán	-	-	(6.565.211.689)	(6.565.211.689)
Số dư cuối năm	5.697.922.647	43.034.122.590	-	48.732.045.237
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.778.474.257	51.041.188.464	14.533.418.959	71.353.081.680
Số dư cuối năm	5.378.602.528	47.443.704.284	-	52.822.306.812

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	11.236.636.566	7.859.555.020
Tăng trong năm	11.555.551.014	9.805.195.381
Chuyển nhượng dự án Thượng Hà	(5.400.824.855)	-
Biến động khác	-	(6.428.113.835)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	17.391.362.725	11.236.636.566

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Quyền sử dụng đất	9.500.000.000	-
Dự án Nhà máy thủy điện Thượng Hà	-	4.456.645.750
Công trình khác	7.891.362.725	6.779.990.816
	<hr/>	<hr/>
	17.391.362.725	11.236.636.566

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.146.108.229	10.156.162.111	27.457.563.426	16.100.318.908	55.860.152.674
Tăng trong năm	1.361.134.182	8.863.435.290	-	12.614.827.360	22.839.396.832
Phân bổ trong năm	(1.754.951.359)	(6.145.373.460)	(515.223.360)	(11.137.506.279)	(19.553.054.458)
Số dư cuối năm	1.752.291.052	12.874.223.941	26.942.340.066	17.577.639.989	59.146.495.048

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B được trừ vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng và Cục thuế tỉnh Hà Giang. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
		30.737.470.307

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuế đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.667.478.156 VND.



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	179.026.595.225	86.432.400.016
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	95.215.201.203	55.883.121.985
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	89.995.753.094	107.080.793.198
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	40.342.171.844	34.402.085.687
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	17.123.762.853	5.032.534.430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	15.318.884.608	72.827.824.100
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	11.203.579.448	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	8.002.335.991	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	7.360.831.083	-
Các công ty con cấp 1 khác	1.237.753.453	3.549.638.093
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	21.417.566	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	110.037.444.656	-
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	101.670.943.560	248.857.972
Phải trả các đối tượng khác	233.683.574.953	440.740.857.921
	910.240.249.537	806.198.113.402

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	203.420.349.243	-
Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	-	4.561.937.571
Bên khác		
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	45.543.836.821	-
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	22.752.187.170	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	31.515.453.438
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	16.418.328.453	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	16.241.961.858	-
Ban Quản lý Dự án điện 3	9.960.013.803	-
Ban Quản lý đường sắt đô thị	157.825.981	31.214.189.119
Các khách hàng khác	49.078.571.627	34.511.249.367
	395.088.528.394	101.802.829.495

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.505.376.915	73.165.264.212	(72.145.042.365)	2.525.598.762
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	187.186.666	(187.186.666)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.550.688	1.493.027.973	(2.681.782.076)	700.796.585
Thuế thu nhập cá nhân	175.793.657	7.584.417.518	(7.571.709.689)	188.501.486
Thuế tài nguyên	861.157.836	42.038.110.962	(41.542.907.210)	1.356.361.588
Thuế nhà đất	-	574.192.379.216	(574.192.379.216)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.536.513.768	20.461.734.756	(18.979.753.788)	3.018.494.736
	5.968.392.864	719.122.121.303	(717.300.761.010)	7.789.753.157

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	41.583.620.829	45.043.797.444
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	316.080.332	1.212.852.084
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	-	2.372.267.833
	41.899.701.161	48.628.917.361

22. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.337.343.594	2.836.378.546
Lãi vay phải trả	20.142.948.920	10.452.528.500
Thù lao của Hội đồng Quản trị	3.826.000.000	2.610.000.000
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	611.599.395	958.027.395
Kinh phí công đoàn	33.388.838	142.761.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.491.941.435	3.020.586.118
	87.443.222.182	20.020.281.837

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay phải trả công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	6.553.618.249	6.553.618.249
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	231.507.572	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	5.120.887.935	2.932.887.935
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	1.990.359.822	735.885.330
	13.896.373.578	10.222.391.514

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.431.006.422.237	3.296.335.495.660	(3.452.765.164.712)	1.274.576.753.185
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	230.048.000.000	291.377.000.713	(230.048.000.000)	291.377.000.713
	1.661.054.422.237	3.587.712.496.373	(3.682.813.164.712)	1.565.953.753.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	400.993.165.167	436.540.705.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	252.648.011.672	114.459.443.366
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	171.609.360.756	283.545.093.202
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	150.906.275.678	114.007.847.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	109.933.069.913	4.853.534.209
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	98.415.102.212	227.759.337.190
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	87.274.514.998	80.641.120.535
Ngân hàng TMHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	VND	2.797.252.789	-
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	-	115.608.041.597
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	53.591.299.638
		1.274.576.753.185	1.431.006.422.237

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 11 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	2.360.630.064.753	2.063.793.603.649
Trái phiếu thường (ii)	1.188.673.118.092	1.183.899.763.518
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(291.377.000.713)	(230.048.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.257.926.182.132	3.017.645.367.167

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	88.000.000.000	98.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	21.030.716.918	72.850.371.918
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	VND	4,5%	2027	Không có tài sản bảo đảm	5.088.844.560	5.088.844.560
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	VND	4,8%	2027	Không có tài sản bảo đảm	-	120.000.000.000
Các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(***)	2029	Toàn bộ phần vốn góp của PCI tại Asia Dragon Trading Pte.Ltd và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	541.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (ii)	VND	(***)	2028	Tài sản hình thành từ Dự án Tháp vàng Phú Thị	350.054.116.104	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	338.968.395.700	386.968.395.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	274.986.568.179	305.034.568.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	262.709.898.607	310.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	145.862.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	(**)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	132.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở Cá nhân (iii)	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.929.000.713	364.929.000.713
	VND	6,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	100.000.000.000
					2.360.630.064.753	2.063.793.603.649

- (i) Các khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 1.813 tỷ VND (1/1/2024: 1.922 tỷ VND) (Thuyết minh 13).
- (ii) Các khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND (Thuyết minh 12).
- (iii) Cá nhân cho Công ty vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.
- (**) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.
- (***) Các khoản vay này có lãi suất ưu đãi cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong các năm tiếp theo, lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(11.326.881.908)	(16.100.236.482)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			<u>1.188.673.118.092</u>	<u>1.183.899.763.518</u>

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và toàn bộ số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty sở hữu (Thuyết minh 5(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	145.827.662.533	108.909.881.324
Trích lập trong năm	11.270.065.790	66.792.089.518
Sử dụng trong năm	(26.870.139.380)	(29.874.308.309)
Số dư cuối năm	130.227.588.943	145.827.662.533

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	2.704.330.020.000	711.136.556.786	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.700.657.891	112.700.657.891
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.396.044.759	-	(33.396.044.759)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(66.792.089.518)	(66.792.089.518)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	405.625.560.000	-	-	-	(405.625.560.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	803.142.319.053	4.935.840.737.812
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	269.764.321.899	269.764.321.899
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(11.270.065.790)	(11.270.065.790)
Trả cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 27)	466.465.630.000	-	-	-	(466.465.630.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.576.421.210.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	589.170.945.162	5.188.334.993.921

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho các cổ đông khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 466.465.630.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2023: 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê hoạt động không hủy ngang

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.760.540.034	3.712.799.231
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	12.559.643.820	18.563.996.155
	<hr/>	<hr/>
	16.320.183.854	22.276.795.386
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	1.161.960	29.339.955.239	178.053	4.274.435.111
Kip Lào	608.001	528.961	602.363	409.607
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.712.109.231.929	2.169.009.766.484
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	960.040.464.973	1.041.561.887.275
Doanh thu bán điện	509.871.679.213	338.713.808.232
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư	23.048.979.111	100.039.819.705
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	16.228.127.314	22.832.984.097
Doanh thu chuyển nhượng dự án thủy điện Thượng Hạ	9.364.077.009	-
Doanh thu khác	53.152.619.276	118.821.353.438
	<hr/>	<hr/>
	4.283.815.178.825	3.790.979.619.231
	<hr/>	<hr/>

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.596.209.429.167	2.033.012.963.919
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	948.353.520.670	1.021.975.499.702
Giá vốn bán điện	235.177.912.983	203.999.473.339
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư	14.499.350.734	84.695.154.685
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	6.577.769.800	11.089.354.334
Giá vốn chuyển nhượng dự án thủy điện Thượng Hà	5.400.824.855	-
Giá vốn khác	49.682.215.400	106.218.572.956
	3.855.901.023.609	3.460.991.018.935

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.094.867.061	50.776.000.762
Cổ tức được chia	367.598.663.290	257.645.284.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.968.716.684	839.999.506
Lãi do chuyển nhượng vốn	1.000.000.000	7.617.693.026
Lãi bán hàng trả chậm	2.063.621.851	6.234.954.175
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	720.218.410
	394.725.868.886	323.834.150.750

32. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	303.737.417.994	398.692.084.043
Chi phí phát hành trái phiếu	4.773.354.574	4.734.013.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.164.584.953	974.892.570
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	76.068.518	-
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	37.722.006.524	220.390.619
Lỗ do chuyển nhượng vốn	93.636.191	-
Chi phí tài chính khác	-	1.072.086.966
	348.567.068.754	405.693.467.939

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.027.398	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.788.003.200	11.682.521.319
Chi phí bán hàng khác	364.233.530	131.913.921
	<hr/>	<hr/>
	8.160.264.128	11.814.435.240

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.554.273.342	4.271.107.968
Chi phí nhân công	67.636.144.681	61.686.946.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.577.880.190	7.226.378.620
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	75.106.147.415	(350.000.000)
Thuế, phí, lệ phí	2.990.822.154	1.437.126.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.787.096.060	28.613.197.475
Chi phí khác bằng tiền	10.517.527.766	8.640.145.500
	<hr/>	<hr/>
	195.169.891.608	111.524.903.120

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	605.269.310.872	471.631.195.880
Chi phí nhân công	85.392.129.557	73.342.802.676
Chi phí khấu hao tài sản và phân bổ	142.784.792.647	145.652.200.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.821.180.840.730	1.753.736.297.437
Chi phí khác	42.211.302.615	39.055.417.559
	<hr/>	<hr/>
	3.696.838.376.421	2.483.417.913.873

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.404.114.004	2.076.724.021
Dự phòng thiếu trong những năm trước	88.913.969	11.754.462.611
	1.493.027.973	13.831.186.632

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	271.257.349.872	126.531.844.523
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	54.251.469.974	25.306.368.905
Chi phí không được khấu trừ thuế	523.487.084	978.598.702
Thu nhập không bị tính thuế	(73.519.732.658)	(51.529.056.974)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	6.037.408.558	(10.449.674.349)
Ảnh hưởng thuế liên quan đến chi phí lãi vay vượt mức 30% theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP	14.898.301.595	35.616.625.260
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	-	2.153.862.477
Dự phòng thiếu trong những năm trước	88.913.969	11.754.462.611
Lỗ tính thuế được sử dụng	(786.820.549)	-
	1.493.027.973	13.831.186.632

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời về chi phí lãi vay được khấu trừ	252.671.864.844	50.534.372.969	178.180.356.869	35.636.071.374
Chênh lệch tạm thời về dự phòng phải thu khó đòi	30.187.042.789	6.037.408.558	-	-
Lỗi tính thuế	7.254.907.171	1.450.981.434	11.189.009.915	2.237.801.983
	290.113.814.804	58.022.762.961	189.369.366.784	37.873.873.357

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2028	Chưa quyết toán	178.180.356.869
2029	Chưa quyết toán	74.491.507.975
		252.671.864.844

Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	7.254.907.171

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần PCI Hà Nội		
Doanh thu cho thuê	-	340.106.090
Doanh thu bán hàng hóa	22.338.423.860	8.792.661.838
Doanh thu khác	1.123.780.431	-
Mua dịch vụ xây lắp	353.590.908.474	195.371.575.363
Cổ tức được chia	990.000.000	-
Lãi chậm thanh toán được nhận	48.162.166	-
Chuyển nhượng vốn	-	1.480.935.067
Công ty Cổ phần PCI Miền Nam		
Doanh thu bán hàng hóa	3.943.396.039	7.992.471.987
Mua dịch vụ xây lắp	326.166.685.227	319.929.264.163
Cổ tức được chia	16.970.431.356	-
Doanh thu khác	4.824.154	-
Lãi chậm thanh toán được nhận	1.583.107	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc		
Mua dịch vụ xây lắp	-	1.799.686.972
Chi phí lãi trả chậm	-	718.784.008
Chi phí khác	324.000.000	-
Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình		
Doanh thu bán hàng hóa	16.211.370.754	18.300.943.404
Doanh thu cho thuê	626.860.612	553.373.100
Doanh thu khác	786.110.000	-
Mua dịch vụ xây lắp	278.278.327.424	251.305.696.765
Cổ tức được chia	19.976.872.018	-
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình thông qua bù trừ công nợ	10.275.400.561	-
Chi phí lãi trả chậm	-	96.178.940
Doanh thu bán hàng hóa	39.177.521.453	-
Mua dịch vụ xây lắp	28.116.989.293	16.811.375.046
Cổ tức được chia	10.608.416.747	14.626.338.660
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông		
Mua dịch vụ xây lắp	-	756.085.812
Mua tài sản cố định	-	2.125.302.487
Mua công cụ dụng cụ	-	181.523.050
Chi phí khác	231.507.572	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê	1.182.603.424	1.499.163.684
Doanh thu khác	415.344.260	-
Mua hàng hóa	1.051.334.936	1.981.288.700
Cổ tức được chia	-	1.870.104.537
Mua dịch vụ	882.827.081	953.927.927
Công ty Cổ phần PCI Thăng Long		
Doanh thu bán hàng hóa	21.392.688.616	8.606.581.962
Doanh thu khác	213.143.023	-
Thu nhập từ lãi trả chậm	166.765.833	37.928.794
Mua dịch vụ xây lắp	160.312.522.538	106.751.698.138
Chi phí lãi vay trả chậm	-	118.726.800
Cổ tức được chia	495.000.000	-
Chuyển nhượng vốn	-	1.433.748.375
Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình		
Doanh thu bán hàng hóa	2.770.577.850	5.277.954.237
Mua dịch vụ xây lắp	100.355.466.440	21.564.080.309
Doanh thu khác	66.048.830	-
Lãi cho vay	-	306.342.466
Lợi nhuận được chia	2.693.083.659	-
Bù trừ công nợ với khoản cho vay	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Doanh thu bán hàng hóa	39.177.521.453	-
Mua dịch vụ xây lắp	28.116.989.293	16.811.375.046
Cổ tức được chia	10.608.416.747	14.626.338.660
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê	67.526.580	123.082.134
Doanh thu khác	111.111.108	-
Cổ tức được chia	35.410.680.000	26.397.234.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	95.301.816	95.301.816
Mua dịch vụ xây lắp	36.363.636	-
Cổ tức được chia	9.939.000.000	-
Cho vay	35.000.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản cho vay	6.000.000.000	-
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả	1.765.823.207	-
Bù trừ khoản phải thu về lãi cho vay với khoản phải trả	308.712.329	-
Lãi cho vay	857.872.715	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê	247.800.002	231.709.092
Mua dịch vụ xây lắp	24.243.159.966	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	1.377.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Vay	-	62.500.000.000
Trả nợ gốc vay	34.000.000.000	-
Bù trừ khoản vay với khoản phải thu	17.819.655.000	-
Chi phí lãi vay	1.254.474.492	412.223.487
Cổ tức được chia	4.751.908.000	17.819.655.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Doanh thu bán hàng hóa	345.842.000	-
Lãi cho vay	493.726.027	455.753.425
Nhận hoàn trả khoản cho vay	3.000.000.000	-
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả	1.500.000.000	-
Mua dịch vụ	42.341.830.561	28.066.652.787
Mua khác	763.537.568	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu cho thuê	66.000.000	88.555.554
Doanh thu khác	111.111.108	-
Cổ tức được chia	7.649.984.121	14.702.758.871
Lãi chậm thanh toán được nhận	6.578.342	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiền Bộ		
Trả nợ gốc vay	120.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	441.863.014	-
Cho vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay	930.410.959	879.999.999
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	396.607.314
Doanh thu từ thanh lý tài sản	-	61.000.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	386.693.454
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	328.486.804
Cổ tức được chia	14.766.595.201	13.245.018.859
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	416.607.314
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	1.085.320.052
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	1.106.168.445
Cổ tức được chia	12.977.606.711	55.327.225.294
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	396.607.314
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	1.408.008.583
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	1.161.243.228
Cổ tức được chia	15.379.289.657	55.361.949.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê	247.800.002	231.709.092
Mua dịch vụ xây lắp	24.243.159.966	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	1.377.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ		
Mua dịch vụ xây lắp	33.671.475.000	-
Mua tài sản cố định	-	2.720.161.500
Mua hàng hóa	5.341.790.000	77.486.247.425
Cổ tức được chia	1.147.500.000	918.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát		
Doanh thu cho thuê	178.036.368	178.036.368
Doanh thu dịch vụ	32.750.077.856	103.647.013.729
Cho vay	71.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	122.142.397.260	-
Lãi cho vay	3.006.162.207	8.632.344.358
Bao gồm lãi cho vay nhập gốc	1.142.397.260	6.307.269.431
Cổ tức được chia	104.025.228.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	7.540.889.204	5.078.692.394
Doanh thu cho thuê	66.000.000	33.000.000
Doanh thu khác	6.364.366.286	-
Doanh thu chuyển nhượng dự án	9.364.077.009	-
Cho vay	44.000.000.000	6.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	44.000.000.000	-
Lãi cho vay	64.323.288	746.235.616
Mua cổ phần thông qua bù trừ với khoản cho vay	5.160.000.000	15.840.000.000
Mua cổ phần thông qua bù trừ cổ tức phải thu	1.114.668.493	-
Mua cổ phần	59.725.331.507	-
Chuyển nhượng vốn	-	17.940.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại		
Vay	22.000.000.000	30.000.000.000
Trả nợ gốc vay	32.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.298.465.753	2.096.547.946
Asia Dragon Trading Pte. Ltd.		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	874.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.470.000.000	8.422.958.730
Doanh thu cho thuê	-	197.777.778
Mua cổ phần	415.000.000.000	9.800.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	29.824.840.138	1.922.269.249
Cổ tức được chia	75.767.799.820	56.000.000.000
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Lãi cho vay	817.367.916	937.069.883
Lãi trả chậm	1.838.252.787	2.951.196.542
Doanh thu bán hàng hóa	19.368.748.378	-
Mua dịch vụ xây lắp	6.320.081.335	-
Mua hàng hóa	-	479.248.888
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình		
Doanh thu bán hàng hóa	653.369.600	-
Mua dịch vụ xây lắp	9.652.405.865	1.509.140.126
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam		
Mua dịch vụ xây lắp	1.726.908.104	7.894.289.627
Chi phí lãi trả chậm	-	138.397.218
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Western Pacific		
Lợi nhuận được chia	33.029.268.000	-
Mua cổ phần	90.243.900.000	-
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình		
Mua cổ phần	-	68.400.000.000
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Đại Dũng		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.402.848.900	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	11.173.944.456	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	3.975.000.000	1.810.000.000
Ông Vũ Anh Dương	540.000.000	270.000.000
Ông Võ Hồng Quang	540.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	540.000.000	270.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu (từ ngày 26/4/2024)	360.000.000	-
Ông Mai Lương Việt (đến ngày 1/2/2024)	45.000.000	270.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Anh Dương	1.306.734.106	1.125.749.371
Ông Võ Hồng Quang	1.244.577.696	871.136.214
Ông Nguyễn Minh Đệ	206.000.000	206.000.000
Ông Đặng Quốc Tường	918.759.840	994.540.361
Ông Nguyễn Nhật Tân	851.733.190	878.279.634
Ông Trịnh Ngọc Anh (từ ngày 15/7/2024)	315.074.696	-
Ông Trịnh Quang Thành (từ ngày 11/10/2024)	325.780.897	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	466.465.630.000	405.625.560.000
Bù trừ khoản vay với khoản cổ tức phải thu	17.819.655.000	-
Mua cổ phần thông qua bù trừ với khoản cổ tức, lợi nhuận phải thu	11.390.069.054	-
Mua cổ phần thông qua bù trừ phải thu về cho vay	5.160.000.000	15.840.000.000
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả	3.265.823.207	-
Lãi cho vay nhập gốc phải thu về cho vay	1.142.397.260	8.903.167.908
Bù trừ khoản phải thu về lãi cho vay với khoản phải trả	4.227.481.932	-
Bù trừ khoản cổ tức phải thu với khoản phải trả	1.065.671.856	-
Bù trừ khoản người mua trả trước với khoản phải thu về cho vay	-	27.360.185.058

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PCI
Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

THÀNH



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

PCI

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0100100745

ngày 4 tháng 12 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Phan Ngọc Hiếu
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 26/4/2024)
Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương
Ông Đặng Quốc Tường
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Nhật Tân
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Trịnh Ngọc Anh
Ông Trịnh Quang Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/7/2024)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/10/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà
Ông Hoàng Văn Cường
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

0100
CI
MICH
K
1410

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Phạm Hùng Street, Mễ Trì Ward
South Tu Liêm District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 80.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – Số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 48 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00204-25-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.085.980.091.224	6.683.571.516.940
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.277.327.707.879	2.082.217.682.721
Tiền	111		734.582.707.879	472.109.384.006
Các khoản tương đương tiền	112		1.542.745.000.000	1.610.108.298.715
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.016.759.191.654	780.833.305.437
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.016.759.191.654	780.833.305.437
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.112.002.764.045	2.771.030.121.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.015.189.876.899	1.877.968.983.905
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	456.269.424.703	217.194.103.053
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	10	9.187.149.775	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	309.543.410.051	288.724.410.051
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	416.873.034.466	399.538.361.777
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(95.060.131.849)	(12.395.737.583)
Hàng tồn kho	140	14	1.587.602.430.478	957.516.125.979
Hàng tồn kho	141		1.587.734.464.304	958.222.146.097
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(132.033.826)	(706.020.118)
Tài sản ngắn hạn khác	150		92.287.997.168	91.974.281.600
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	17.708.787.217	12.689.346.830
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.925.701.528	77.977.525.733
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	26	1.173.507.815	1.307.409.037
Tài sản ngắn hạn khác	155	15	2.480.000.608	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		12.901.664.649.904	13.491.573.366.000
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.830.193.500	14.779.136.760
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	32.830.193.500	14.779.136.760
Tài sản cố định	220		10.146.675.462.841	10.880.286.863.661
Tài sản cố định hữu hình	221	16	8.970.795.915.918	9.639.510.928.689
Nguyên giá	222		12.617.358.387.910	12.548.275.257.128
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.646.562.471.992)	(2.908.764.328.439)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	4.905.112.226
Nguyên giá	225		-	5.791.150.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(886.037.774)
Tài sản cố định vô hình	227	17	1.175.879.546.923	1.235.870.822.746
Nguyên giá	228		1.383.299.121.252	1.382.368.621.252
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(207.419.574.329)	(146.497.798.506)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Bất động sản đầu tư	230	18	112.102.582.263	145.675.172.322
Nguyên giá	231		536.746.846.681	558.088.029.012
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(424.644.264.418)	(412.412.856.690)
Tài sản dở dang dài hạn	240		372.571.762.744	112.686.564.279
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	19	202.549.187.157	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	170.022.575.587	112.686.564.279
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.709.056.198.340	1.606.569.505.763
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	1.708.234.428.340	1.605.353.748.672
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(4.000.000.000)	(3.606.012.909)
Tài sản dài hạn khác	260		528.428.450.216	731.576.123.215
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	290.930.501.865	478.808.935.599
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	30.280.921.273	34.226.534.092
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		25.969.362.920	2.198.615.537
Lợi thế thương mại	269	23	181.247.664.158	216.342.037.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.987.644.741.128	20.175.144.882.940
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.271.625.448.232	13.027.533.672.586
Nợ ngắn hạn	310		5.078.147.101.360	4.777.754.337.912
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.120.664.359.789	1.048.601.949.747
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	299.209.751.506	169.442.503.266
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	26	230.165.562.350	143.917.465.802
Phải trả người lao động	314		98.754.378.100	56.308.500.869
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	83.045.126.902	216.868.137.878
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		850.614.873	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.780.962.417	4.697.211.060
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	109.774.770.645	102.223.715.675
Vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	320	29(a)	2.950.283.971.656	2.838.478.333.363
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30	11.957.159.622	12.523.794.502
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	166.660.443.500	184.692.725.750

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Nợ dài hạn	330		8.193.478.346.872	8.249.779.334.674
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		480.757.160	926.919.632
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	12.033.085.858	10.845.031.988
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính dài hạn	338	29(b)	7.830.630.395.563	7.902.006.174.976
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	305.205.522.136	304.986.716.432
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	45.128.586.155	31.014.491.646
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.716.019.292.896	7.147.611.210.354
Vốn chủ sở hữu	410	32	7.716.019.292.896	7.147.611.210.354
Vốn cổ phần	411	33	3.576.421.210.000	3.109.955.580.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>3.576.421.210.000</i>	<i>3.109.955.580.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Vốn khác của chủ sở hữu	414		50.847.073.442	46.847.073.442
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		708.285.511	708.285.511
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.183.517.143)	(1.277.863.726)
Quỹ đầu tư phát triển	418		298.573.907.310	292.725.159.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		65.403.533.120	65.403.533.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		826.354.445.227	852.993.584.938
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>364.771.554.741</i>	<i>819.716.498.088</i>
- <i>LNST năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>461.582.890.486</i>	<i>33.277.086.850</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.189.757.798.643	2.069.119.300.469
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.987.644.741.128	20.175.144.882.940

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PCI
ĐƯỜNG ĐÀ - VĂN ANH
Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	10.088.901.620.619	7.693.781.062.664
Giá vốn hàng bán	11	36	7.996.507.019.628	6.245.614.973.514
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.092.394.600.991	1.448.166.089.150
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	138.085.670.369	182.694.013.188
Chi phí tài chính	22	38	881.568.197.542	967.330.851.856
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23		<i>701.206.757.837</i>	<i>848.375.553.662</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		45.794.608.983	1.577.383.209
Chi phí bán hàng	25	39	78.532.757.514	55.980.734.072
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	487.725.540.156	335.208.954.077
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		828.448.385.131	273.916.945.542
Thu nhập khác	31	41	19.285.546.398	10.795.650.746
Chi phí khác	32	42	8.723.300.716	28.732.891.615
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		10.562.245.682	(17.937.240.869)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		839.010.630.813	255.979.704.673
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	124.870.818.560	78.860.979.685
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	44	4.164.418.523	(4.511.197.107)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		709.975.393.730	181.629.922.095

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		709.975.393.730	181.629.922.095
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty	61		467.582.890.486	36.167.086.850
Cổ đông không kiểm soát	62		242.392.503.244	145.462.835.245
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	1.177	53

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởngVũ Anh Dương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	839.010.630.813	255.979.704.673
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	877.613.082.201	771.515.106.980
Các khoản dự phòng	03	72.564.007.143	8.927.585.946
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	135.493.717.598	87.854.980.078
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(151.743.983.202)	(188.221.520.054)
Chi phí đi vay	06	701.206.757.837	848.375.555.662
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.474.144.212.390	1.784.431.413.285
Biến động các khoản phải thu	09	(266.543.535.144)	501.603.209.478
Biến động hàng tồn kho	10	(628.938.061.378)	(37.742.965.910)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	322.176.376.246	(211.424.749.853)
Biến động chi phí trả trước	12	4.901.864.912	12.055.953.375
		1.905.740.857.026	2.048.922.860.375
Tiền lãi vay đã trả	14	(698.053.796.352)	(860.760.606.701)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(76.541.785.887)	(102.724.509.099)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(41.196.926.352)	(34.052.117.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.089.948.348.435	1.051.385.627.336
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(446.492.057.301)	(492.252.091.207)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	31.808.133.068	168.210.675.156
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(1.594.612.558.972)	(1.047.101.801.345)
Tiền thu hồi cho vay và nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	1.337.867.672.755	1.239.957.199.980
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(90.243.900.000)	(68.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	17.285.093.051	28.472.376.468
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	98.284.542.872	98.803.414.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(646.103.074.527)	(72.310.226.906)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	31	44.200.000.000	3.213.643.532
Tiền thu từ đi vay ngắn và dài hạn	33	7.718.291.063.222	5.792.450.483.265
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.826.829.309.098)	(7.161.637.703.122)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.454.373.074)	(1.577.956.458)
Tiền trả cổ tức	36	(202.587.071.346)	(124.230.827.303)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(268.379.690.296)	(1.491.782.360.086)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	175.465.583.612	(512.706.959.656)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.082.217.682.721	2.581.357.801.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.550.094.963	14.727.995.325
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	61	(1.905.653.417)	(1.161.154.301)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	2.277.327.707.879	2.082.217.682.721

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 25 ngày 4 tháng 12 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Khai thác, chế biến và bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Tập đoàn căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 27 công ty con cấp 1 và 2 công ty con cấp 2 (1/1/2024: 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty con cấp 2) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2024		1/1/2024	
				Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1							
1	Công ty Cổ phần PCI Hà Nội	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
2	Công ty Cổ phần PCI Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam) (i)	Xây lắp điện	Tp. HCM	80,00%	80,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình) (ii)	Xây lắp điện	Hà Nội	80,00%	80,00%	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV PCI Năng Lượng	Cung cấp dịch vụ	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
7	Công ty Cổ phần PCI Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) (iii)	Xây lắp điện	Ninh Bình	66,00%	66,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần PCI Thăng Long	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
9	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ vẽ mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	Hà Nội	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
10	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (iv)	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Điện Biên	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,39%	99,39%	99,39%	99,39%
12	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,83%	99,83%	99,83%	99,83%
14	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió	Cao Bằng	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc (iv)	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Cao Bằng	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
16	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
17	Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	55,54%	55,54%	55,54%	55,54%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,70%	54,70%	54,70%	54,70%
19	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
21	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	Khai khoáng	Cao Bằng	57,27%	57,27%	57,27%	57,27%
22	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm (v)	Sản xuất điện	Cao Bằng	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2024		1/1/2024	
				Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
23	Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Cho thuê nhà xưởng	Hà Nội	99,75%	99,75%	99,75%	99,75%
24	Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (viii)	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	Singapore	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
25	Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (vi)	Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp	Hải Phòng	99,96%	99,96%	99,00%	99,00%
26	Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (viii)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp	Hải Phòng	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
27	PCI Australia Pty Ltd	Kinh doanh sản phẩm thép	Australia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty con cấp 2							
<i>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>							
1	Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm	Thái Nguyên	81,00%	90,00%	81,00%	90,00%
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình</i>							
2	Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK (vii)	Kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV	Hà Nội	-	-	51,00%	51,00%
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam</i>							
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm	Xây lắp điện	Hà Nội	80,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam cho các cá nhân.

(ii) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình cho các cá nhân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Trong Quý 1 năm 2024, Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của công ty này từ Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình.
- Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 34% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình cho các cá nhân.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ số cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản trái phiếu mà Tập đoàn phát hành (Thuyết minh 29(b)(ii)).
- (v) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp 66.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm.
- (vi) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp 415.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng.
- (vii) Trong Quý 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc thanh lý 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK, một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 4). Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, số cổ phần còn lại là 310.000 cổ phần mà Tập đoàn đang nắm giữ sẽ được thanh lý không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK được ghi nhận theo giá gốc (Thuyết minh 15).
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại Asia Dragon Trading Pte. Ltd. và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 29(b)(i)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn có 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 1.625 nhân viên (1/1/2024: 1.595 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, theo đó các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua, nếu có phát sinh chênh lệch.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ với tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ và các hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đối với các chi phí đã phát sinh nhưng chưa được khách hàng xác nhận tại thời điểm lập báo cáo.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản phản ánh giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản tại mỏ niken – đồng phát sinh từ hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, một công ty con của Công ty. Giá trị hợp lý của quyền khai thác khoáng sản có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan. Quyền khai thác khoáng sản sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 21,5 năm.

(ii) Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (“NHIZ”)

Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình theo giá trị hợp lý tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Giá trị hợp lý của quyền khai thác, vận hành có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan. Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 22 năm.

(iii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 đến 49 năm. Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(iv) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	48 năm
▪ chung cư cho thuê	5 – 30 năm
▪ nhà xưởng	30 năm

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê trong khoảng thời gian từ 44 đến 49 năm.

(iii) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Trung Thu, Mông An. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Tập đoàn phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên trong khoảng thời gian từ 11 đến 67 năm.

(iv) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình điện gió trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các dự án nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Nguyên và Phong Huy trong vòng 49 năm.

(v) Chi phí thuê hạ tầng

Chi phí thuê hạ tầng đầu nối dự án được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 48 năm.

(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(iii) Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mỏ

Tập đoàn có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường tại mỏ niken - đồng thuộc khu vực xã Quang Trung và xã Hà Trì huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nghĩa vụ bao gồm cải tạo, phục hồi môi trường khu khai thác, khu bãi thải đất đá, mặt bằng sản công nghiệp, một số khu vực ngoài biên giới mỏ và một số nghĩa vụ duy tu, bảo trì, cải tạo khác.

Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại. Trong đó, giá trị dự kiến của dòng tiền được dựa trên dự toán kinh phí cải tạo môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác từng năm.

(p) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(q) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế từ khoản đầu tư vào công ty liên kết không được ghi nhận do Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự kiến được do Công ty không có kế hoạch thanh lý các khoản đầu tư này trong tương lai.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán tinh quặng khoáng sản, doanh thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày ghi nhận doanh thu, sau đó được điều chỉnh theo các thông tin cập nhật về khối lượng và giá bán khi quyết toán. Tại ngày lập báo cáo, doanh thu tạm tính được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h)(ii).

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết và các công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Thanh lý công ty con**

Trong năm, Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình, một công ty con cấp 1 của Công ty, đã thanh lý 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thị nghiệm Điện ETIK, một công ty con cấp 2 của Công ty, cho cá nhân với giá thanh lý là 2 tỷ VND. Lỗ từ hoạt động thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm (Thuyết minh 38).

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, 310.000 cổ phiếu còn lại tương đương với 31% quyền sở hữu sẽ được thanh lý trước ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư vào công ty này được ghi nhận là tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 15). Giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày quyền kiểm soát của Tập đoàn với công ty con này chấm dứt như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm quyền kiểm soát chấm dứt Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.114.906.949
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.314.235.929
Hàng tồn kho	3.738.898.935
Tài sản ngắn hạn khác	446.248.505
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16)	13.331.939
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	4.186.077.254
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 29(a))	(11.419.767.560)
Nợ ngắn hạn khác	(6.513.649.529)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	8.880.282.422
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày quyền kiểm soát chấm dứt (Thuyết minh 32)	4.351.338.386
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)	2.480.000.608
Lỗ từ hoạt động thanh lý ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 38)	48.943.428
Giá thanh lý nhận được	2.000.000.000
Khoản tiền giảm do thanh lý công ty con	(3.114.906.949)
Khoản tiền thuần mất do thanh lý công ty con	(1.114.906.949)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận, các giao dịch giữa các bộ phận này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và xây dựng;
- Sản xuất công nghiệp;
- Bất động sản;
- Năng lượng;
- Thương mại;
- Khai thác, vận hành khu công nghiệp;
- Khai khoáng; và
- Các hoạt động khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Lợi trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024										
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	5.285.078.775.132	1.581.906.381.343	44.268.528.613	1.793.512.897.375	963.624.187.857	599.664.683.839	2.977.772.087.865	117.846.878.266	(3.274.772.799.671)	10.088.901.620.619
Giá vốn hàng bán bộ phận	(5.041.373.321.868)	(1.428.042.882.448)	(23.805.763.259)	(854.536.585.123)	(952.021.397.380)	(450.850.045.824)	(2.367.570.349.563)	(107.936.778.887)	3.229.229.304.734	(7.996.507.019.628)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	243.705.453.264	153.864.298.895	20.862.765.354	938.976.312.252	11.602.790.477	148.814.638.015	610.201.738.302	9.910.099.379	(45.543.494.947)	2.092.394.600.991
Chi phí bán hàng										
Chi phí quản lý doanh nghiệp										(78.532.757.514)
Doanh thu hoạt động tài chính										(487.725.540.156)
Chi phí tài chính										138.085.670.369
Phần lãi trong công ty liên kết										(881.568.197.542)
Kết quả từ các hoạt động khác										45.794.608.983
Chi phí thuế TNDN										10.562.245.682
										(129.035.237.083)
Lợi nhuận sau thuế TNDN										<u>709.975.393.730</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Khai khoáng VND Đã điều chỉnh lại	Các hoạt động khác VND	Lợi trừ VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	3.828.968.348.339	1.218.148.180.352	192.537.977.998	1.532.041.358.298	1.042.889.712.645	614.102.201.835	1.297.936.440.269	164.182.450.358	(2.197.025.607.450)	7.695.781.062.664
Giá vốn hàng bán bộ phận	(3.595.376.108.331)	(1.088.309.973.617)	(143.827.157.334)	(804.734.699.638)	(1.624.318.503.004)	(475.527.762.175)	(1.176.869.402.638)	(127.032.116.211)	2.190.380.659.834	(6.245.614.973.514)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	233.592.240.028	129.838.206.735	48.710.820.264	727.306.748.660	18.571.209.641	138.574.439.660	121.067.037.631	37.150.334.147	(6.644.947.616)	1.448.166.089.150
Chi phí bán hàng										(55.980.734.072)
Chi phí quản lý doanh nghiệp										(335.208.954.077)
Doanh thu hoạt động tài chính										182.694.013.188
Chi phí tài chính										(967.330.831.856)
Phần lãi trong công ty liên kết										1.577.383.209
Kết quả từ các hoạt động khác										(17.937.240.869)
Chi phí thuế TNDN										(74.340.782.578)
Lợi nhuận sau thuế TNDN										181.629.922.095

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Tài sản của bộ phận	1.902.631.794.913	723.731.548.075	1.309.608.304.859	9.008.063.060.286	241.386.683.338	1.399.100.103.337	2.170.526.667.505	27.819.880.071	16.782.863.042.384
Tài sản không phân bổ									4.204.776.698.744
Tổng tài sản	1.902.631.794.913	723.731.548.075	1.309.608.304.859	9.008.063.060.286	241.386.683.338	1.399.100.103.337	2.170.526.667.505	27.819.880.071	20.987.644.741.128
Nợ phải trả của bộ phận	1.600.967.413.927	511.673.313.711	405.693.392.252	5.406.095.610.792	4.396.392.430	36.453.218.308	1.439.154.983.426	10.079.376.073	9.413.913.700.919
Nợ phải trả không phân bổ									3.857.711.747.313
Tổng nợ phải trả	1.600.967.413.927	511.673.313.711	405.693.392.252	5.406.095.610.792	4.396.392.430	36.453.218.308	1.439.154.983.426	10.079.376.073	13.271.625.448.232
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Chi tiêu vốn	12.687.381.208	28.751.027.771	658.125.908	20.168.478.436	-	42.204.954.186	130.204.202.650	361.446.824	234.495.616.983
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	137.756.617.361	13.781.020.069	1.140.490.051	376.066.914.222	-	18.148.266.141	212.660.366.549	-	759.553.674.393
Khấu hao tài sản cố định vô hình	219.846.464	17.586.936.688	-	-	-	356.284.750	42.758.707.921	-	60.921.775.823
Khấu hao hữu hình thuê tài chính	719.034.972	-	-	-	-	-	-	-	719.034.972
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.276.124.919	-	1.306.897.517	-	-	13.282.764.912	-	-	18.865.787.348
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-	3.561.645.403	27.785.389.307	-	1.961.471.982	1.785.866.937	-	35.094.373.829

TC/ - 09/ 10/11

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành khu công nghiệp VND	Khai khoáng VND Đã điều chỉnh lại	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024									
Tài sản của bộ phận	1.785.112.438.471	615.627.526.236	641.021.661.625	9.375.187.205.478	427.528.121.407	967.907.580.226	2.063.841.641.187	60.903.882.697	15.936.720.459.327
Tài sản không phân bổ									4.218.415.423.613
Tổng tài sản									20.175.144.882.940
Nợ phải trả của bộ phận	1.285.497.458.389	462.921.677.636	175.788.886.205	3.961.831.694.396	87.253.110.028	46.218.223.152	1.439.010.636.513	3.828.607.130	9.462.350.203.469
Nợ phải trả không phân bổ									3.565.183.379.117
Tổng nợ phải trả									13.027.533.672.586
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023									
Chứ tiêu vốn	7.472.558.790	16.465.294.758	-	25.554.140.852	-	19.878.004.297	417.551.228.726	19.400.866.320	506.322.093.703
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	19.195.175.416	10.976.436.527	1.308.947.444	502.465.450.199	-	15.719.182.762	90.736.504.951	7.031.049.896	647.432.747.195
Khấu hao tài sản cố định vô hình	83.832.799	30.768.719	-	-	-	17.837.760.714	45.466.804.505	255.999.998	63.675.166.735
Khấu hao hữu hình (thuế tài chính)	714.741.008	-	-	-	-	-	-	-	714.741.008
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	11.283.445.012	-	-	13.314.633.201	-	-	24.598.078.213
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-	3.561.645.403	27.783.389.507	-	1.961.471.982	1.785.866.937	-	35.094.373.829

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn có các bộ phận địa lý bao gồm Việt Nam và Singapore như sau:

Năm kết thúc ngày	Việt Nam		Singapore		Hợp nhất	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán ra bên ngoài	8.378.027.842.020	7.069.882.829.605	1.710.873.778.599	623.898.233.059	10.088.901.620.619	7.693.781.062.664
Chi tiêu vốn	234.495.616.983	506.322.093.703	-	-	234.495.616.983	506.322.093.703
Tại ngày	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản bộ phận	20.955.239.643.987	20.158.857.394.690	32.405.097.141	16.287.488.250	20.987.644.741.128	20.175.144.882.940

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	32.254.830.129	22.292.697.470
Tiền gửi ngân hàng	702.327.877.750	449.156.686.536
Tiền đang chuyển	-	660.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.542.745.000.000	1.610.108.298.715
	2.277.327.707.879	2.082.217.682.721

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất 1,6% – 4,75%/năm (1/1/2024: 2,3% – 4,2%/năm).

7. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.016.759.191.654	780.833.305.437
	1.016.759.191.654	780.833.305.437

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,0% – 9,5%/năm (1/1/2024: 1,4% – 9,5%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tỷ lệ % sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2024 Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	86.390.209.542	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	300.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Western Pacific	30,08%	1.253.444.218.798	(*)
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	36,00%	68.400.000.000	(*)
		1.708.234.428.340	
	Tỷ lệ % sở hữu và % quyền biểu quyết	1/1/2024 Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	126.907.281.952	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	300.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Western Pacific	30,08%	1.110.046.466.720	(*)
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	36,00%	68.400.000.000	(*)
		1.605.353.748.672	

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu năm		1.536.564.981.744
Vốn cổ phần góp thêm trong năm	1.605.353.748.672	68.400.000.000
Phần lãi trong công ty liên kết	90.243.900.000	1.577.383.209
Nhận cổ tức trong năm	45.794.608.983	-
Biến động do thay đổi khác của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	(33.029.268.000)	
	(128.561.315)	(1.188.616.281)
	1.708.234.428.340	1.605.353.748.672

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	31/12/2024		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.625	0,00115%	821.770.000	-	2.989.918.750
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(*)
			<u>4.821.770.000</u>	<u>(4.000.000.000)</u>	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	1/1/2024		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	65.806	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
			<u>4.821.770.000</u>	<u>(3.606.012.909)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	263.669.955.793	300.562.675.147
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	234.656.351.299	152.899.801.367
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	139.310.796.227	79.296.269.106
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	118.049.317.475	43.526.996.092
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	95.618.342.792	76.016.197.514
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	79.023.533.034	199.345.804.016
Ban Quản lý Dự án Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.480.528.945	162.767.074.244
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.051.381.051.334	863.554.166.419
	2.015.189.876.899	1.877.968.983.905

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dững	2.686.454.802	-
Các bên thứ ba khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	105.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	59.974.554.174	-
Dongfang Electric International Corporation	40.926.457.094	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thắng Long	-	17.877.622.227
Các nhà cung cấp khác	246.693.118.151	103.327.640.344
	456.269.424.703	217.194.103.053

10. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	165.278.407.869	-
Lợi nhuận ước tính	23.546.075.329	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	188.824.483.198	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(179.637.333.423)	-
	9.187.149.775	-

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nguyễn Tất Cường (*)	305.725.000.000	255.075.000.000
Trần Thị Tuyết	-	29.631.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn cầu	2.588.410.051	2.588.410.051
Cá nhân khác	1.230.000.000	1.430.000.000
	309.543.410.051	288.724.410.051

- (*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của các công ty con đối với một cá nhân mà Ban Tổng Giám đốc xác nhận không phải là bên liên quan của Tập đoàn. Khoản cho vay này hưởng lãi suất từ 3,5% – 6,0%/năm (1/1/2024: 3,5% – 6,0%/năm). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, gốc và lãi vay của các khoản cho vay này đã được gia hạn đến Quý 2 và Quý 3 năm 2025. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng các khoản cho vay đối với ông Cường hoàn toàn có khả năng thu hồi do các khoản cho vay này đã được bảo đảm bằng 13,8 triệu cổ phiếu niêm yết thuộc sở hữu của một cá nhân và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của 2 bất động sản thuộc sở hữu của ông Cường.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	170.802.845.302	176.611.651.982
Tạm ứng cho nhân viên	118.427.028.832	103.920.144.217
Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình	18.596.869.461	24.856.454.080
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	53.533.562.158	58.534.783.875
Phải thu về cổ tức từ công ty liên kết	33.029.268.000	
Ký cược, ký quỹ	18.823.501.517	29.474.663.501
Phải thu khác	3.659.959.196	6.140.664.122
	<hr/>	<hr/>
	416.873.034.466	399.538.361.777

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù tại các công trình xây lắp và sẽ được chủ đầu tư (khách hàng) hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản, dự án năng lượng.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	32.830.193.500	14.779.136.760
	<hr/>	<hr/>

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2024			Thời gian quá hạn	1/1/2024		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Các khách hàng nhóm 1	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	2.631.941.262	(789.582.379)	1.842.358.883
Các khách hàng nhóm 2	Từ 1 đến 2 năm	38.275.992.822	(38.275.992.822)	-	Từ 1 đến 2 năm	9.868.790.946	(4.934.395.473)	4.934.395.473
Các khách hàng nhóm 3	Từ 2 đến 3 năm	36.830.154.593	(36.830.154.593)	-	Từ 2 đến 3 năm	2.468.067.900	(1.971.083.590)	496.904.300
Các khách hàng nhóm 4	Trên 3 năm	19.953.984.434	(19.953.984.434)	-	Trên 3 năm	4.751.242.337	(4.700.676.141)	50.646.206
		<u>95.060.131.849</u>	<u>(95.060.131.849)</u>	-		<u>19.720.042.445</u>	<u>(12.395.737.583)</u>	<u>7.324.304.862</u>
<i>Trong đó:</i>								
	Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		<u>(95.060.131.849)</u>				<u>(12.395.737.583)</u>	

14. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	21.640.946.639	-	499.380.000	-
Nguyên vật liệu	162.915.930.790	(132.033.826)	209.282.409.642	(706.020.118)
Công cụ, dụng cụ	69.274.218.598	-	21.353.261.041	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.189.241.573.075	-	511.603.111.316	-
Thành phẩm	141.134.751.701	-	144.758.628.534	-
Hàng hoá	3.527.043.501	-	70.725.355.564	-
	1.587.734.464.304	(132.033.826)	958.222.146.097	(706.020.118)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Hoạt động kinh doanh bất động sản	637.750.974.807	28.494.850.392
Dự án xây nhà ở thấp tầng để bán và công trình thương mại tại khu đất Tháp Vàng, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội (**)	607.095.061.671	-
Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ PCCI Vinh Hưng	14.399.687.700	14.399.687.700
Dự án khu nhà ở PCI Bắc Từ Liêm (G5 – CT2 và G8 – CT3)	7.499.726.417	7.494.996.417
Dự án khu nhà ở PCI Gia Lâm	2.596.191.784	2.596.191.784
Dự án khác	6.160.307.235	4.003.974.491
Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	446.703.858.416	461.179.631.063
Dự án xây lắp đường điện 500 kV Nhơn Hòa	55.161.921.742	18.867.261
Tổng thầu Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ Mở rộng 110kV tại Trạm biến áp 220kV Năm Căn	42.014.157.613	34.710.041.195
Gói tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật – KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	40.737.850.000	26.799.806.529
Các công trình khác	308.789.929.061	399.650.916.078
Hoạt động sản xuất công nghiệp	92.561.598.050	21.928.629.861
Đường điện 220kv Trường Sơn Đô Lương	30.977.942.707	-
Dự án xây lắp đường dây 110- 500kV thuộc vành đai 4, tỉnh Bắc Ninh	15.173.594.324	-
Các công trình, dự án khác	46.410.061.019	21.928.629.861
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	12.225.141.802	-
	1.189.241.573.075	511.603.111.316

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 29(b)(i)).

15. Tài sản ngắn hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản ngắn hạn khác thể hiện 310.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thử nghiệm Điện ETIK với giá gốc là 2.480.000.608 VND (1/1/2024: Không). Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, số cổ phiếu này sẽ được chuyển nhượng toàn bộ với giá trị 3.100.000.000 VND không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2025.

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	4.562.691.033.787	7.458.551.372.525	437.631.588.944	33.227.921.998	56.173.339.874	12.548.275.257.128
<i>Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây</i>	<i>4.490.916.121.931</i>	<i>7.402.759.299.564</i>	<i>436.867.823.789</i>	<i>33.112.570.550</i>	<i>56.173.339.874</i>	<i>12.419.829.155.708</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)</i>	<i>71.774.911.856</i>	<i>55.792.072.961</i>	<i>763.765.155</i>	<i>115.351.448</i>	<i>-</i>	<i>128.446.101.420</i>
Tăng trong năm	4.437.318.379	20.877.304.861	7.412.286.912	2.458.317.065	1.154.312.000	36.339.539.217
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	71.409.357.178	16.075.528.970	29.499.752.908	-	-	116.984.639.056
Thanh lý	-	(16.804.919.561)	(8.972.561.849)	-	-	(25.777.481.410)
Xóa sổ	(331.388.034)	-	-	-	-	(331.388.034)
Điều chỉnh theo quyết toán	59.951.768.630	(136.526.197.917)	50.800.000	-	-	(76.523.629.287)
Giảm do thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	(46.327.200)	-	-	-	(46.327.200)
Tăng/(giảm) khác	16.224.354.154	2.287.064.497	(76.786.607)	3.146.396	-	18.437.778.440
Số dư cuối năm	4.714.382.444.094	7.344.413.826.175	465.545.080.308	35.689.385.459	57.327.651.874	12.617.358.387.910

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	978.458.558.517	1.531.978.960.683	334.033.239.260	18.695.700.948	45.597.869.031	2.908.764.328.439
<i>Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây</i>	<i>974.617.251.548</i>	<i>1.527.729.377.108</i>	<i>334.002.295.854</i>	<i>18.680.722.480</i>	<i>45.597.869.031</i>	<i>2.900.627.516.021</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)</i>	<i>3.841.306.969</i>	<i>4.249.583.575</i>	<i>30.943.406</i>	<i>14.978.468</i>	-	<i>8.136.812.418</i>
Khấu hao trong năm	256.091.871.298	468.044.276.801	27.245.315.692	3.861.750.331	4.310.460.271	759.553.674.393
Thanh lý	-	(15.569.381.184)	(5.821.766.361)	-	-	(21.391.147.545)
Xóa sổ	(331.388.034)	-	-	-	-	(331.388.034)
Giảm đo thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	(32.995.261)	-	-	-	(32.995.261)
Số dư cuối năm	1.234.219.041.781	1.984.420.861.039	355.456.788.591	22.557.451.279	49.908.329.302	3.646.562.471.992
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	3.584.232.475.270	5.926.572.411.842	103.598.349.684	14.532.221.050	10.575.470.843	9.639.510.928.689
Số dư cuối năm	3.480.163.402.313	5.359.992.965.136	110.088.291.717	13.131.934.180	7.419.322.572	8.970.795.915.918

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.750 tỷ VND (1/1/2024 – đã điều chỉnh: 9.533 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29(b)(i)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 679 tỷ VND (1/1/2024: 674 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	977.536.296.866	385.284.021.525	14.249.528.442	5.193.442.600	105.331.819	1.382.368.621.252
Tăng trong năm	-	-	-	899.700.000	-	899.700.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	30.800.000	-	30.800.000
Số dư cuối năm	977.536.296.866	385.284.021.525	14.249.528.442	6.123.942.600	105.331.819	1.383.299.121.252
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	115.561.461.450	19.898.472.334	6.292.457.574	4.640.075.329	105.331.819	146.497.798.506
Khấu hao trong năm	42.758.707.921	17.418.614.786	269.749.116	474.704.000	-	60.921.775.823
Số dư cuối năm	158.320.169.371	37.317.087.120	6.562.206.690	5.114.779.329	105.331.819	207.419.574.329
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	861.974.835.416	365.385.549.191	7.957.070.868	553.367.271	-	1.235.870.822.746
Số dư cuối năm	819.216.127.495	347.966.934.405	7.687.321.752	1.009.163.271	-	1.175.879.546.923

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 2,6 tỷ VND (1/1/2024: 1,7 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

18. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Chung cư cho thuê VND	Nhà xưởng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.974.479.862	157.755.932.150	395.357.617.000	558.088.029.012
Thanh lý	-	(21.341.182.331)	-	(21.341.182.331)
Số dư cuối năm	4.974.479.862	136.414.749.819	395.357.617.000	536.746.846.681
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.684.968.425	55.994.085.496	353.733.802.769	412.412.856.690
Khấu hao trong năm	104.177.436	5.583.022.436	13.178.587.476	18.865.787.348
Thanh lý	-	(6.634.379.620)	-	(6.634.379.620)
Số dư cuối năm	2.789.145.861	54.942.728.312	366.912.390.245	424.644.264.418
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.289.511.437	101.761.846.654	41.623.814.231	145.675.172.322
Số dư cuối năm	2.185.334.001	81.472.021.507	28.445.226.755	112.102.582.263

19. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của một dự án có thời gian triển khai dự kiến kéo dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	112.686.564.279	1.375.792.992.689
Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây	107.818.401.504	1.375.792.992.689
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	4.868.162.775	-
Tăng trong năm	205.983.257.429	425.904.103.008
Tăng trong năm – như báo cáo trước đây	-	421.035.940.233
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	4.868.162.775
Phân loại sang hàng tồn kho	(4.197.499.906)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(21.767.624.401)	(3.408.313.487)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(116.984.639.056)	(1.543.801.714.501)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.800.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.666.682.758)	(44.244.934.517)
Giảm trừ thu nhập phát sinh trong giai đoạn chạy thử	-	(69.179.711.869)
Biến động khác	-	(28.375.857.044)
Số dư cuối năm	170.022.575.587	112.686.564.279

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án Thủy điện Bảo Lạc A	76.972.368.337	23.555.749.753
Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng	24.467.389.358	48.933.828.605
Dự án Thủy điện Thượng Hà	22.230.259.134	-
Các dự án khác	46.352.558.758	40.196.985.921
	170.022.575.587	112.686.564.279

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.105.334.421	6.243.883.752
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.603.452.796	6.445.463.078
	<hr/>	<hr/>
	17.708.787.217	12.689.346.830
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Tiền thuê đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện (*) VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió VND	Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công VND	Chi phí thuê hạ tầng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.476.083.808	15.676.027.118	9.682.960.255	111.069.822.306	11.979.155.590	192.928.100.767	62.099.554.928	67.897.230.827	478.808.933.599
Tăng trong năm	5.293.532.570	9.499.316.912	-	-	911.868.000	-	-	52.092.032.142	67.796.749.624
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20)	-	5.666.682.758	-	-	-	-	-	-	5.666.682.758
Phân bổ trong năm	(5.784.574.739)	(9.762.171.508)	(2.458.435.836)	(2.852.203.332)	(333.308.241)	-	-	-	(66.272.683.947)
Phân loại lại	-	-	13.459.600.778	-	-	-	(1.663.962.445)	(43.418.027.846)	(13.459.600.778)
Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	229.958.947	-	-	(1.696.440.811)	-	(192.928.100.767)	-	-	(192.928.100.767)
Số dư cuối năm	7.215.000.586	21.079.855.280	20.684.125.197	106.521.178.163	12.557.715.349	-	60.435.592.483	62.437.034.807	290.930.501.865

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Trung Thu, Mông Ân được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng, Cục thuế tỉnh Hà Giang và Cục thuế tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ VND
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Trung Thu	Thông báo số 1091/TB-STC ngày 30/6/2016	70.790.693.435
Công trình Thủy điện Mông Ân	Thông báo số 1217/TB-CT ngày 10/12/2019	21.334.749.436
		122.862.913.178

Tiền thuê đất đã được bù trừ cho tới ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.614.606.295 VND.

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất áp dụng	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Hàng tồn kho	20%	1.120.138.530	2.611.849.364
Tài sản cố định	20%	27.517.011.859	25.220.668.171
Xây dựng cơ bản dở dang	20%	1.169.977.722	4.201.763.973
Các khoản khác	20%	473.793.162	2.192.252.584
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		30.280.921.273	34.226.534.092
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Tài sản cố định	20%	(164.298.912.250)	(173.598.586.632)
Tài sản cố định	10%	(35.100.407.888)	(36.842.269.367)
Hàng tồn kho	20%	(303.714.448)	(303.714.448)
Dự phòng đầu tư dài hạn	20%	(7.465.603.887)	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	20%	(40.509.837.431)	-
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con	20%	(52.402.000.000)	(52.402.000.000)
Lỗ thanh lý công ty con	20%	(757.751.421)	(757.751.421)
Chi phí trả trước dài hạn	20%	-	(38.651.428.518)
Các khoản khác	20%	(4.367.294.811)	(2.430.966.046)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(305.205.522.136)	(304.986.716.432)
		(274.924.600.863)	(270.760.182.340)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Lợi thế thương mại

	2024 VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	440.096.768.989
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	223.754.731.002
Phân bổ trong năm	35.094.373.829
Số dư cuối năm	258.849.104.831
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	216.342.037.987
Số dư cuối năm	181.247.664.158

24. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	32.306.117.963	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là "Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân")	5.669.517.606	-
Các bên thứ ba khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	110.037.444.656	-
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	101.670.943.560	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hòa Thịnh	50.562.242.897	-
Công ty Cổ phần Thịnh Cường	43.599.805.132	83.134.119.522
Siemens Energy Limited Company	-	96.229.903.174
Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	-	73.920.000.000
Khác	776.818.287.975	795.317.927.051
	1.120.664.359.789	1.048.601.949.747

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam	66.904.600.092	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành I	31.515.453.438	31.515.453.438
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	23.036.620.441	-
Ban Quản lý Dự án lưới điện Hà Nội	22.752.187.170	-
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	21.360.763.271	-
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị	-	31.214.189.119
Các khách hàng khác	133.640.127.094	106.712.860.709
	299.209.751.506	169.442.503.266

26. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 – đã điều chỉnh lại		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND			Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	27.002.841.082	202.540.181.430	(205.191.517.178)	-	24.351.505.334
Thuế xuất nhập khẩu	(479.632)	-	316.985.694.252	(293.089.811.828)	-	23.895.402.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(761.034.370)	53.303.354.682	124.870.818.560	(76.541.785.887)	(760.222.543)	101.631.575.528
<i>Số dư – như báo cáo trước đây</i>	<i>(761.034.370)</i>	<i>64.860.106.555</i>	-	-	-	-
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)</i>	-	<i>(11.556.751.873)</i>	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(265.779.457)	1.826.958.355	23.352.974.579	(23.160.055.959)	(93.958.862)	1.848.056.380
Thuế tài nguyên (**)	-	52.737.936.718	188.879.558.892	(170.846.083.757)	-	70.771.411.853
<i>Số dư – như báo cáo trước đây</i>	-	<i>10.710.095.829</i>	-	-	-	-
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)</i>	-	<i>42.027.840.889</i>	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(280.115.578)	237.290.873	578.834.924.020	(579.068.154.485)	(276.055.170)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	7.272.570.324	43.640.901.604	(50.913.471.928)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.220.198.755	(5.220.198.755)	-	-
Phi, lệ phí và các khoản khác	-	1.536.513.768	48.464.208.033	(42.376.382.578)	(43.271.240)	7.667.610.463
	(1.307.409.037)	143.917.465.802	1,532,789,460,125	(1,446,407,462,355)	(1,173,507,815)	230,165,562,350

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.
- (**) Như trình bày trong Thuyết minh 48(b), do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành hướng dẫn cách tính thuế tài nguyên và do chưa có sự hướng dẫn cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền, trong năm 2023, một công ty con của Công ty đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên dựa trên giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên nguyên khai khai thác.

Trong năm 2024, công ty con này đã xác định lại phương pháp tính thuế tài nguyên dựa trên những diễn giải về quy định của Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”). Theo đó, công ty con này đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và chi phí vận chuyển được nêu trên hóa đơn bán hàng, và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu khai thác để xác định lại nghĩa vụ thuế phải nộp cho năm 2023 và các năm sau đó. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ thuế tài nguyên theo phương pháp mới này, phù hợp với các diễn giải về quy định pháp luật liên quan và thực tiễn sản xuất của công ty con.

Hiện tại, công ty con này vẫn đang trong quá trình xin hướng dẫn chi tiết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương pháp tính thuế tài nguyên phù hợp với thực tiễn sản xuất của công ty. Kết quả cuối cùng phụ thuộc vào hướng dẫn chi tiết của các cơ quan này. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí trích trước lãi vay	55.406.703.006	63.043.534.451
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	9.664.512.412	14.333.821.819
Chi phí trích trước hoạt động khai thác quặng	8.613.272.911	2.295.589.848
Chi phí trích trước công trình xây dựng nhà máy khoáng sản hoàn thành	5.666.155.719	25.243.009.226
Chi phí trích trước vận hành các nhà máy điện gió	607.756.400	11.045.051.431
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện và phong điện hoàn thành	-	93.386.367.366
Chi phí phải trả khác	3.086.726.454	7.520.763.737
	83.045.126.902	216.868.137.878

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.337.343.594	2.918.719.672
Phải trả các đội xây lắp, ban chỉ huy công trình	19.415.879.856	22.291.589.264
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.884.868.933	37.940.430.492
Chi phí lãi vay phải trả	6.246.575.342	230.136.986
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	3.826.000.000	2.610.000.000
Kinh phí công đoàn	2.152.993.283	2.127.550.317
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	745.439.097	1.922.165.960
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	66.665.566	1.273.002.527
Phải trả về thư tín dụng trả chậm (UPAS LC)	-	15.529.179.387
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.099.004.974	15.380.941.070
	<hr/>	<hr/>
	109.774.770.645	102.223.715.675
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.033.085.858	10.845.031.988
	<hr/>	<hr/>

29. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	1/1/2024	Biến động trong năm			31/12/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thanh lý công ty con (Thuyết minh 4) VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.092.378.794.844	6.595.491.481.483	(6.573.879.025.643)	(10.472.403.176)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	744.512.949.711	844.049.332.193	(746.226.316.557)	-	4.429.158.801
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	1.586.588.808	815.148.650	(1.454.373.074)	(947.364.384)	-
	2.838.478.333.363	7.440.355.962.326	(7.321.559.715.274)	(11.419.767.560)	4.429.158.801
					2.950.283.971.656

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	757.606.557.645	774.440.817.954
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	341.644.138.655	128.988.248.251
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	252.648.011.672	228.883.383.427
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	196.861.263.264	4.853.534.209
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	191.093.418.913	215.792.607.518
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	171.609.360.756	283.545.093.202
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	98.415.102.212	227.759.337.190
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	90.023.511.038	2.258.907.851
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	VND	2.797.252.789	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	820.230.564	-
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	-	115.608.041.597
Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	53.591.299.638
Các cá nhân khác	VND	-	56.657.524.007
		2.103.518.847.508	2.092.378.794.844

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	7.488.722.401.619	7.461.804.212.519
Trái phiếu thương (ii)	1.188.673.118.092	1.183.899.763.518
Nợ thuê tài chính	-	2.401.737.458
	8.677.395.519.711	8.648.105.713.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 29(a))	(846.765.124.148)	(746.099.538.519)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.830.630.395.563	7.902.006.174.976

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Asian Development Bank – B Loan	USD	Số kỳ hạn 3 tháng + biến độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	1.660.238.919.837	1.790.290.700.012
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Tuyển quặng Niken - Đồng	818.905.248.588	983.905.248.588
Asian Development Bank – A Loan	USD	5,5103%-5,517%	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	717.387.217.208	773.582.431.955
Export Finance Australia	USD	4,65% - 5,02%	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	655.896.867.534	707.275.348.923
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2029	Toàn bộ phần vốn góp của PCI tại Asia Dragon Trading Pte.Ltd và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	541.000.000.000	-
Japan International Cooperation Agency	USD	Số kỳ hạn 6 tháng + biến độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	512.423.628.257	552.558.844.932
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Mông Ân	372.585.979.418	386.100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2026	Tài sản hình thành từ Dự án Thấp Vàng, Phú Thị	350.054.116.104	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	338.968.395.700	386.968.395.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	274.986.568.179	305.034.568.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	262.709.898.607	310.709.898.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(**)	2029	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Trung Thu	224.440.000.000	269.328.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	145.862.523.972	152.212.523.972

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	132.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	2039	Tài sản hình thành dự án Thủy điện Bảo Lạc A	128.513.687.186	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.929.000.713	364.929.000.713
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	2039	Tài sản hình thành dự án Thủy điện Thượng Há	62.355.142.561	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2028	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Mạ kẽm Thái Nguyên	48.965.207.755	54.573.185.348
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	2028	Cầu 800 tấn ZCC9800W	40.500.000.000	55.900.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	7,5%	2026	Xe ô tô Ford Everest	-	436.065.590
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,2%	2025	Không có tài sản bảo đảm	-	100.000.000.000
Các cá nhân khác	VND	4,7% - 6,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	120.000.000.000
					7.488.722.401.619	7.461.804.212.519
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(846.765.124.148)	(744.512.949.711)
					6.641.957.277.471	6.717.291.262.808

Các khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 8.750 tỷ VND (1/1/2024 – đã điều chỉnh: 9.533 tỷ VND) (Thuyết minh 16) và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Lãi suất vay trong vòng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là lãi suất cố định. Các năm tiếp theo áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.
- (**) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
			1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(11.326.881.908)	(16.100.236.482)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.188.673.118.092	1.183.899.763.518

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và toàn bộ số cổ phiếu phổ thông của hai công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Tập đoàn sở hữu (Thuyết minh 1(d)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

30. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mô VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	39.055.642.790	3.118.063.697	-	1.364.579.661	43.538.286.148
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	17.504.492.596	(1.112.452.160)	2.936.432.120	-	19.328.472.556
Sử dụng trong năm	(5.593.896.367)	(79.156.000)	-	(107.960.560)	(5.781.012.927)
Số dư cuối năm	50.966.239.019	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	57.085.745.777
<i>Trong đó:</i>					
Dự phòng phải trả ngắn hạn	11.957.159.622	-	-	-	11.957.159.622
Dự phòng phải trả dài hạn	39.009.079.397	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	45.128.586.155
	50.966.239.019	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	57.085.745.777

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	184.692.725.750	147.348.887.255
Trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	18.380.644.102	71.395.955.734
Sử dụng trong năm	(36.412.926.352)	(34.052.117.239)
Số dư cuối năm	<u>166.660.443.500</u>	<u>184.692.725.750</u>

32. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	2.704.330.020.000	711.136.556.786	29.026.800.000	708.285.511	(116.709.425)	261.072.092.951	65.418.160.381	1.344.532.665.968	2.056.638.211.199	7.172.746.083.371
Tăng vốn tại công ty con hàng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	23.051.946.468	-	-	(2.879.601.168)	(14.627.261)	(20.157.718.039)	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	405.625.560.000	-	-	-	-	-	-	(405.625.560.000)	3.213.643.532	3.213.643.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	139.972.323.571	163.060.665.930	303.032.989.501
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(70.711.269.837)	(684.685.897)	(71.395.955.734)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	34.532.668.031	-	(34.532.668.031)	-	-
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(161.815.088.795)	(161.815.088.795)
Biến động do thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	(1.188.616.282)	-	(1.188.616.282)
Thu hồi một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát	-	-	(5.231.673.026)	-	-	-	-	7.399.664.309	26.304.385.185	28.472.376.468
Chênh lệch tỷ giá hối đổi do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	-	221.878.783	-	-	-	-	221.878.783
Thủ lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(2.890.000.000)	-	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024 (theo báo cáo trước đây)	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	105.169.358	292.725.159.814	65.403.533.120	956.798.821.659	2.086.717.131.154	7.270.307.310.844

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024 – đã điều chỉnh lại	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	(1.177.863.726)	292.725.159.814	65.403.533.120	852.993.584.938	2.069.119.300.469	7.147.611.210.354
Số dư tại ngày 1/1/2024 – theo báo cáo trước đây	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	105.169.358	292.725.159.814	65.403.533.120	856.798.821.659	2.086.717.131.154	7.270.397.310.844
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	-	-	-	(1.382.033.084)	-	-	(103.805.236.721)	(17.597.830.685)	(122.786.100.490)
Tăng vốn tại công ty con hàng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	5.000.000.000	-	-	(5.000.000.000)	-	-	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	466.465.630.000	-	-	-	-	-	-	-	44.200.000.000	44.200.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(466.465.630.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	467.582.890.486	242.392.503.244	709.975.393.730
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	(17.125.651.021)	(1.254.993.081)	(18.380.644.102)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	11.124.148.057	-	(11.124.148.057)	-	-
Biến động do thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	(180.531.509.787)	(180.531.509.787)
Thoái một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(128.561.315)	-	(128.561.315)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	(1.000.000.000)	-	-	-	-	848.269.093	15.551.730.907	15.400.000.000
Thủ lao HĐQT	-	-	-	-	(1.905.653.417)	-	-	-	-	(1.905.653.417)
Thành lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(775.400.561)	-	-	(4.351.338.386)	(4.351.338.386)
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.576.421.210.000	711.136.556.786	50.847.073.442	708.285.511	(3.183.517.143)	298.573.907.310	65.403.533.120	826.354.445.227	2.189.757.798.643	7.716.019.292.896

- (i) Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho cổ đông khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 466.465.630.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2023: 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Vốn cổ phần**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	10.185.240.588	8.103.354.214
Trong vòng 2 đến 5 năm	18.716.445.636	21.353.478.791
Sau 5 năm	20.823.489.920	21.380.860.579
	49.725.176.144	50.837.693.584

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Kíp Lào	608.001	528.961	602.363	409.607
Đô la Úc	207.918	3.292.374.996	236.216	3.896.971.349
Đô la Mỹ	29.175.465	736.692.180.528	26.991.418	648.611.902.269

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Không có khả năng thu hồi	2024	418.555.690	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2021	1.396.500.000	1.396.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Giang	Không có khả năng thu hồi	2021	216.700.000	216.700.000
Công ty AG Ajikawa Corporation	Không có khả năng thu hồi	2006	12.373.726.137	12.373.726.137
Các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi	2007	1.285.920.000	1.285.920.000
			15.691.401.827	15.272.846.137

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/IN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	3.686.739.333.726	2.607.422.011.497
Doanh thu bán tinh quặng khoáng sản	1.710.873.778.599	623.898.233.059
Doanh thu bán điện	1.706.289.302.547	1.460.798.810.292
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	1.457.375.933.958	1.166.132.058.047
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	837.422.249.307	994.824.547.901
Doanh thu khai thác, vận hành khu công nghiệp	599.334.946.399	614.102.201.835
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	23.597.687.931	160.297.723.757
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	15.627.596.166	26.903.425.827
Doanh thu khác	51.640.791.986	39.402.050.449
	10.088.901.620.619	7.693.781.062.664

36. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	3.428.358.689.800	2.372.274.698.716
Giá vốn bán tinh quặng khoáng sản	1.146.153.010.488	516.565.167.657
Giá vốn bán điện	760.402.029.935	724.542.698.502
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	1.313.703.277.941	1.048.752.856.813
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	831.146.744.500	976.253.338.260
Giá vốn khai thác, vận hành khu công nghiệp	450.520.308.384	475.527.762.175
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.940.529.320	99.433.178.443
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	3.421.989.423	8.699.335.901
Giá vốn khác	48.434.426.129	31.282.682.219
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(573.986.292)	(7.716.745.172)
	7.996.507.019.628	6.245.614.973.514

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	93.283.321.155	124.286.757.899
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.186.780.749	14.026.085.555
Lãi bán hàng trả chậm chiết khấu thanh toán	1.247.594.132	3.107.431.620
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.367.973.858	4.081.031.891
Lãi từ hợp đồng hoán đổi lãi suất	-	37.054.307.890
Doanh thu hoạt động tài chính khác	475	138.398.333
	138.085.670.369	182.694.013.188

38. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	696.433.403.263	843.641.541.921
Chi phí phát hành trái phiếu	4.773.354.574	4.734.013.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.551.283.929	3.856.016.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	143.861.691.456	91.936.011.969
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	393.987.091	220.390.619
Thuế nhà thầu của chi phí lãi vay	19.987.042.151	22.578.035.297
Lỗ từ thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	48.943.428	-
Chi phí tài chính khác	518.491.650	364.841.845
	881.568.197.542	967.330.851.856

39. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	64.864.256	40.769.833
Chi phí nhân công	6.044.346.563	4.112.300.895
Chi phí khấu hao	8.027.398	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.014.224.228	29.996.039.972
Chi phí khác bằng tiền	1.896.802.473	4.954.074.566
Trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	17.504.492.596	16.877.548.806
	78.532.757.514	55.980.734.072

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.308.412.475	9.023.242.874
Chi phí nhân công	233.436.878.491	178.720.392.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.677.326.669	56.473.218.386
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	82.471.887.079	5.380.165.276
Thuế, phí, lệ phí	7.478.769.712	4.860.721.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.765.541.236	51.686.039.621
Chi phí khác	25.586.724.494	29.065.174.568
	487.725.540.156	335.208.954.077

41. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.641.799.407	397.179.895
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.057.837.881	1.492.833.632
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	3.118.063.697	5.382.018.313
Thu nhập khác	10.467.845.413	3.523.618.906
	19.285.546.398	10.795.650.746

42. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Phân bổ quyền khai thác khoáng sản	-	11.366.701.126
Chi phí phân bổ quyền sử dụng khu đất tại 120 Định Công	-	4.050.983.743
Chi phí khác	8.723.300.716	13.315.206.746
	8.723.300.716	28.732.891.615

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	2.435.290.264.669	1.653.911.421.551
Chi phí nhân công	477.242.770.235	400.639.911.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.613.082.201	771.515.106.980
Trích lập dự phòng	69.445.943.446	8.618.981.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.153.808.230.900	2.627.929.245.660
Chi phí khác	377.292.336.953	176.304.617.375
	8.390.692.628.404	5.638.919.283.800

44. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	123.455.036.456	65.984.177.991
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.415.782.104	12.876.801.694
	124.870.818.560	78.860.979.685
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.164.418.523	(4.511.197.107)
	129.035.237.083	74.349.782.578

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	839.010.630.813	255.979.704.673
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	167.802.126.163	51.195.940.935
Chênh lệch tạm thời về chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	14.897.489.764	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	6.601.282.521	21.095.302.840
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.624.076.833	2.478.022.148
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất không làm phát sinh chênh lệch tạm thời	(1.958.774.269)	9.101.923.739
Ưu đãi thuế	(31.001.273.622)	(49.376.581.072)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	1.783.721.852	27.265.259.748
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.415.782.104	12.876.801.694
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác tại công ty con	(26.174.888.579)	(520.390.729)
Lỗ tính thuế các năm trước được sử dụng trong năm	(14.927.671.291)	-
Khác	(26.634.393)	233.503.275
	129.035.237.083	74.349.782.578

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với Dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Trung Thu có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Mông Ân có lợi nhuận chịu thuế (từ 2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2024 đến 2032).

Đối với Dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, các công ty con của Công ty, được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm tròn năm đầu tiên các dự án điện gió có lợi nhuận chịu thuế (từ 2022 đến 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2026 đến 2034).

Đối với Dự án Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, một công ty con của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích và cung cấp dịch vụ cần thiết cho hoạt động của khu công nghiệp.

Đối với dự án của Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong thời hạn 10 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu dự án đầu tư. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2021 và 2022) và giảm 50% số thuế trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2026).

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024	2023	2023
		Đã điều chỉnh lại	Theo báo cáo trước đây
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	467.582.890.486	36.167.086.850	139.972.323.571
Số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(46.758.289.049)	(17.125.651.021)	(13.997.232.357)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	420.824.601.437	19.041.435.829	125.975.091.214
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	357.642.121	357.642.121	310.995.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.177	53	405

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty tạm ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần trong năm 2024.

(b) **Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông

Trong năm, Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty của năm 2023 với số tiền 17.125.651.021 VND. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Ngoài ra, Tập đoàn đã thực hiện các điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và doanh thu của một số công ty con (Thuyết minh 48), qua đó làm thay đổi lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho các cổ đông cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 15% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tương đương 466.465.630.000 VND.

	2024	2023 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	310.995.558	310.995.558
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	46.646.563	46.646.563
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	357.642.121	357.642.121

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi điều chỉnh lại như sau:

	Theo báo cáo trước đây	2023 Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	405	(352)	53

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Western Pacific</i>		
Mua cổ phần	90.243.900.000	-
Lợi nhuận được chia	33.029.268.000	-
Công ty Cổ phần kho bãi Phú Bình		
Vay	22.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	22.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	113.301.370	-
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dương</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.402.848.900	-
Mua hàng	79.166.213.680	-
<i>Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là "Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân")</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	11.173.944.456	-
Mua hàng	25.332.449.710	-
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	3.975.000.000	1.810.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	540.000.000	270.000.000
Ông Võ Hồng Quang	540.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	540.000.000	270.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu (từ ngày 26/4/2024)	360.000.000	-
Ông Mai Lương Việt (đến ngày 1/2/2024)	45.000.000	270.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Ánh Dương	1.306.734.106	1.125.749.371
Ông Võ Hồng Quang	1.244.577.696	871.136.214
Ông Nguyễn Minh Đệ	206.000.000	206.000.000
Ông Đặng Quốc Tường	918.759.840	994.540.361
Ông Nguyễn Nhật Tân	851.733.190	878.279.634
Ông Trịnh Ngọc Anh (từ ngày 15/7/2024)	315.074.696	-
Ông Trịnh Quang Thành (từ ngày 11/10/2024)	325.780.897	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	466.465.630.000	405.625.560.000
Vốn hóa chi phí khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang	-	1.953.180.857

48. Thông tin so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám Đốc đã nhận thấy báo cáo tài chính hợp nhất đã phát hành năm trước cần điều chỉnh về cách tính và hạch toán thuế và xác định doanh thu tại hai công ty con như trình bày dưới đây.

(a) Điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (“Công ty Tấn Phát”)

Theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung Khoản 23, Điều 4, Thông tư 219/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên vật liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất trở lên là sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”).

Công ty Tấn Phát bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ giữa năm 2023. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2023, Công ty Tấn Phát đã tính toán tỷ lệ của trị giá tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên tổng giá thành sản phẩm xuất khẩu (“tỷ lệ CPTNNL”) nhỏ hơn 51%, vì vậy công ty con này đã ghi nhận các khoản thuế GTGT đầu vào trong khoản mục Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ với số tiền là 148.418 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tuy nhiên, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, Tập đoàn đã xem xét, tính toán lại tỷ lệ CPTNNL thực tế của sản phẩm xuất khẩu của năm 2023 là trên 51%. Do đó, Tập đoàn đã điều chỉnh lại số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 10.255 triệu VND;
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ giảm 148.418 triệu VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 128.446 triệu VND;
- Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tăng 8.137 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 3.571 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 8.180 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 6.103 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Giá vốn hàng bán tăng 17.854 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 3.571 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 8.180 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát giảm 6.103 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 17.854 triệu VND;
- Khấu hao và phân bổ tăng 8.137 triệu VND;
- Biến động các khoản phải thu tăng 37.667 triệu VND;
- Biến động hàng tồn kho giảm 10.255 triệu VND; và
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác tăng 17.695 triệu VND.

(b) Điều chỉnh về thuế tài nguyên của Công ty Tấn Phát

Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 – sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên quy định: “*Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trị thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.*”

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

Tuy nhiên, Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”) quy định: “*Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm*”. Và giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra là “*trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.*”

Do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành, Công ty Tấn Phát đã gửi văn bản xin hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tuy nhiên chưa nhận được sự hướng dẫn cụ thể. Do đó Công ty Tấn Phát đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên cho năm tài chính 2023 dựa trên giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên khai thác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong năm 2024, khi rà soát lại nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp, Tập đoàn đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu khai thác bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm (tức là dựa trên diễn giải về quy định của Thông tư 152) để ghi nhận thêm 42.027 triệu VND nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp cho năm 2023. Do đó, các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 3.534 triệu VND;
- Xây dựng cơ bản dở dang tăng 4.868 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng 35.303 triệu VND. Trong đó, thuế tài nguyên tăng 42.028 triệu VND và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 6.725 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 15.406 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 11.495 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Giá vốn hàng bán tăng 33.626 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 6.725 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 15.406 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát giảm 11.495 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 33.626 triệu VND;
- Biến động hàng tồn kho giảm 3.533 triệu VND; và
- Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác tăng 37.159 triệu VND.

(c) Điều chỉnh doanh thu tạm tính của Công ty Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (“ADT”)

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa thực hiện điều chỉnh doanh thu tạm tính mà công ty con ADT ghi nhận theo giá bán thực tế cuối cùng cho hai lô hàng bán trong tháng 9 và tháng 12 năm 2023. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện tính lại và điều chỉnh phần doanh thu liên quan đến hai lô hàng này về đúng kỳ báo cáo năm 2023. Các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 50.201 triệu VND;
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 32.662 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 1.261 triệu VND;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm 1.383 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 80.219 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 81.459 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 1.239 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 80.220 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 81.459 triệu VND;
- Biến động các khoản phải thu tăng 50.201 triệu VND;
- Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác tăng 32.641 triệu VND; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo giảm 1.383 triệu VND.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2024		
		Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.928.169.781.905	(50.200.798.000)	1.877.968.983.905
Hàng tồn kho	141	944.433.461.208	13.788.684.889	958.222.146.097
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	226.395.550.873	(148.418.025.140)	77.977.525.733
Tài sản cố định hữu hình	221	9.519.201.639.687	120.309.289.002	9.639.510.928.689
Nguyên giá	222	12.419.829.155.708	128.446.101.420	12.548.275.257.128
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.900.627.516.021)	(8.136.812.418)	(2.908.764.328.439)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	107.818.401.504	4.868.162.775	112.686.564.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	136.780.178.266	32.662.325.000	169.442.503.266
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	113.446.376.786	30.471.089.016	143.917.465.802
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	105.169.358	(1.383.033.084)	(1.277.863.726)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	956.798.821.659	(103.805.236.721)	852.993.584.938
Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b	137.082.323.571	(103.805.236.721)	33.277.086.850
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.086.717.131.154	(17.597.830.685)	2.069.119.300.469

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	2023	
		Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
01	7.775.239.783.868	(81.458.721.204)	7.693.781.062.664
11	6.194.135.244.151	51.479.729.363	6.245.614.973.514
52	90.396.362.846	(11.535.383.161)	78.860.979.685
61	139.972.323.571	(103.805.236.721)	36.167.086.850
62	163.060.665.930	(17.597.830.685)	145.462.835.245

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	2023	
		Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
01	388.918.155.240	(132.938.450.567)	255.979.704.673
02	763.378.294.562	8.136.812.418	771.515.106.980
09	413.735.295.286	87.867.914.192	501.603.209.478
10	(23.954.281.021)	(13.788.684.889)	(37.742.965.910)
11	(281.225.384.255)	69.800.634.402	(211.424.749.853)
21	(474.556.898.735)	(17.695.192.472)	(492.252.091.207)
61	221.878.783	(1.383.033.084)	(1.161.154.301)

Ngoại trừ các thông tin so sánh được điều chỉnh lại như trình bày ở trên, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lưu Thanh Hương
 Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc



TỜ TRÌNH

V/v: Nội dung thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội như sau:

I. Kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025.

- Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 836 tỷ đồng.
- Kế hoạch chi trả cổ tức : 15%/Vốn điều lệ.

II. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn năm 2025.

1. **Thù lao của HĐQT:** Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định;

2. **Thù lao của Ban kiểm soát:**

- + Trưởng Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng.
- + Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo số thực chi thù lao của mỗi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

III. Trích lập các quỹ năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

1. **Trích lập các quỹ năm 2024.**

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành: Tỷ lệ trích 2% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt kế hoạch năm + 5% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế vượt kế hoạch năm.

2. **Kế hoạch trích lập các quỹ năm 2025**

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành:
 - + Trích thưởng Ban điều hành: 2% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế.
 - + Trích thưởng Ban điều hành: 5% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế vượt kế hoạch năm.
 - + Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thưởng cụ thể của Ban quản lý điều hành.

IV. Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

1. Các căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần tập đoàn PC1
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty

2. Phương án phát hành

Chỉ tiêu		Giá trị
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	3.576.421.210.000 đồng (tại thời điểm trình ĐHCĐ thường niên năm 2025)
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	357.642.121 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	53.646.318 cổ phiếu
10	Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá	536.463.180.000 đồng
11	Mục đích phát hành	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
12	Tỷ lệ thực hiện quyền/Tỷ lệ phát hành	15% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:15. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ 100 (một trăm) quyền sẽ nhận

STT	Phương án	Nội dung
		được 15 (mười lăm) cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.
13	Phương thức thực hiện	Cổ đông hiện hữu được nhận cổ phiếu phát hành thêm theo phương thức thực hiện quyền. Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.
14	Đối tượng phát hành	Toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.
15	Nguồn vốn thực hiện phát hành	Nguồn vốn chủ sở hữu căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, bao gồm: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. ĐHCĐ uỷ quyền cho HĐQT cân đối và quyết định chi tiết nguồn vốn sử dụng trong các nguồn đã nêu trên.
16	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến thực hiện trong năm 2025, thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định và được thực hiện đồng thời với đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong công ty.
17	Nguyên tắc làm tròn và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	<p>Số cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được huỷ bỏ.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 1.210 cổ phiếu. Theo tỷ lệ thực hiện, quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm là 100:15. Khi đó cổ đông A sẽ được nhận số lượng cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(1.210/100) \times 15 = 181,5$ cổ phiếu.</p> <p>Theo nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 181 cổ phiếu; 0,5 cổ phiếu lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.</p>

STT	Phương án	Nội dung
18	Các hạn chế liên quan	Các cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng (nếu có) vẫn được nhận cổ phiếu phát hành thêm từ đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
19	Cam kết về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài	Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài tại Công ty tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

3. Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

4. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành.

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

5. Ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định thời điểm phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;
- Tính toán và xác định số lượng cổ phiếu phát hành chi tiết căn cứ theo tỷ lệ phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua nêu trên;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN;
- Hoàn tất các vấn đề khác để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

6. Triển khai thực hiện

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc triển khai các công việc liên quan theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

V. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong công ty (Chương trình ESOP-2025).

1. Căn cứ:

- Thực tế biến động lực lượng lao động, lực lượng quản lý trong ngành năng lượng, ngành công nghiệp giai đoạn hiện nay rất phức tạp, thu hút bởi các công ty FDI, các công ty tư nhân mới nhập ngành với chính sách ưu đãi bất thường ảnh hưởng đến lực lượng lao động có năng lực cao của PC1.
- Chiến lược PC1 2026 - 2030, mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững, ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến và trách nhiệm xã hội cần có đội ngũ Cán bộ nhân viên năng lực, tâm huyết, gắn bó.

2. Mục đích phát hành:

Duy trì và phát triển đội ngũ Cán bộ nhân viên ưu tú, năng lực, gắn kết, đáp ứng thực hiện thành công chiến lược Tập đoàn 2026- 2030.

3. Phương án phát hành

	CHƯƠNG TRÌNH	YÊU CẦU
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	3.576.421.210.000 đồng (tại thời điểm trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	357.642.121 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

STT	Chương trình	Nội dung
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 10.729.263 cổ phiếu (tương đương 3% vốn điều lệ hiện tại)
10	Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 107.292.630.000 đồng
11	Đối tượng được mua cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý Công ty và Công ty con, Cán bộ nhân viên của Công ty (Sau đây gọi là “Cán bộ nhân viên”) theo danh sách được Hội đồng quản trị phê duyệt. - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và ban hành quy chế, tiêu chí đánh giá cụ thể và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng Cán bộ nhân viên và danh sách chi tiết được mua cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP.
12	Tiêu chuẩn được tham gia chương trình ESOP	<p>Các tiêu chuẩn làm cơ sở đánh giá, phân phối bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ, vị trí công tác - Kết quả hoàn thành công việc tối thiểu trong năm gần nhất; - Tiềm năng đóng góp cho sự phát triển của Tập đoàn; - Thâm niên công tác.
13	Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
14	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của Cán bộ nhân viên)
15	Phương án xử lý cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cán bộ nhân viên không mua hoặc mua một phần cổ phần (“Cổ phần cần phân phối”)	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân bổ số Cổ phần cần phân phối cho Cán bộ nhân viên khác trong danh sách ESOP ban đầu với cùng mức giá phát hành
16	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến thực hiện trong năm 2025, thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định và được thực hiện đồng thời với đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

STT	Phương án	Nội dung
17	Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là: 107.292.630.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Phương án sử dụng vốn cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương ESOP. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

6. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành.

- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

7. Ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định chi tiết và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên năm 2025;
- Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Cán bộ nhân viên nghỉ việc thì số cổ phiếu đã phát hành cho Cán bộ nhân viên đó sẽ được xử lý theo Quy chế chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên do HĐQT ban hành;
- Quyết định nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng Cán bộ nhân viên và danh sách Cán bộ nhân viên được tham gia chương trình ESOP;
- Tính toán tỷ lệ phát hành chi tiết căn cứ trên số lượng cổ phiếu phát hành tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua ở trên;
- Quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn theo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ở trên;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Quyết định thời điểm phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;
- Hoàn tất các vấn đề khác để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

8. Triển khai thực hiện

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc triển khai các công việc liên quan theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

VI. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

1. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần tập đoàn PC1;
- Căn cứ nhu cầu hạ tầng phục vụ hoạt động SXKD của Tập đoàn.

2. Nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung liên quan tới việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1, cụ thể như sau:

2.1 Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký: Số 18 phố Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính dự kiến thay đổi: Tầng 1, 2 và 3 Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2.2 Sửa đổi điều lệ:


- Thông qua việc sửa đổi khoản 2.3 Điều 2 Điều lệ Công ty về Trụ sở đăng ký của Công ty theo địa chỉ ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và bỏ địa điểm kinh doanh của Công ty.

2.3 Ủy quyền:

- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế quyết định thời điểm phù hợp để thực hiện thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty và điều chỉnh thông tin địa chỉ đăng ký do thay đổi địa giới hành chính khi sắp xếp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Quyết định các nội dung khác có liên quan trong quá trình thực hiện thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

- Giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 02/TTr-BKS-PCI

Hà nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

1. Các căn cứ.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI;
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2025.
- Căn cứ BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

2. Nội dung trình.

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch trên thị trường chứng khoán đối với các Công ty đã thực hiện niêm yết.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

- Phê duyệt danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 trong nhóm Big 4 về lĩnh vực kiểm toán.
- Giao Tổng giám đốc lựa chọn 01 trong 04 đơn vị trong nhóm Big 4 nêu trên để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với mức giá phí hợp lý, phù hợp với đặc thù hoạt động của Tập đoàn.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Hải Hà

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 20230;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (PCI);

Các thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và Ban kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI sẽ kết thúc nhiệm kỳ hoạt động của mình sau khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Để chuẩn bị công tác nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030, Hội đồng quản trị kính thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS:

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 20230: 05 người

- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030: 03 người

- Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT: theo Điều 2 Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 của PCI.

- Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS: theo Điều 3 Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 của PCI.

2. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS:

Theo Điều 4 Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 của PCI.

3. Hướng dẫn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử vào HĐQT, BKS:

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn đề cử hoặc ứng cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu);

- Bản sao CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu

Quý Cổ đông lưu ý: Người tự ứng cử, đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ tự ứng cử, đề cử của mình.

Do vậy, HĐQT kính đề nghị Quý cổ đông hoặc Nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản ứng cử, đề cử ứng viên về Công ty trước 17h00 ngày 24/4/2025 để Ban tổ chức Đại hội hoàn thiện thủ tục theo quy định.

Để biết thêm chi tiết về việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Công ty, Quý cổ đông có thể truy cập website của Công ty tại <https://www.pclgroup.vn/> (mục Quan hệ nhà đầu tư/Công bố thông tin) hoặc vui lòng liên hệ với Bà Vũ Thị Lan Mỹ - Thư ký Công ty.

Hồ sơ xin gửi theo địa chỉ:

Bà Vũ Thị Lan Mỹ - Thư ký Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn PCI

Địa chỉ: Tòa CT2 - 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 024 3734 3060 (gặp Bà Vũ Thị Lan Mỹ – Thư ký Công ty)

Fax: 024 3823 1997 **Email:** myvtl@pclgroup.vn.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025.

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1);

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030 theo quy chế dưới đây:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“Đại hội”).
- 1.2 Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 theo danh sách chốt ngày 20/3/2025 và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn bầu thành viên HĐQT

- 2.1 Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 (năm) người với nhiệm kỳ 05 năm.
- 2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT
 - a. Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020;
 - b. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không quá 05 công ty.
 - e. Các phẩm chất và năng lực sau:
 - Có tố chất lãnh đạo, liêm chính, trách nhiệm, chín chắn, đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra

những quyết định hợp lý;

- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
- Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức;
- Kỹ năng giao tiếp tốt.

2.3 Tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT độc lập:

- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

3.1 Số lượng thành viên BKS được bầu là 03 (ba) người với nhiệm kỳ 05 năm.

3.2 Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- e. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

- 4.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 4.2 Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- 4.3 Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 5: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT và BKS

- 5.1 Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS bao gồm:
- a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
 - b. Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu);
 - c. Bản sao CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
- 5.2 Người tự ứng cử, được đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ tự ứng cử, đề cử của mình.
- 5.3 Chỉ những hồ sơ đề cử ứng viên, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 6. Phương thức bầu cử

- 6.1 Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu.
- 6.2 Sau khi Đại hội thông qua danh sách các ứng cử viên bầu thành viên HĐQT, BKS và Quy chế bầu cử, mỗi đại biểu tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát 02 (hai) phiếu bầu: 01 (một) phiếu bầu thành viên HĐQT và 01 (một) phiếu bầu thành viên BKS. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu



có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức.

- 6.3 Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT hoặc số lượng thành viên được bầu của BKS.
- 6.4 Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
- 6.5 Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên của 01 cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (số cổ phần x số lượng thành viên được bầu)

(Chi tiết theo Phụ lục hướng dẫn phương thức bầu dồn phiếu đính kèm)

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- 7.1 Phiếu bầu được in thống nhất có đóng dấu treo của Công ty, có tổng số quyền biểu quyết theo từng cổ đông;
- 7.2 Cổ đông/đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu thành viên HĐQT (màu hồng) và 01 phiếu bầu thành viên BKS (màu vàng) theo mã số tham dự (sở hữu hoặc ủy quyền);
- 7.3 Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải báo ngay cho Ban tổ chức để đổi lại phiếu bầu khác.
- 7.4 Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó;
- 7.5 Trường hợp ghi sai, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
- 7.6 Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

Điều 8. Phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ

- 8.1 Phiếu bầu cử hợp lệ
 - a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội thông qua;
 - b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
 - c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 8.2 Điều này.
- 8.2 Phiếu bầu cử không hợp lệ
 - a. Phiếu không do Công ty phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;
 - b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

- c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó/đại diện ủy quyền của cổ đông đó;
- e. Phiếu không ký tên, ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông
- f. Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu.

Điều 9. Trúng cử

- 9.1 Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ thành viên (05 thành viên HĐQT, 03 thành viên BKS).
- 9.2 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi lựa chọn được.

Điều 10. Khiếu nại về kết quả bầu cử

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm mười (11) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Trịnh Văn Tuấn

45 - C.T.P
 T.Y
 ĐOÀN
 P. HÀ NỘI

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030)

1. Quy định bầu dòn phiếu

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội được tiến hành theo nguyên tắc bầu dòn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

2. Cách thức bầu

a) Xác định tổng số phiếu biểu quyết của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông)

*** Bầu thành viên HĐQT**

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{phiếu biểu quyết} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần} \\ \text{có quyền biểu quyết} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số thành viên được} \\ \text{bầu của HĐQT} \end{array}$$

*** Bầu thành viên BKS**

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{phiếu biểu quyết} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần} \\ \text{có quyền biểu quyết} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số thành viên được} \\ \text{bầu của BKS} \end{array}$$

Vi dụ 1: Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 05 người; Số lượng thành viên bầu vào BKS là 03 người. Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, phiếu biểu quyết HĐQT của ông X là $(1.000 \times 5) = 5.000$ phiếu và phiếu biểu quyết BKS là $(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu.

b) Cách thức bỏ phiếu

- Đối với trường hợp bầu HĐQT: Bầu lấy 05 ứng viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên mà mình lựa chọn.

- Đối với trường hợp bầu BKS: Bầu lấy 03 ứng viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên mà mình lựa chọn.

Cách ghi:

Cổ đông chọn 1 trong 2 cách sau:

- **Cách 1:** Phân bổ toàn bộ phiếu bầu: Cổ đông phân bổ toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho các ứng viên mà mình lựa chọn, cổ đông tích "X" vào các ô vuông tương ứng với các ứng viên được bầu, gạch ngang các ô vuông tương ứng với các ứng viên không được bầu.

Vi dụ: Khi bầu cử HĐQT, ông A chia đều tổng số phiếu biểu quyết của mình là 5.000 phiếu cho 05 ứng viên từ ứng viên 1 đến ứng viên 5, tương đương mỗi ứng viên nhận được 1.000 phiếu bầu, ông A sẽ ghi phiếu như sau:

TT	Tên ứng cử viên	Cách 1:	Cách 2:
		Phân bổ toàn bộ phiếu bầu (Tích "X" vào các ứng viên được bầu)	Phân bổ không toàn bộ số phiếu bầu (Ghi số phiếu bầu cho cho các ứng viên được bầu)
1	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	
3	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	
4	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	
5	Ứng viên 5	<input type="checkbox"/>	
6	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	
	Tổng số	5.000

- **Cách 2:** Phân bổ không đều số phiếu bầu: Cử đồng chia tổng số phiếu bầu của mình cho các ứng viên/hoặc dồn tổng số phiếu bầu cho 1 ứng viên, cử đồng ghi cụ thể số phiếu bầu cho cho các ứng viên được bầu, ghi "0" hoặc gạch chéo các dòng tương ứng với các ứng viên không được bầu.

Ví dụ: Khi bầu cử HDQT, ông A chia tổng số phiếu bầu quyết của mình là 5.000 phiếu cho 02 ứng viên, ứng viên 1: 3.000 phiếu bầu, ứng viên 3: 2.000 phiếu bầu, ông A sẽ ghi phiếu như sau:

TT	Tên ứng cử viên	Cách 1:	Cách 2:
		Phân bổ toàn bộ phiếu bầu (Tích "X" vào các ứng viên được bầu)	Phân bổ không toàn bộ số phiếu bầu (Ghi số phiếu bầu cho cho các ứng viên được bầu)
1	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	3.000
2	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	0
3	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	2.000
4	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	0
5	Ứng viên 5	<input type="checkbox"/>	0
	Tổng số	5.000

Lưu ý: Tổng số phiếu đã biểu quyết không được vượt quá tổng số phiếu bầu quyết đã ghi sẵn trên phiếu bầu cử.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên(HDQT/BKS), tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phiếu

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI**

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên người dự họp:

Số CMT/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN:

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu/đại diện:

Phiếu

Ký tên:

Ghi chú:

- 01 cổ phần phổ thông tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu bằng số quyền biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị sử dụng tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 của PCI.

**PCI****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI (PCI GROUP JSC)**

A: Tòa nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Văn phòng: **W:** www.pcigroup.vn**E:** info@pcigroup.vn**F:** +84 24 38231997**T:** +84 24 38456329

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

**PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
Nhiệm kỳ 2025 – 2030****HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN:**

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần được ủy quyền:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **cổ phần. (1)**

Số người được bầu vào HĐQT: 05 người

Tổng số phiếu biểu quyết cổ đông được quyền bỏ tối đa cho các ứng cử viên [(2)=(1)x1]: **phiếu**

TT	Tên ứng cử viên	<u>Cách 1:</u>	<u>Cách 2:</u>
		Phân bổ toàn bộ phiếu bầu <i>(Tích "X" vào các ô vuông tương ứng với các ứng viên được bầu, gạch ngang các ô vuông tương ứng với các ứng viên không được bầu.)</i>	Phân bổ không toàn bộ số phiếu bầu <i>(Ghi cụ thể số phiếu bầu cho các ứng viên được bầu, ghi "0" hoặc gạch chéo các dòng tương ứng với các ứng viên không được bầu)</i>
1		<input type="checkbox"/>	
2		<input type="checkbox"/>	
3		<input type="checkbox"/>	
4		<input type="checkbox"/>	
5		<input type="checkbox"/>	
	Tổng số

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN*(Ký, ghi rõ họ tên)*



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1 (PC1 GROUP JSC)

At: Toà nhà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Lưu ý luôn tín cậy

W: www.pc1group.vn

E: info@pc1group.vn

F: +84 24 38231997

T: +84 24 38456329



Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN BKS
Nhiệm kỳ 2025 – 2030

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần được ủy quyền:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **cổ phần. (1)**

Số người được bầu vào BKS: 03 người

Tổng số phiếu biểu quyết cổ đông được quyền bỏ tối đa cho các ứng cử viên [(2)=(1)x1]: **phiếu**

TT	Tên ứng cử viên	<u>Cách 1:</u>	<u>Cách 2:</u>
		Phân bổ toàn bộ phiếu bầu <i>(Tích "X" vào các ô vuông tương ứng với các ứng viên được bầu, gạch ngang các ô vuông tương ứng với các ứng viên không được bầu.)</i>	Phân bổ không toàn bộ số phiếu bầu <i>(Ghi cụ thể số phiếu bầu cho cho các ứng viên được bầu, ghi "0" hoặc gạch chéo các dòng tương ứng với các ứng viên không được bầu)</i>
1		<input type="checkbox"/>	
2		<input type="checkbox"/>	
3		<input type="checkbox"/>	
	<u>Tổng số</u>

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2 Kế hoạch trích lập các quỹ năm 2025

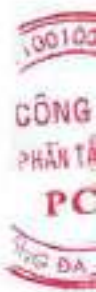
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành:
 - + Trích thưởng Ban điều hành: 2% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế.
 - + Trích thưởng Ban điều hành: 5% trên giá trị lợi nhuận hợp nhất sau thuế vượt kế hoạch năm.
 - + Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thưởng cụ thể của Ban quản lý điều hành.

4. Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

4.1 Phương án phát hành

1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	3.576.421.210.000 đồng (tại thời điểm trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	357.642.121 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	53.646.318 cổ phiếu
10	Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá	536.463.180.000 đồng
12	Mục đích phát hành	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
13	Tỷ lệ thực hiện quyền/Tỷ lệ phát hành	15% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:15. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ 100 (một trăm) quyền sẽ nhận được 15 (mười lăm) cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.

14	Phương thức thực hiện	Cổ đông hiện hữu được nhận cổ phiếu phát hành thêm theo phương thức thực hiện quyền. Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.
15	Đối tượng phát hành	Toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.
16	Nguồn vốn thực hiện phát hành	Nguồn vốn chủ sở hữu căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, bao gồm: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT cân đối và quyết định chi tiết nguồn vốn sử dụng trong các nguồn đã nêu trên.
17	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến thực hiện trong năm 2025, thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định và được thực hiện đồng thời với đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
18	Nguyên tắc làm tròn và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	<p>Số cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được huỷ bỏ.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 1.210 cổ phiếu. Theo tỷ lệ thực hiện, quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm là 100:15. Khi đó cổ đông A sẽ được nhận số lượng cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(1.210/100) \times 15 = 181,5$ cổ phiếu.</p> <p>Theo nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 181 cổ phiếu; 0,5 cổ phiếu lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.</p>
19	Các hạn chế liên quan	Các cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng (nếu có) vẫn được nhận cổ phiếu phát hành thêm từ đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
20	Cam kết về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài	Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài tại Công ty tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành.



4.2 Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

4.3 Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát.

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

4.4 Ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định thời điểm phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;
- Tính toán và xác định số lượng cổ phiếu phát hành chi tiết căn cứ theo tỷ lệ phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua nêu trên;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN;
- Hoàn tất các vấn đề khác để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

4.5 Triển khai thực hiện

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc triển khai các công việc liên quan theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

5. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong công ty (Chương trình ESOP-2025).

5.1 Phương án phát hành

STT	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
2	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
3	Sàn niêm yết	HOSE
4	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện tại	3.576.421.210.000 đồng (tại thời điểm trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)
7	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	357.642.121 cổ phiếu
8	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 10.729.263 cổ phiếu (tương đương 3% vốn điều lệ hiện tại)
10	Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 107.292.630.000 đồng
11	Đối tượng được mua cổ phần	<p>- Cán bộ quản lý Công ty và Công ty con, Cán bộ nhân viên của Công ty (Sau đây gọi là "Cán bộ nhân viên") theo danh sách được Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và ban hành quy chế, tiêu chí đánh giá cụ thể và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng Cán bộ nhân viên và danh sách chi tiết được mua cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP.</p>
12	Tiêu chuẩn được tham gia chương trình ESOP	<p>Các tiêu chuẩn làm cơ sở đánh giá, phân phối bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ, vị trí công tác - Kết quả hoàn thành công việc tối thiểu trong năm gần nhất; - Tiềm năng đóng góp cho sự phát triển của Tập đoàn; - Thâm niên công tác.
13	Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
14	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng



STT	Phương án	Nội dung
		02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của Cán bộ nhân viên)
15	Phương án xử lý cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cán bộ nhân viên không mua hoặc mua một phần cổ phần (“Cổ phần cần phân phối”)	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân bổ số Cổ phần cần phân phối cho Cán bộ nhân viên khác trong danh sách ESOP ban đầu với cùng mức giá phát hành
16	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến thực hiện trong năm 2025, thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định và được thực hiện đồng thời với đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
17	Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

5.2 Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là: 107.292.630.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Phương án sử dụng vốn cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

5.3 Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế phát hành được theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương ESOP. Số cổ phiếu nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

5.4 Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ của công ty theo số vốn thực tế tăng thêm từ đợt phát hành.

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và chỉnh sửa vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành và các nội dung liên quan khác trong điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

5.5 Ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quyết định chi tiết và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên năm 2025;

- Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Cán bộ nhân viên nghỉ việc thì số cổ phiếu đã phát hành cho Cán bộ nhân viên đó sẽ được xử lý theo Quy chế chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên do HĐQT ban hành;
- Quyết định nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng Cán bộ nhân viên và danh sách Cán bộ nhân viên được tham gia chương trình ESOP;
- Tính toán tỷ lệ phát hành chi tiết căn cứ trên số lượng cổ phiếu phát hành tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua ở trên;
- Quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn theo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ở trên;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định thời điểm phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định chi tiết và chỉnh sửa, bổ sung phương án phát hành tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm phát hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;
- Hoàn tất các vấn đề khác để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết khác để cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Các công việc khác để thực hiện phương án phát hành nêu trên;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

5.6 Triển khai thực hiện

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc triển khai các công việc liên quan theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

6. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

6.1 Nội dung Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký: Số 18 phố Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính dự kiến thay đổi: Tầng 1, 2 và 3 Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6.2 Sửa đổi điều lệ:

Thông qua việc sửa đổi khoản 2.3 Điều 2 Điều lệ Công ty về Trụ sở đăng ký của Công ty theo địa chỉ ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và bỏ địa điểm kinh doanh của Công ty.

6.3 Ủy quyền:

- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế quyết định thời điểm phù hợp để thực hiện thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty và điều chỉnh thông tin địa chỉ đăng ký do thay đổi địa giới hành chính khi sắp xếp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Quyết định các nội dung khác có liên quan trong quá trình thực hiện thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

- Giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện BCTC năm 2025 của Công ty

- Phê duyệt danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 trong nhóm Big 4 về lĩnh vực kiểm toán.

- Giao Tổng giám đốc lựa chọn 01 trong 04 đơn vị trên để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với mức giá phí hợp lý, phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty.

8. Bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2025 -2030.

- Các ông/bà có tên sau đây trúng cử vào HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030:

1-

2-

3-

4-

5-

- Các ông/bà có tên sau đây trúng cử vào BKS công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030:

1-

2-

3-

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/04/2025. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE (Báo cáo);
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu VP

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trịnh Văn Tuấn